

DESSIN 1931. Musée Fernand Léger Biot

mục lục

Thời sự, những vấn đề

- | | |
|--|---------------|
| 1. Bước ngoặt Âu hoá của xã hội Việt Nam | Hoà Vân |
| 2. Việt Nam, ASEAN và Đông Nam Á | Phong Quang |
| 4. Tin tức Việt Nam | |
| 13. Dân chủ : 5 năm sau | Nguyễn Quang |
| 16. Hệ thống y tế và phát triển IV | Bùi Mộng Hùng |

Văn hoá, nghệ thuật

- | | |
|--|--------------|
| 20. Lời bạt tập thơ Phùng Cung | Phùng Quán |
| 22. Đọc Gió đại của Bảo Ninh | Đoàn Cầm Thi |
| 24. Những tác phẩm mới nhất
của Nguyễn Khai | Huỳnh Hữu Uỷ |
| 26. Đọc sách | Nguyễn Thắng |
| 28. Thơ <i>Ngọc Khoi</i> , Lê Thị Thẩm Văn, Jirí Kolář | Miêng |
| 29. Điều Thuyền (truyện ngắn) | |

90 năm thành lập Hội Duy Tân

Bước ngoặt Âu hoá của xã hội Việt Nam

Hoà Vân

Khi thành lập **Hội Duy Tân**, rõ ràng mục đích của Phan Bội Châu và những đồng chí của ông, Nguyễn Hâm, Thái Phiên, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn v.v... trước hết là tìm một con đường kháng chiến mới chống thực dân Pháp, khôi phục đất nước, như sau này chính cụ Phan đã ghi lại trong hồi ký (*Phan Bội Châu niên biểu*) của mình.

Trong những năm đầu thế kỷ ấy, các cuộc khởi nghĩa cần vương đều đã thất bại. Còn lại chiến khu Yên Thế của người anh hùng Đề Thám không đủ tạo ảo tưởng một cuộc kháng chiến có thể mang lại thắng lợi. Cuộc "bình định" Đông Dương của thực dân đã thắng lợi từ hơn 20 năm trước, các công trình khai thác thuộc địa đã bắt đầu. Cầu Doumer (sau đổi tên là Long Biên) bắc qua sông Hồng được khánh thành năm 1902, như một minh chứng hiển nhiên của sự ưu việt của kỹ thuật tây phương. Trước đó, đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho đã hoàn thành năm 1886, đường Hà Nội - Lạng Sơn năm 1897, và tới năm 1904 đã xong ba đoạn Hà Nội - Vinh, Đà Nẵng (Tourane) - Đông Hà, Nha Trang - Sài Gòn trên đường xe lửa xuyên Việt...

Có phải chính vì thế mà tiếng gọi *duy tân* đã vượt xa những mục tiêu ban đầu của Hội để tạo ra cả một **phong trào cách mạng** với ảnh hưởng sâu rộng còn âm vang mãi sau này và cả cho tới ngày nay ?

*

Điều hiển nhiên đầu tiên là một Nguyễn Trường Tộ lè loi điêu trì trước một triều đình ngu muội và nhu nhược hơn ba mươi năm trước đã được thay thế bằng cả một lớp đông đảo các nho sĩ lần đầu tiên nhận thức được sự tất yếu phải hiện đại hoá đất nước, phải thay đổi một cách cơ bản từ cách sống, cách nghĩ mới mong xoay chuyển được tình thế. Phan Châu Trinh còn đi xa hơn chủ trương của Duy Tân hội, nhấn mạnh yêu cầu hiện đại hoá đất nước trước yêu cầu lật đổ chế độ thực dân, nghiêm nhiên hình thành một **phong trào Duy Tân** với những bạn bè chí thiết của ông như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế v.v...

(xem tiếp trang 10)

DIỄN ĐÀN FORUM

Giữ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hòa Vân

SINH HOẠT VĂN HÓA

LES ENFANTS D'IZIEU của NGUYỄN THIỀN ĐẠO

Nhạc phẩm LES ENFANTS D'IZIEU của Nguyễn Thiên Đạo đã được trình bày lần đầu tiên tại Festival d'Avignon trung tuần tháng 7 vừa qua và đã gây tiếng vang lớn. Tác phẩm này sẽ được phát thanh ngày 18-9 tới đây, hồi 22g35, trên đài France-Culture.

ĐẶNG THÁI SƠN trình tấu Debussy, Chopin ngày 19.10 tại PARIS

Ngày 19.10 tới đây, lúc 20g30, nghệ sĩ Đặng Thái Sơn sẽ độc tấu dương cầm tại phòng Gaveau (45, rue de la Boétie, Paris 8). Chương trình gồm những tác phẩm của Debussy (*Images pour piano, L'Isle Joyeuse*) và Chopin (*Impromptu, Scherzi*).

Giữ chỗ trước tại Salle Gaveau (điện thoại 45 62 69 71), FNAC, Virgin Megastore và các agences de spectacle.

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89

EXPOSITION DE PEINTURES :

Vĩnh Phối et Đức Huy, peintres de Huế
(vernissage : 13 septembre)

Lardeux (vernissage : 20 septembre)

CINEMA :

Người đàn bà nghịch cát (La femme qui joue avec le sable),
film de Đỗ Minh Tuấn (dimanche 25 septembre, 16 h 00)

Mùa xuân 1994 đã được đánh dấu bằng sự cải tiến quan hệ Việt-Mỹ với quyết định bỏ cấm vận. Sang mùa hè, nền ngoại giao Việt Nam tập trung vào hướng Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Hai mốc quan trọng đánh dấu quá trình gia nhập ASEAN của Việt Nam :

– Ngày 28.7 tại Bangkok, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm gặp ngoại trưởng của 6 nước thành viên ASEAN. Sau cuộc hội đàm này, ASEAN tuyên bố chấp nhận “về mặt nguyên tắc” sự gia nhập của Việt Nam (từ hai năm nay, là quan sát viên) với đầy đủ tư cách thành viên. Còn lại là những vấn đề “kỹ thuật” (xem dưới) phải giải quyết, để tới sang năm, trong cuộc họp thường niên 1995 tại Brunei, ASEAN sẽ chính thức quyết định.

– Cuộc gặp gỡ nói trên diễn ra sau khi kết thúc Diễn đàn Khu vực của ASEAN (ARF : ASEAN Regional Forum), bao gồm 9 nước Đông Nam Á (6 nước ASEAN : Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan ; 3 nước Đông Dương : Cambốt, Lào, Việt Nam ; chỉ còn thiếu Miến Điện) và các đại diện của Mỹ, Liên hiệp châu Âu, Canada, Australia, New Zealand, Papua New Guinea, cũng như của Trung Quốc, Hàn Quốc (Nam Triều Tiên) và Nga. Đây chỉ là một diễn đàn trao đổi ý kiến (một cách ngoại giao) về an ninh khu vực, song nó cũng đánh dấu vai trò quan trọng của Đông Nam Á trong khu vực Thái Bình Dương : sức sống của ASEAN, nhu cầu của bản thân ASEAN và ý muốn của 4 nước còn lại ở Đông Nam Á (3 nước Đông Dương và Miến Điện) tiến tới một hiệp hội ASEAN bao gồm toàn bộ 10 nước trong khu vực. Chính để đi tới mục tiêu này mà cuối tháng 5 vừa qua, đã đề ra ý kiến thành hình một Cộng đồng kinh tế Đông Nam Á, coi đó là bước quá độ (chuyển tiếp) cần thiết do sự chênh lệch trong trình độ phát triển giữa 6 nước ASEAN và 4 nước kia.

Trong bối cảnh chung của Thái Bình Dương và của thế giới sau chiến tranh lạnh (mà hai nhân tố cơ bản là : (1) triển vọng to lớn của vùng châu Á – Thái Bình Dương, (2) sự phức tạp và tính cách *hoàn toàn mới* của các điều kiện chiến lược – kinh tế quốc tế), sự thành lập một cộng đồng Đông Nam Á có một ý nghĩa quan trọng và cũng mang nặng những khó khăn và mâu thuẫn.

Đầu tiên là những vấn đề nội bộ của Đông Nam Á :

– Nếu về mặt địa lý, với tất cả sự đa dạng của thế đất và sự phân bố lục địa / hải đảo cũng như phân bố dân cư, Đông Nam Á rõ ràng là một thực thể, thì về mặt chính trị cũng như kinh tế, trong lịch sử cận đại, nó chưa hề tồn tại. Cho đến những năm gần đây, chưa có một ý thức Đông Nam Á.

– So với các khu vực châu Mỹ La tinh, Đông Âu, châu Phi, Tây Á, thì Đông Nam Á là một vùng tương đối (rất) ổn định — một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển —, song cũng không thiếu mầm mống xung đột vũ trang : Miến Điện, Cambốt, Đông Timor.

– Sự phát triển của ASEAN tự nó dẫn tới hai đòi hỏi mâu thuẫn nhau : một là phải tăng cường và nâng cao sự hợp tác (về mặt kinh tế, cụ thể là Hiệp định Mậu dịch Tự do ASEAN AFTA ưu đãi lẫn nhau về thuế), hai là phải mở rộng ASEAN cho cả 4 nước còn lại ở Đông Nam Á, mà trình độ phát triển còn tụt hậu, không thể nào kham nổi những quy ước hiện hành về mậu dịch, chưa nói chi đến những biện pháp củng cố đang dự kiến.

Việt Nam, ASEAN và Đông Nam Á

– Sự khác biệt còn khá lớn trong thể chế chính trị : 6 nước ASEAN nói chung là những chế độ chuyên chính thiên hữu đang phải thích ứng với quá trình dân chủ hoá đã trở thành yêu cầu của xã hội và của bản thân trình độ phát triển kinh tế ; 3 nước Đông Dương và Miến Điện đang từng bước chuyển từ chế độ toàn trị “thiên tả” sang cơ chế kinh tế thị trường mà vẫn muốn duy trì chế độ độc đảng (trừ Cambốt) trong khi dân chủ hoá là đòi hỏi khách quan của phát triển kinh tế trong thời đại hiện nay, mặc dù đó chưa phải là đòi hỏi bức xúc trong ý thức xã hội. Các chính quyền “tả” cũng như “hữu” ở khu vực này đang tâm đầu ý hiệp về một quan niệm *dân chủ và nhân quyền đặc thù của châu Á* rất mơ hồ (và không thể không mơ hồ) để phủ nhận vấn đề, song mâu thuẫn giữa xã hội đang biến chuyển sâu sắc và thể chế phi dân chủ sẽ là vấn đề nổi cộm ở Đông Nam Á trong thập niên tới đây. Hào quang thành công kinh tế chói lọi của một Lý Quang Diệu sẽ không át được ánh sáng hôm nay còn le lói của một Aung San Suu Kyi mảnh mai mà kiên định.

Trên bình diện quốc tế, ASEAN phải chuyển mình và cộng đồng Đông Nam Á phải hình thành trong bối cảnh phức tạp của một thế giới vùn vụt đổi thay. Song những dữ kiện mấu chốt cũng khá rõ nét, chỉ cần tóm tắt sơ lược :

– quan hệ bất bình đẳng giữa phía Bắc và phía Nam địa cầu, trong đó có những vấn đề cụ thể thời sự : thoả ước chung GATT (phía Nam chấp nhận tác quyền trí tuệ và nhiều ràng buộc khác, nhưng ngược lại, vẫn phải chịu thiệt về giá cả nông sản), các nước công nghiệp Âu-Mỹ vẫn than thở về xu hướng *dời chỗ doanh nghiệp* (délocalisation).

– nhu cầu củng cố thể lực của Đông Nam Á trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) để có thể đối trọng với khối Bắc Mỹ (NAFTA), Nhật Bản, Trung Quốc, châu Đại Dương.

– chính sách của Trung Quốc, đặc biệt ở trên vùng biển, là nơi Trung Quốc tăng cường và phô trương lực lượng một cách lộ liễu, đồng thời sử dụng cả hải quân địa phương làm hải tặc (cũng không quên Trung Quốc bán súng đạn cho tập đoàn quân phiệt Miến Điện, và chưa hoàn toàn chấm dứt việc nuôi dưỡng Pol Pot). Chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và trên lãnh hải ở khu vực là hòn đá thủ vàng của cộng đồng Đông Nam Á, và cũng là vấn đề đang đặt ra trong quan hệ của các cường quốc đối với Trung Quốc.

Đặt trong bối cảnh chung đó, chúng ta mới thấy rõ ý nghĩa và những hệ quả của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.

Nhiều nhà ngoại giao ASEAN không ngần ngại nói rằng “*chuồng ngai lớn nhất ngăn cản Việt Nam trở nên thành viên đầy đủ của ASEAN không phải là chế độ chính trị, cũng*

chẳng phải là nền kinh tế” mà là tình trạng “*quan chức cao cấp Việt Nam thiếu người nói thạo tiếng Anh*” (hàng năm, ASEAN có 200 cuộc họp lớn nhỏ sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ làm việc) (AFP, 23.07.94).

Học tiếng Anh đúng là vấn đề lớn của Việt Nam hiện nay, không chỉ riêng cho các quan chức cao cấp. Song, ngoài vấn đề ngôn ngữ, cơ chế kinh tế cũng là chuồng ngai đáng kể trên con đường hội nhập của Việt Nam. Cụ thể là khả năng tuân thủ những nghĩa vụ kinh tế và tài chính của ASEAN. Trong khi Philippines sốt sắng tán thành việc kết nạp Việt Nam, thì thủ tướng Singapore, ông Goh Chok Tong, sau chuyến đi thăm tháng 3.94 còn tuyên bố “*không có cảm tưởng Việt Nam sẵn sàng gia nhập ASEAN ngay lúc này*”. Một thí dụ : như đã nói trên, hiệp định AFTA chủ trương giảm quan thuế trong mậu dịch giữa các nước ASEAN xuống mức 5 % (trong vòng 15 năm, không những thế, Thái Lan còn đề nghị rút ngắn thời hạn này xuống 10 năm), trong khi đó, để cứu sống nền công nghiệp của mình, Việt Nam buộc phải tăng thuế nhập khẩu. Một vài nước ASEAN đã có ý miễn cho Việt Nam phải tuân thủ hiệp ước AFTA trong thời gian đầu. Ý kiến thiện chí và thực tế này có được toàn khôi tán thành không ? Cuộc họp các bộ trưởng kinh tế của ASEAN nhóm họp ngày 21.9 tới đây tại Chiang Mai (bắc Thái Lan) với sự tham gia lần đầu của Việt Nam, có thể sẽ mang lại những yếu tố cho ta trả lời câu hỏi này.

Ít nhất về mặt chính trị, các nhà quan sát đều cho rằng các chuồng ngai chính đã được khắc phục, về đối nội (sự chống đối của phe bảo thủ đã giảm hẳn đi) cũng như về đối ngoại (các nước ASEAN, đặc biệt là Singapore, không còn e ngại Việt Nam). Một đoạn đường xa dẫu sao cũng đã được vượt qua, nếu ta nhớ rằng ASEAN ra đời, cách đây 27 năm, với mục đích là chống cộng ở Việt Nam, và trong thập niên 1980, được củng cố và tạo thế mạnh trong bối cảnh cô lập Việt Nam của Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Vẫn biết chính trị và kinh tế trước tiên và xét cho cùng là tương quan thế lực và thực lực. Song, mở đầu một thời kỳ mới, trong một tinh thần mới, nhiều khi một cử chỉ, một lời nói cũng có một giá trị quan trọng không kém vật chất. Chúng tôi xin mạo muội đưa ra một đề nghị :

Vùng biển ở Đông Nam Á mà hiện nay, ngoài Trung Quốc và Việt Nam, còn có 4 nước khẳng định chủ quyền, chưa có một tên gọi được quốc tế đồng tình. Trung Quốc gọi nó là Nam Hải, nhiều báo chí quốc tế dịch theo là *Mer de Chine du Sud*. Việt Nam gọi nó là Biển Đông, thật là đúng với cách nhìn Việt Nam, nhưng thật khó thuận tai người Philippines (không rõ họ có gọi ngược là Biển Tây chăng?).

Để khẳng định ý thức Đông Nam Á đang thành hình, tại sao Việt Nam không đề nghị và chủ động từ nay gọi Biển Đông là *Biển Đông Nam Á* (*Mer de l'Asie du Sud-Est*) ?

PHONG QUANG

tin ngắn

Ngày 5.7, Hội đồng Hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (PECC) đã nhất trí kết nạp Việt Nam làm hội viên thứ 22. Đây là một bước trong quá trình hội nhập ASEAN và Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC). 21 thành viên PECC là : 6 nước ASEAN, Úc, Canada, Chili, Trung Quốc, Columbia, Hồng Kông, Nhật, Mexico, New Zealand, Perou, Nga, Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ và các đảo Thái Bình Dương. (AFP)

Tin tức Tin tức

Pháp xoá và hoãn nợ

Sau các chuyến đi Việt Nam đầu năm nay của nhiều bộ trưởng trong chính phủ Balladur, Pháp đã đẩy thêm một bước các quan hệ thân thiện với Việt Nam cuối tháng 7 vừa qua, khi bộ trưởng kinh tế Edmond Alphandéry đặt bút ký tại Hà Nội một loạt thoả thuận xoá và hoãn nợ cho Việt Nam, giải quyết dứt điểm những tranh chấp tài chính song phương do chiến tranh để lại, đồng thời tăng cường viện trợ phát triển cho Việt Nam trong năm 1994. Ông Alphandéry đến Hà Nội ngày 20.7, mở đầu một chuyến đi thăm nhiều nước Đông Nam Á. Ông đã rời Việt Nam hôm thứ bảy 23.7 để bay sang Campuchia, sau khi hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Theo những thoả thuận ký kết với bộ trưởng tài chính Hồ Tế ngày 21.7, chính phủ Pháp quyết định xoá cho Việt Nam một nửa số tiền nợ Pháp (1,216 tỉ FF) và cho trả phần còn lại (1,28 tỉ FF) trong khoảng từ 23 đến 30 năm tới. Nghị định thư tài chính của Pháp giúp Việt Nam cũng được tăng từ 250 triệu FF năm 1993 lên 425 triệu năm 1994. Trong 425 triệu FF này, chính phủ Việt Nam phải lấy ra 45 triệu để bồi thường các xí nghiệp Pháp bị quốc hữu hoá ở miền Nam sau năm 1975, chấm dứt cuộc tranh chấp về vấn đề này. Ngược lại, chính phủ Pháp sẽ hoàn lại cho Việt Nam 30 triệu FF tài sản bị Ngân khố Pháp phong toả năm 1954 sau chiến tranh Đông Dương. Ngoài ra, ông Alphandéry còn thông báo quyết định cho phép công ty bảo hiểm ngoại thương Coface nhận bảo hiểm trở lại các vốn đầu tư trung và dài hạn của các công ty Pháp muốn đầu tư vào Việt Nam.

Pháp là nước đứng thứ 2, sau Nhật Bản, trong những nước có viện trợ cho Việt Nam, và đứng thứ 8 trong những nước có đầu tư vào Việt Nam (sau 6 nước trong vùng Đông Nam Á và Úc, theo xếp hạng của Ủy ban nhà nước Việt Nam về đầu tư). Nghị định thư tài chính, trong đó một phần là viện trợ không hoàn lại, phần lớn là cho vay với lãi suất thấp (1 %), sẽ giúp Việt Nam cấp vốn cho những dự án phát triển thuộc các lĩnh vực viễn thông, năng lượng, nước, y tế, có các công ty Pháp tham gia. Theo ông Alphandéry, nghị định thư này và sự trở lại của Coface sẽ thúc đẩy thêm nhiều công ty cỡ vừa và nhỏ của Pháp nhảy vào Việt Nam. Cho tới nay, phần lớn các công ty Pháp có mặt tại đây là những công ty lớn như Total (dầu), Alcatel (viễn thông), Rhône-Poulenc (dược), Accor (khách sạn) v.v... Năm 1993, trao đổi thương mại giữa hai nước lên đến 2,6 tỉ FF, tăng 60 % so với 1992, trong đó Pháp xuất sang Việt Nam 1,6 tỉ (đứng đầu là thuốc men và các vật tư kỹ thuật điện), và nhập vào 1 tỉ hàng Việt Nam (giày dép, quần áo, xe đạp v.v...). (AFP 16, 18, 21.7 và AP 21.7.1994)

Thủ tướng Nhật thăm Hà Nội

Tomiichi Murayama, thủ tướng Nhật đầu tiên thuộc đảng xã hội cũng là thủ tướng Nhật đầu tiên tới thăm Việt Nam sau năm 1975 và nhất là, thủ tướng Nhật đầu tiên tới Hà Nội. Nhưng tại Hà Nội, khác với ở nhiều thủ đô khác, thủ tướng Nhật không phải đương đầu với một cuộc biểu tình nào nhắc lại những tội ác của phát xít Nhật trong thế chiến thứ hai và đòi bồi thường chiến tranh (trách nhiệm của quân đội Nhật không nhỏ trong nạn đói năm Ất Dậu với hàng triệu người chết ở miền Bắc). Thủ tướng Võ Văn Kiệt tuyên bố Việt Nam đã “khép cửa quá khứ”, và báo chí Hà Nội cũng không đề cập tới vấn đề này.

Tuy chỉ kéo dài 24 giờ, từ ngày thứ năm 25.8, chuyến đi của thủ tướng Murayama chứng tỏ một quan tâm mới của Nhật đối với Việt Nam, và theo nhiều nhà quan sát, có thể thúc đẩy giới kinh doanh Nhật đầu tư vào đây nhiều hơn. Những năm gần đây, Nhật là nước viện trợ nhiều nhất cho Việt Nam (khoảng 500 triệu đôla mỗi năm trong các năm 1992, 93), và cũng là bạn hàng quan trọng của Việt Nam (gần 1,9 tỉ đôla trao đổi thương mại trong năm 1993, trong đó 1,2 tỉ chiều Nhật - Việt). Nhưng Nhật chỉ đứng thứ 6 trong các nước có đầu tư vào Việt Nam, với 57 dự án, trị giá khoảng 500 triệu đôla. Ngoài những lý do của bản thân nền kinh tế Nhật (khó khăn nhiều trong những năm 1980, liên hệ với Mỹ nhiều, không cho phép di maus khi Mỹ chưa bỏ cấm vận...), các nhà tư bản Nhật nêu ra các yếu kém về hạ tầng cơ sở, về nhân công có tay nghề và cán bộ hành chính của Việt Nam để giải thích sự thiếu mặn mà nói trên. Đường sá, bến cảng, năng lượng và đào tạo cũng chính là những địa hạt được chính phủ Nhật coi là ưu tiên trong các dự án phát triển họ bỏ tiền giúp đỡ. Mới đây, chính phủ Nhật vừa thông báo sẽ cho Việt Nam vay 20 tỉ yen (200 triệu đôla) để xây dựng lại hệ thống cống rãnh ở đường phố Hà Nội.

Hai bên cũng đã thảo luận về các biện pháp để đẩy mạnh đầu tư, trong đó có vấn đề tránh cho các nhà đầu tư bị đánh thuế hai lần. Ngoài ra, ông Murayama cũng cho biết chính phủ ông đã quyết định gia tăng một ngân khoản 7,7 tỉ yen viện trợ chính thức cho Việt Nam. Ông cũng đã nhắc lại Nhật ủng hộ ý muốn gia nhập ASEAN của Việt Nam, và đã mời tổng bí thư Đỗ Mười thăm Nhật. Chuyến đi sẽ được tổ chức trong năm tới. (AFP 14, 30.7, 24 và 26.8.1994)

Nhân quyền, một vấn đề nội bộ ?

Ngoại trưởng Úc Gareth Evans đã quyết định huỷ bỏ chuyến đi thăm Việt Nam của một đoàn tư vấn quốc hội Úc sau khi Việt Nam cho biết sẽ không cấp cấp chiếu khán cho ký giả Quang Lưu của đài phát thanh Úc SBS, một trong hai Việt kiều được mời theo đoàn, đồng thời từ chối yêu cầu của đoàn được đi thăm một nhà tù, một dân tộc ít người, vài tòa án và Ủy ban tôn giáo của chính phủ. Chuyến đi dự trù mở đầu ngày thứ ba 5.7 đã được hai thủ tướng Paul Keating và Võ Văn Kiệt thoả thuận hồi tháng 4 năm nay, khi ông Keating đến thăm Việt Nam, nhằm thảo luận với phía Việt Nam về các vấn đề nhân quyền và các vấn đề liên hệ (xem Diễn đàn số 30). Hà Nội đã phản ứng mạnh sau khi ông Quang Lưu tuyên bố với phóng viên đài BBC ngày 27.6 rằng mục tiêu

của đoàn là “*điều tra về những vấn đề nhân quyền ở Việt Nam và gặp gỡ một số tù nhân chính trị*”, cho rằng những lời tuyên bố đó là “*can thiệp vào những vấn đề nội bộ, vi phạm chủ quyền của Việt Nam*”.

Ông Evans tỏ ý “*tiếc rằng chưa đến lúc có thể thảo luận (về những vấn đề nhân quyền) ở Việt Nam*”.

Ngược lại, bộ ngoại giao Việt Nam đã tuyên bố quyết định của Úc là “*đáng tiếc*”, và “*vẫn sẵn sàng đón tiếp đoàn*” nhưng nhất định không nhận ông Quang Lưu trong đoàn.

Ngày 12.8, Hà Nội cũng đã khuất từ không cho ông David Phillips, một người Mỹ chủ tịch một tổ chức về nhân quyền ở Washington vào Việt Nam “*để trao một giải thưởng*” cho bác sĩ Nguyễn Đan Quế, hiện bị án 20 năm tù vì “*những hoạt động lật đổ*(nhà nước)”. Bác sĩ Quế là người chủ trương “*Cao trào nhân bản*”, kêu gọi bất hợp tác với chính phủ và đòi hỏi thiết lập một chính thể cởi mở hơn. Ông bị bắt năm 1990, hai năm sau khi vừa mãn hạn một thời gian 10 năm bị cầm tù không án, và là một trong những “*tù nhân lương tâm*” được tổ chức Amnesty International thường xuyên lên tiếng bảo vệ. Mới đây, có tin từ gia đình rằng ông bị ngược đãi trong tù và đã mắc bệnh bao tử. (AFP 5.7 và 12.8.1994)

Quan hệ với Tây Âu...

Liên hiệp châu Âu (UE) và Việt Nam đã đạt thoả thuận về những điều khoản về bảo vệ nhân quyền, mở ra triển vọng ký kết trước cuối năm nay một hợp đồng khung về hợp tác kinh tế giữa hai bên. Hợp đồng khung này sẽ được ký kết vào tháng 5 vừa qua, nhưng phải hoãn lại vì bất đồng về những điều khoản nói trên. Thoả thuận đã đạt được trong buổi làm việc ngày 23.7 tại Hà Nội giữa ông Hans Van den Broek, ủy viên phụ trách đối ngoại của UE và tổng bí thư Đỗ Mười. Theo ông Van den Broek điều khoản về bảo vệ nhân quyền trong hợp đồng khung mà UE sẽ ký với Việt Nam cũng giống như ở những hợp đồng UE ký kết với các quốc gia khác, “*chúng tôi đã tìm được những từ ngữ mà cả hai bên đều chấp nhận được*”. Phía Việt Nam đòi ghi vào hợp đồng này một điều khoản trong hiến chương Liên hiệp quốc nhấn mạnh chủ quyền của các quốc gia. Sau khi thương lượng, hai bên đồng ý điều khoản này sẽ được ghi vào lời nói đầu của hợp đồng khung.

UE tỏ ý hy vọng sau thoả thuận này, một phòng đại diện thường trực của UE sẽ được mở ở Hà Nội vào đầu năm 1995.

Quan hệ giữa Việt Nam với các nước châu Âu hè vừa qua cũng được đánh dấu bằng một loạt thông báo viện trợ của nhiều nước.

Bộ trưởng kinh tế Thuy Sĩ Jean Pascal Delamuraz dẫn đầu một đoàn doanh nhân tới thăm Hà Nội ngày 5.7 cho biết Thuy Sĩ đã quyết định mở một ngân khoản 25 triệu FS (20 triệu đôla) cho Việt Nam dưới dạng viện trợ không hoàn lại và cho vay, đồng thời với một tín dụng 15 triệu FS dành cho việc thành lập một ngân hàng đầu tư ở Việt Nam.

Mười ngày sau, bộ trưởng ngoại thương Tây Ban Nha Ruiz Ligero cũng tới thăm Việt Nam với một đoàn doanh nhân, và ký kết một nghị định thư tài chính theo đó Tây Ban Nha cho Việt Nam vay 30 triệu đôla với lãi suất thấp và tài

trợ cho Việt Nam 50 triệu đôla khác để mua trang thiết bị điện, y tế... của công nghiệp Tây Ban Nha.

Chuẩn bị cho việc tiếp đón bộ trưởng ngư nghiệp Việt Nam Nguyễn Tấn Trịnh tới thăm Đan Mạch vào cuối tháng 8, đầu tháng 9, toà đại sứ Đan Mạch tại Hà Nội đã công bố ngày 12.8 quyết định viện trợ 100 triệu đôla để tài trợ cho các dự án phát triển nông - ngư nghiệp của Việt Nam trong 4, 5 năm tới.

Về phần Đức, các bộ trưởng tài chính Joachim Grunewald và Hồ Tế đã ký kết tại Hà Nội ngày 15.8 một thoả ước giải quyết món nợ được ước lượng là 160 DM của Việt Nam đối với nhà nước Cộng hoà dân chủ Đức cũ. Cũng như Pháp, Đức xoá một phần món nợ này cho Việt Nam và cho hoãn trả phần còn lại. (tổng hợp tin AFP, Reuter tháng 7, 8.1994)

... và Đông Âu

Ngày 20.8, một đoàn chính phủ Việt Nam do phó thủ tướng Trần Đức Lương dẫn đầu đã rời Hà Nội đi thăm 5 nước Đông Âu cũ, Cộng hoà Séc (Tiệp), Slôvaki, Hung, Balan và Rumani. Hơn 30 quan chức cao cấp và nhà kinh doanh Việt Nam đi trong đoàn. Chuyến đi này nối tiếp chuyến đi thăm các nước Nga, Ukraina và Kazakhtan của thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 6 vừa qua (xem Diễn đàn số 32), nhằm nối lại các quan hệ kinh tế vốn mật thiết giữa Việt Nam và các nước trong khối chủ nghĩa xã hội cũ, bị đứt quãng mấy năm vừa qua do tình hình xáo trộn chính trị ở các nước này

Cũng như đối với Nga, một trong những vấn đề nổi cộm trong quan hệ của Việt Nam với các nước này là vấn đề người Việt được gửi sang đây theo các hợp đồng lao động hồi trước, hoặc sang bất hợp pháp, một số đông đã ở lại không chịu trở về nước. Theo một ước tính, có tới 70 000 người Việt đang sinh sống ở Cộng hoà Séc. Tuy nhiên, dù trước mắt các bên chưa có biện pháp giải quyết vấn đề tị nạn này, một số quan hệ kinh tế và thương mại vẫn sẽ được nối lại và một số hợp đồng được ký kết. Trước hết là với Tiệp, ngày hôm sau khi đoàn đến thủ đô Praha, hai bộ trưởng công nghiệp nhẹ đã ký một thoả thuận đẩy mạnh các quan hệ kinh tế song phương, đồng thời chuẩn bị hai hiệp ước về bảo vệ đầu tư và giới hạn việc đánh thuế hai lần. (AFP 22 và 23.8.1994)

Việt Nam - Trung Quốc

Một vòng thương thuyết về các vấn đề biên giới Việt - Trung đã diễn ra tại Hà Nội ở cấp thứ trưởng ngoại giao, nhưng có vẻ như không dẫn tới kết quả cụ thể nào. Theo người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, bà Hồ Thị Lan, cuộc thương thuyết bắt đầu ngày thứ hai 15.8 đã chấm dứt ngày 18.8, và đã diễn ra trong “*không khí thẳng thắn và hữu nghị*”. Bà Lan tuyên bố hai bên đều “*hài lòng về những tiến bộ đạt được*” tuy không nói rõ tiến bộ nào. Các quan sát viên quốc tế ở Hà Nội thì tỏ vẻ nghi ngờ về ngày kết thúc thực sự vòng thương thuyết, vì chiều thứ ba 16.8 cả đoàn Trung Quốc đã rời bàn đàm phán đi chơi Hạ Long tối chiều hôm sau mới trở lại Hà Nội. Theo Bà Lan, hai bên sẽ gặp nhau hai lần nữa từ đây đến cuối năm, ở cấp chuyên viên, trước khi thứ trưởng Vũ Khoan, người cầm đầu đoàn thương thuyết Việt Nam, sang gấp lại đồng sự Trung Quốc Tang Jiaxuan ở Bắc Kinh vào đầu năm tới. Quan hệ giữa hai bên vẫn căng thẳng phần

chính là vì các tranh chấp biên giới trên vùng biển Trường Sa, dù mới đây Trung Quốc đã quyết định cho Việt Nam vay 170 triệu đôla để tân trang và mở rộng nhà máy thép Thái Nguyên, và Việt Nam đồng ý cấp giấy phép cho một công ty Trung Quốc liên doanh đầu tư xây dựng một khách sạn lớn 26 tầng tại Hà Nội. Trong hè, hai bên đều lên tiếng cảnh cáo bên kia về các hợp đồng cho các công ty nước ngoài khoan tìm dầu mỏ ở vùng tranh chấp. (tổng hợp nhiều nguồn tin trong tháng 7, 8.1994)

Việt Nam phản đối luật nhập cư của Campuchia

Quốc hội Campuchia đã thông qua một đạo luật nhập cư bị các nhóm theo dõi vấn đề bảo vệ nhân quyền cho rằng không tạo đủ những bảo đảm cần thiết cho cộng đồng người Việt sống ở Campuchia trước những đe dọa chủng tộc chủ nghĩa. Tổ chức Human Rights Watch / Asia cảnh báo rằng đạo luật “tạo khả năng Campuchia có thể lập lại vài sai lầm nghiêm trọng trong quá khứ (về việc tàn sát kiều dân Việt Nam)”.

Theo đạo luật, cảnh sát có quyền tịch thu thẻ cư trú của ngoại kiều, nhưng không ghi rõ theo tiêu chuẩn nào. Và một ngoại kiều không có thẻ cư trú có thể bị trục xuất trong vòng 7 ngày. Biện pháp này thực ra nhằm vào những người Việt Nam lợi dụng các kẽ hở ở biên giới để sang Campuchia tìm việc làm một cách bất hợp pháp. Tuy nhiên, qua những biến động mười mấy năm qua, rất nhiều Việt kiều tại Campuchia đã mất hết giấy tờ.

Ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã viết thư cho Hoàng thân Norodom Sihanouk, đồng thủ tướng thứ nhất Campuchia, bày tỏ sự lo ngại rằng “đạo luật này có thể có hiệu quả xấu đối với đa số người Việt Nam đã sinh sống, lập nghiệp từ lâu ở Campuchia”. (AFP 26.8.1994)

Dầu mỏ

Trong cuộc họp báo ngày 27.7 ở thành phố Hồ Chí Minh, ông Hồ Sĩ Thoảng, tổng giám đốc PetroVietnam cho biết công ty JVPC (Japan Vietnam Petroleum Co., một liên doanh giữa PetroVietnam và Mitsubishi) đã tìm thấy dầu ở lô 15-1, vùng mỏ Đại Hùng, nơi nhiều mũi khoan không kết quả trước đây đã làm thất vọng các nhà tìm mỏ. Tháng tư vừa qua, JVPC quyết định khoan sâu hơn, và từ một lỗ khoan, dầu đã vọt ra với lưu lượng 10 346 thùng mỗi ngày, một lưu lượng được coi là lớn nhất trong vùng. Ông Thoảng còn nói thêm, sấp tới 4,5 hằng dầu khác cũng sẽ công bố tin tìm ra dầu, nhưng không cho biết thêm chi tiết. Trước cuộc họp báo của ông Thoảng, ông Azizan Zainul Abidin, tổng giám đốc công ty dầu Petronas của Malaysia cũng nói với báo chí ở Kuala Lumpur rằng ông đã tìm thấy dầu ở ngoài khơi Vũng Tàu, với sản lượng ước tính từ 880 tới 1750 thùng mỗi ngày. Theo ông, cần nghiên cứu tính toán kỹ hơn mới biết được chính xác trữ lượng dầu của vùng thăm dò này. Tới ngày 9.8, ông nói rõ thêm, có nhiều triển vọng đây là một trữ lượng ở mức thương mại hóa được và Petronas hy vọng bắt đầu khai thác vùng mỏ này với PetroVietnam từ năm 1998. JVPC cũng dự trù bắt đầu khai thác lô mỏ vừa tìm thấy dầu vào năm này.

Ngày 15.8, một thông báo của PetroVietnam cho biết, công ty dự trù bắt đầu bán dầu của hai vùng mỏ Đại Hùng và

Rồng trước cuối năm nay. Đại Hùng do một tổ hợp nhiều công ty quốc tế, đứng đầu là công ty Úc BHP, khai thác. Ngoài BHP, tổ hợp còn có 5 công ty Nhật, các công ty Petronas của Malaysia, Total của Pháp và PetroVietnam, dự trù sản xuất sẽ đạt mức 35 000 thùng / ngày. Rồng do công ty liên doanh Nga - Việt Vietsovpetro khai thác.

Cũng trong thông báo này, ông Hồ Sĩ Thoảng cho biết, bắt đầu từ tháng 10 khí tự nhiên vọt lên từ mỏ dầu Bạch Hổ sẽ được đưa về Vũng Tàu trong một ống dẫn dài 107 km do công ty Hàn Quốc Hyundai Corp. xây dựng, thay vì để bay mất như trước đây. Bạch Hổ là mỏ dầu được khai thác đầu tiên ở vùng biển phía nam Vũng Tàu, với sản lượng 6,3 triệu tấn dầu thô trong năm qua. Trước khi ống dẫn khí mới xây được đưa vào sử dụng, mỗi ngày ước khoảng 3 triệu mét khối khí bị mất đi ở Bạch Hổ. Khí đưa về Vũng Tàu sẽ được nén lỏng vô chai.

Ông Thoảng cũng cho biết, việc thăm dò dầu trên vùng mỏ Thanh Long (nơi bị Trung Quốc tranh chấp) đang tiến triển khả quan. Thanh Long hiện do tổ hợp MJC, gồm hằng dầu Mỹ Mobil Oil và các hằng dầu Nhật IMPEX, JAPEX, Nissho Iwai cùng thăm dò.

Cùng trong lĩnh vực dầu mỏ, người ta được biết, một tổ hợp hai công ty Jopec Corp. của Mỹ và Saint Martino Inc.. Canada, đã đề nghị với chính phủ Việt Nam một dự án trị giá 1 tỉ đôla, liên doanh với PetroVietnam để xây dựng một nhà máy lọc dầu thứ hai ở Việt Nam. Nhiều chuyên gia trong ngành tỏ ý ngờ về sự cần thiết một nhà máy lọc dầu thứ hai này. Nhà máy lọc dầu đầu tiên ở Việt Nam, do công ty Pháp Total cùng với hai công ty Đài Loan liên doanh với PetroVietnam xây dựng, dự trù sẽ hoạt động vào năm 1998 hoặc 1999. (AFP 27, 31.7 và 9, 15, 21.8.1994)

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa : những quan điểm của đảng cộng sản.

Hội nghị lần thứ 7 của ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, họp vào cuối tháng 7, đã thông qua nghị quyết bàn về “phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới”. Bài phát biểu của tổng bí thư Đỗ Mười tại hội nghị nhấn mạnh: “con người Việt nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Nội dung bài có một số quan điểm đáng chú ý:

Công nghiệp hóa ngành nào ? – “Trong những năm trước mắt, khả năng vốn có hạn, nhu cầu công ăn việc làm bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế-xã hội chưa thật ổn định vững chắc. Vì vậy, cần tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông-lâm-thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn. Khôi phục, phát triển các ngành tiểu, thủ công truyền thống có thị trường tiêu thụ lớn trong và ngoài nước”.

Mối quan hệ giữa công nghiệp hóa và văn hóa : “Ngày nay, văn hóa được coi là một yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển

kinh tế-xã hội phải đặt trên nền tảng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị tinh hoa của loài người”.

Ưu tiên hàng đầu cho giáo dục và đào tạo : “ *Phần thắng trong cuộc chiến « ai thắng ai » trên thị trường suy cho đến cùng là do trí tuệ và năng lực sáng tạo của dân tộc, biết học hỏi một cách khôn ngoan kinh nghiệm thành tựu tri thức của nhân loại, tận dụng được lợi thế của nước đi sau, đề ra những chủ trương, biện pháp thích hợp với đất nước trong hoàn cảnh mới. Muốn vậy phải sử dụng tốt nguồn nhân lực có trình độ văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp, ưu tiên hàng đầu cho phát triển giáo dục-dào tạo, nghiên cứu và triển khai, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng mạnh”.*

Động lực phát triển của khoa học và công nghệ : “ *Muốn khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự phát triển thì trước hết phải tìm ra động cơ phát triển của bản thân khoa học và công nghệ. Động lực này nằm ở lợi ích của những người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ, bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị-xã hội”.*

Tập trung dân chủ : “ *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ. Phải mở rộng dân chủ, động viên mọi người phát huy sáng tạo, tìm tòi các phương pháp, giải pháp có hiệu quả. Song, phải bảo đảm tập trung, vì thiếu tập trung, buông lỏng trật tự, kỷ cương sẽ lập tức dẫn tới rối loạn* ”. (Tuổi Trẻ 2.8; Sài Gòn giải phóng 12.8.94).

Mặt trận Tổ quốc

Đại hội lần thứ 4 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã diễn ra vào trung tuần tháng 8 vừa qua, sau khi có nghị quyết của bộ chính trị Đảng cộng sản về vấn đề “ *đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất* ”. Nghị quyết về đoàn kết dân tộc viết hơi khác các văn bản cũ : “ *đoàn kết mọi người Việt Nam tương đồng với nhau ở mục tiêu chung xây dựng đất nước, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai* ”. Nhưng đồng thời, đảng cộng sản vẫn tự khẳng định “ *vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận* ”.

Ông Lê Quang Đạo, 73 tuổi, nguyên chủ tịch Quốc hội, đã được cử vào chức vụ chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thay cho luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Mặt khác, 7 Việt kiều đã được cử vào Ủy ban trung ương Mặt trận, trong đó ông Lâm Bá Châu, chủ tịch Hội người Việt Nam tại Pháp vào đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương.

Ngoài ra, nghị định ngày 30.7 1994 của chính phủ đã thành lập Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài thay thế Ban Việt kiều trung ương. Uỷ ban là cơ quan thuộc chính phủ, “ *thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chỉ đạo lĩnh vực công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài* ”. (Phụ nữ TPHCM 13.8.94, AFP 19.8.1994).

Lửa thiêu rụi chợ Đồng Xuân : không ai chịu trách nhiệm...

Giữa đêm 14 tháng 7 vừa qua tại Hà Nội, chợ Đồng Xuân đã bốc cháy, và ngọn lửa hoành hành suốt đêm đã thiêu hủy

gần như toàn bộ ngôi chợ ba tầng lầu với hơn 3000 sạp. Sau hơn 37 tiếng đồng hồ, vụ cháy mới hoàn toàn bị dập tắt. Uỷ ban nhân dân thành phố chỉ thông báo có hai người thiệt mạng, không nói đến số người mất tích, và cũng không cho biết thiệt hại vật chất lên đến bao nhiêu. Theo ước tính của báo chí, thiệt hại về tài sản của hơn 3000 hộ kinh doanh (bình quân mỗi hộ mất 100 triệu đồng hàng hóa) và của nhà nước lên đến 500 tỷ đồng (tương đương với 50 triệu đô la). Lý do hỏa hoạn hiện vẫn chưa được xác định.

Nằm giữa khu vực 36 phố phường của thủ đô, chợ Đồng Xuân được xây lên từ năm 1889, và được xây dựng lại hoàn toàn mới năm 1991 (với kinh phí 31 tỷ đồng). Khi ấy, nhiều nhà khoa học đã phản đối kế hoạch này và khuyến nghị nên xây dựng chợ mới ở một khu vực khác. Những lý do đưa ra : chợ Đồng Xuân là một ngôi chợ cổ cần duy trì, kế hoạch xây lại chợ sẽ gây ô nhiễm môi trường, làm mất vẻ đẹp của khu phố cổ ; không đảm bảo những yêu cầu giao thông, chỗ đậu xe và phòng chữa cháy của một siêu thị trong tương lai. Ngay khi chợ mới được khánh thành, báo chí và dư luận đã báo động : nếu có hỏa hoạn xe cứu hỏa sẽ không có đường vào chợ. Song không ai để ý tới lời cảnh báo đó. Vụ cháy chợ Đồng Xuân ngày 14.7 gây bất bình trong toàn xã hội về sự tắc trách trong công tác phòng cháy và sự bất lực trong công cuộc chữa cháy.

Về mặt phòng cháy, chợ được thiết kế không có cầu thang từ bên ngoài lên tầng hai ; các bể chứa nước thường xuyên không có nước ; máy bơm nước được dùng làm máy phát điện ; ống dẫn nước hỏng van mở...Và trong khi chợ chỉ được thiết kế cho 1200 sạp, ban quản lý chợ đã cho đặt đến 3200 sạp, chắn mọi lối đi, không còn đường cho xe vào, cho nên đêm 14.7 tất cả các xe cứu hỏa đều chỉ ở bên ngoài phun nước vào chợ !

Về mặt chữa cháy, tuy huy động toàn bộ các xe cứu hỏa và chữa cháy của Hà Nội, lực lượng cứu hỏa của thủ đô đã chứng tỏ không đủ năng lực dập tắt một vụ hỏa hoạn lớn : 36 xe cứu hỏa đã luôn luôn thiếu nước ; nhân viên cứu hỏa tỏ ra thể lực yếu và kỹ thuật không chuẩn xác, phần lớn có vẻ như lần đầu tiên thực sự đối mặt với hỏa hoạn. Thiếu tá Nguyễn Thanh Hùng, đội trưởng công an phòng cháy chữa cháy thủ đô, đã giải thích : “ *Lực lượng chữa cháy của Hà Nội chủ yếu là các cháu đi nghĩa vụ (quân sự) hai năm. Các cán bộ khung của chúng tôi hướng dẫn kỹ thuật. Khi vào cuộc, mỗi xe có một cán bộ khung chỉ huy, các cháu chỉ cầm vòi phun theo lệnh sao cho an toàn* ”.

Về kết quả chữa cháy, bí thư Thành ủy Hà nội Phạm Thế Duyệt đã không ngần ngại tuyên bố với báo chí : “ *Từ hai giờ sáng ngày 15.7, tôi cùng lãnh đạo thành phố đã có mặt tại đây để chỉ đạo công tác chữa cháy. Cái lớn nhất là tuy chợ cháy, thiệt hại nhiều về cửa, nhưng đã khoanh lửa được, không để cháy lan sang khu vực dân cư...* ”. Một tờ báo đã dùng từ khá chính xác khi cho rằng : “ *Cháy chợ, lòi ra mặt...quan liêu!* ”

Trong các ngày 15, 16 và 17.7, hàng trăm tiểu thương đã kéo tối trụ sở Uỷ ban nhân dân thành phố đòi chính quyền truy cứu nguyên nhân và trách nhiệm vụ cháy, và yêu cầu được bồi thường và giúp đỡ để tiếp tục làm ăn. Ngày 19.7,

chính phủ đã họp khẩn cấp và cho biết đồng ý với kiến nghị của Ủy ban nhân dân cho xây dựng lại chợ Đồng Xuân mới, đồng thời cho các hộ lâm nạn được miễn, giảm thuế, hoàn trả nợ và vay tín dụng với lãi suất ưu đãi. Song không ai thấy chính quyền đề cập đến chuyện trách nhiệm và bồi thường.

Để có một chỗ bán hàng ở chợ Đồng Xuân, mỗi hộ đã phải trả từ 3 đến 30 triệu đồng. Ngoài ra, còn phải trả thuế và lệ phí đủ loại như vệ sinh, an ninh.v.v... Mỗi năm, tiểu thương chợ Đồng Xuân nộp cho nhà nước trên 13 tỷ đồng. Như một tờ báo có vạch rõ : “ Nghĩa vụ như thế, trách nhiệm của các cơ quan hữu quan như thế nào ? Không ai trả lời được câu hỏi đó ”.

Theo những số liệu chính thức, tính từ năm 1990 đến năm 1993, trên cả nước đã xảy ra 58 vụ cháy chợ. Từ đầu năm 1994, tình hình vẫn nghiêm trọng với hai vụ hỏa hoạn lớn ở chợ Vĩnh Trung (Quảng Nam - Đà Nẵng) và chợ Rau Dừa (Minh Hải) ; riêng Thành phố Hồ Chí Minh có đến ba vụ cháy ở chợ Bình Tây, Bình Lợi và Nguyễn Đình Chiểu.

Ngày 19.8, hỏa hoạn cũng đã xảy ra làm thiệt hại tầng trệt của Chợ Hôm, một chợ nổi tiếng khác ở trung tâm Hà Nội, vừa được xây dựng lại năm ngoái. (Lao Động 19 và 21.7; Tuổi Trẻ 19.7 ; Sài Gòn giải phóng 26.7 ; Phụ nữ TPHCM 30.7.94 ; AFP 19.8)

Cố đô Huế : di sản thế giới.

Ngày 2.8 vừa qua, thành phố Huế đã tổ chức lễ đón nhận chứng chỉ của UNESCO công nhận khu di tích Huế là di sản văn hóa thế giới. Quần thể di tích cố đô trở thành một trong 411 thắng cảnh ở 95 nước được ghi danh vào danh mục di sản thế giới. Nhân dịp này, phó giám đốc UNESCO, D. Janicot, đã thông báo ba chương trình cụ thể mà UNESCO sắp triển khai cho thành phố Huế.

Ngày hôm trước đó, một ngọn lửa bùng lên bên trong Bảo tháp lăng Minh Mạng, đã thiêu rụi Hiếu Sơn – một hòn núi nhỏ trong Bảo tháp, theo sử sách là nơi đặt phần mộ của vua Minh Mạng. Do tính chất thiêng liêng ấy, không ai dám vào nơi này, nên cây lá đã phát triển um tùm. Chính nhân viên bảo vệ lăng, được chỉ thị vào chặt cây, đã châm lửa đốt cành cây khô và gây ra đám cháy. Suốt đêm 1.8, thành phố Huế đã huy động người để cố tạo lại màu xanh cho ngọn núi bằng những ... chậu cảnh ! Được biết, từ năm 1980 đến nay, đây là lần thứ ba khu vực lăng Minh Mạng bị cháy. (Phụ nữ TPHCM 6.8 ; Lao Động 7.8.94)

Những tòa cao ốc...

Đập bỏ hay không đập bỏ ? Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong tháng 7 vừa qua, đã phải xử lý vấn đề “tòa nhà đen” mọc lên sau lưng trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố, gây tổn hại cho cảnh quan và sự phẫn nộ của người dân. Công ty liên doanh PDD (giữa bộ xây dựng và một công ty Úc) đã xây dựng tòa nhà này để làm văn phòng cho thuê, theo một đề án được các cơ quan chính quyền cấp đầy đủ giấy phép. Nhìn từ đường Nguyễn Huệ, tòa cao ốc 11 tầng đó choán một phần lớn khoảng không phía sau tòa nhà Ủy ban nhân dân, uy hiếp trụ sở cơ quan chính quyền cao nhất của thành phố. Hai phương án xử lý đã được đưa ra : phá bỏ bớt 5 tầng lầu hoặc sửa chữa lại kiến trúc (màu sắc vật liệu,

dáng nóc nhả...). Chính quyền đã chọn phương án thứ hai với lý do phí tổn lớn cho ngân sách (ước tính tiền đèn bù PDD lên đến 20 tỷ đồng), và ảnh hưởng đến “môi trường đầu tư.”

Còn những tổn hại cho môi trường sống của người dân, cũng như trách nhiệm của những người đã ký duyệt dự án PDD (sở xây dựng thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư), thì không thấy quyết định nói trên đề cập đến. Trước khi quyết định chính thức được đưa ra, một tờ báo Thành phố Hồ Chí Minh đã phản ánh dư luận cho rằng : “ nếu như có phải bỏ ra một số tiền nào cho việc phá bỏ 5 tầng lầu, thì đó chính là cách tốt nhất để sửa sai và cũng là bài học kinh nghiệm đắt giá cần được xử lý để sau này những người có trách nhiệm tự buộc mình phải thận trọng hơn khi chọn duyệt, thông qua các đề án kiến trúc ”.

Trong lúc ấy tại Hà Nội, một dự án xây dựng nhà cao ốc 20 tầng ngay sát chùa Quán Sứ đang được triển khai. Đây cũng là một công trình liên doanh (giữa Liên hiệp đường sắt và một công ty Xingapo) với mục đích xây dựng một tổ hợp văn phòng cho thuê. Nếu được cấp giấy phép, cao ốc này sẽ trùm bóng lên chùa Quán Sứ cổ kính.

Còn ở Đà Nẵng, Công ty du lịch thành phố đang chuẩn bị ký kết với một tập đoàn Thái Lan dự án xây dựng một khách sạn cao tầng ngay trước mặt Bảo tàng Chàm và trên mặt nước sông Hàn. Giám đốc bảo tàng đã lên tiếng báo động cho rằng dự án sẽ phá vỡ hoàn toàn cảnh quan của Bảo tàng Chàm xây dựng từ đầu thế kỷ, đồng thời, do ngăn dòng chảy sông Hàn, sẽ gây ô nhiễm cho môi trường thành phố. (Lao Động 19.6 ; Tuổi Trẻ 19.7 và 14.8 ; Pháp luật TPHCM 26.7.94)

Cúp điện sau khi có đường dây siêu cao thế

Hai tháng sau khi đường dây 550 kv Bắc-Nam đi vào hoạt động, những hiện tượng điện áp thấp và mất điện đột xuất lại xảy ra thường xuyên khắp nước, từ Hà Nội vào đến Thành phố Hồ Chí Minh. Tình hình kéo dài này không chỉ làm cho bức bối, khó chịu trong sinh hoạt (đặc biệt lúc World Cup 94 được truyền hình trực tiếp) mà còn gây không ít thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và cho các vật dụng sử dụng điện trong các gia đình.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, nơi nạn cúp điện tái diễn nhiều lần trong một ngày, sở điện lực giải thích tình hình như sau : hiện nay không còn việc cắt điện định kỳ vì thiếu điện nữa ; các trường hợp mất điện là do có sự cố trên mạng lưới phân phối, hệ thống lưới điện quá tải do cũ kỹ rách nát ; nguồn điện càng mạnh, lưới điện càng có nhiều hỏng hóc hơn.

Trước phản ứng bất mãn trong dư luận, bộ trưởng năng lượng Thái Phụng Nê phải đứng ra “nhận lỗi” đã không lường trước được nhu cầu để đầu tư cải tạo kịp thời lưới điện. Ông công nhận rằng cán bộ, công nhân vận hành lưới điện “chưa làm tròn nhiệm vụ quản lý” : công tác kiểm tra lưới điện được thực hiện thiếu định kỳ và thiếu chất lượng, không phát hiện kịp thời các trường hợp hư hỏng, không chủ động lập kế hoạch sửa chữa, rút ngắn thời gian cắt điện cũng như báo trước cho khách hàng. Ông Thái Phụng Nê cũng thừa nhận rằng các cán bộ lãnh đạo ngành điện “chưa quan tâm đúng mức” đến công tác quản lý vận hành và kỹ thuật của lưới điện, “chưa xử lý

nghiêm minh" các trường hợp vi phạm quy trình vận hành hoặc quy trình nghiệp vụ. Ông hứa sẽ "*tập trung chỉ đạo*" việc chấn chỉnh, lập lại trật tự kỷ cương trong ngành.

Một tờ báo Sài Gòn nhận xét, ông bộ trưởng không đả động gì đến nguyên tắc kinh doanh : "*Khách hàng phải được bồi thường thiệt hại khi người bán hàng* (ở đây là sở điện lực) *không đảm bảo hợp đồng đã được ký kết*". (Phụ nữ TPHCM 3.8 ; Lao Động 4.8.94)

Bãi bỏ độc quyền kinh doanh bưu điện.

Với quyết định, trong tháng 5, của chính phủ chấp nhận cho bộ quốc phòng thành lập **Công ty viễn thông quân đội**, độc quyền kinh doanh bưu điện của Tổng cục bưu điện viễn thông đương nhiên đã bị xoá bỏ. Quyết định này cũng bật đèn xanh cho cạnh tranh trong một lãnh vực kinh doanh có mức độ tăng trưởng và tỷ suất lợi nhuận thuộc loại cao nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh đang chuẩn bị cho ra đời, trong tháng 9, **Công ty cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn**, nhằm "*tạo sự cạnh tranh sôi động, tránh giá cả độc quyền kiểu hoạt động một mình một chợ của bưu điện hiện nay*". Hạt nhân công ty gồm có Ban tài chính quản lý Thành ủy Đảng cộng sản, Công an thành phố, Quân khu 7, Ủy ban nhân dân quận 1 và Bưu điện thành phố. Công ty sẽ gọi 15 tỷ đồng vốn và liên doanh với nước ngoài.

Trong thời gian qua, ngành bưu điện đã vay được ở nước ngoài đến 300 triệu đô la để đầu tư, và kế hoạch đến năm 2000 dự trù sẽ vận động thêm 1 tỷ đô la. (Tuổi Trẻ 30.6, 10.7 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 21.7.94)

Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước.

Đầu tháng 8 vừa qua, chính phủ đã có một số quyết định mới cải tổ thêm một bước khu vực doanh nghiệp nhà nước :

- Xoá bỏ chế độ chủ quản ở các bộ năng lượng, nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm và Tổng cục bưu điện. Thành lập **Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước** để quản lý vốn nhà nước trong những doanh nghiệp đã tổ chức hội đồng quản trị.

- Giảm 50 % số tổng công ty hiện có. Thành lập 7 tập đoàn kinh doanh (với hội đồng quản trị, cơ cấu công ty tài chính, hoạt động kinh doanh đa ngành, cơ sở nghiên cứu và đào tạo), là các tổng công ty Dầu khí, Điện lực, Than, Xi măng, Cao su, Lương thực và Thương mại Sài Gòn.

- Tiếp tục chương trình cổ phần hóa, hiện có 21 doanh nghiệp đăng ký (nhưng chỉ có 9 đề án được triển khai).

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra kế hoạch giảm 50 % số doanh nghiệp quốc doanh của thành phố trong hai năm 1994-1995 bằng cách sáp nhập, giải thể hay cổ phần hóa. Theo những số liệu thống kê, mặc dù đã xoá sổ 30 đơn vị, trên 89 doanh nghiệp do thành phố quản lý còn lại, có đến 50 % làm ăn không có lãi và là gánh nặng hiện nay cho ngân sách. (Tuổi Trẻ 4 và 6.8.94)

Họa sĩ Trần Văn Cẩn qua đời.

Người cuối cùng của "tú kiệt" đã ra đi. Ngày 31.7 1994 ở Hà Nội, danh họa Trần Văn Cẩn đã trút hơi thở cuối cùng ở

tuổi 84. Sinh tại Hải Phòng, Trần Văn Cẩn tốt nghiệp Trường cao đẳng mỹ thuật Đông Dương, khóa 1931-1936, và trở thành một trong "tú kiệt": "nhất Trí (Nguyễn Gia Trí), nhì Lân (Nguyễn Tường Lân), tam Vân (Tô Ngọc Vân), tứ Cẩn. Tác phẩm tiêu biểu của ông được lưu giữ tại các bảo tàng có: "Em Thúy" (sơn dầu, 1943), "Thiếu nữ" (lụa, 1944), "Tát nước đồng chiêm" (sơn mài 1958), "Mùa đông sắp về" (sơn mài 1959), "Thằng cu đất mỏ" (sơn mài, 1964)...

Linh Sơn Consultant Sex Center !

Báo Lao Động ngày 16.6 1994 đã nghiêm chỉnh đưa tin về buổi lễ ra mắt, ngày 12.6 tại Hà Nội, của "*Trung tâm tư vấn giới tính Linh Sơn*" (Linh Sơn Consultant Sex Center) được thành lập do quyết định của Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học-công nghệ, thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc của Quốc hội và chủ nhiệm Ủy ban khoa học kỹ thuật Hà Nội đã đến dự buổi khai mạc trung tâm khoa học và công nghệ này mà nhiệm vụ là :

- "Đào tạo và phổ biến phương pháp thụ thai con gái, con trai theo ý muốn".

- "Đào tạo và phổ biến phương pháp điều khiển gia súc thụ thai ra con đực hay con cái tùy theo nguyện vọng của người chăn nuôi".

- "Giới thiệu, cung cấp sản phẩm và chuyển giao công nghệ điều khiển giới tính cho người và vật nuôi" (!!!).

TIN NGẮN

✓ Chính phủ đã quyết định nghiêm cấm đốt pháo trên phạm vi cả nước kể từ ngày 1.1 1995. Chỉ thị cũng cấm sản xuất và buôn bán các loại pháo nổ, trừ pháo hoa. Năm 1993, riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã đốt 5 triệu bánh pháo, trị giá 25 tỷ đồng; 403 người đã chết và bị thương do pháo.

✓ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã cho phép các tổ chức và cá nhân sử dụng nhà thuê của nhà nước được tu sửa nhà để cho người nước ngoài thuê lại. Với điều kiện là nộp cho thành phố 20 % giá tiền cho thuê lại.

✓ Từ ngày 1.6 1994, hàng quà biếu từ nước ngoài gửi về Việt Nam có giá trị trên 2 triệu đồng/lô (tính theo giá tối thiểu do Bộ tài chính qui định) phải chịu thuế thu nhập 5 %.

✓ Bốn năm qua, nhịp độ tăng trung bình hàng năm số khách du lịch quốc tế vào Việt Nam là 50 %. Trong số 670 ngàn lượt khách đến Việt Nam trong năm 1993, có 79 % người nước ngoài (đứng đầu là Đài Loan: 95 ngàn lượt người), số còn lại là Việt kiều về thăm quê hương.

✓ Nhiều bằng tốt nghiệp phổ thông trung học và bổ túc văn hóa giả vừa bị phát hiện ở tỉnh Đồng Nai. Trưởng phòng hành chính quản trị và phó thanh tra sở giáo dục của tỉnh đã bán bằng giả với lệ phí từ 200 000 đồng đến một chỉ vàng.

✓ Nữ kỳ thủ Nguyễn Thị Ngọc Dung (Thanh Hóa) đã đoạt giải vô địch (lứa tuổi 12) giải cờ vua thế giới 1994 tổ chức đầu tháng 8 vừa qua tại Budapest (Hungary) với sự tham gia của 86 nước.

✓ Với 5 huy chương vàng, 5 bạc và 7 đồng, Việt Nam đã về đầu (trước Đài Loan, Hàn Quốc, Malaixia, Xingapo, Thái Lan) giải Taekwondo quốc tế 1994 tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh cuối tháng 7 vừa qua.

✓ Năm 1993, số tai nạn giao thông ở Việt Nam lên đến 12.000 vụ, làm chết 4.150 người, làm bị thương hơn 6.000 người. So với bình quân của thế giới thì mức thiệt hại do tai nạn giao thông ở Việt Nam lớn gấp 20 lần, còn so với các nước công nghiệp phát triển là gấp 50 lần, tính theo tỷ lệ tai nạn trên 1.000 phương tiện lưu hành.

✓ Một trận lũ ở tỉnh Lai Châu, cuối tháng 7 vừa qua, đã làm cho 21 người chết và gây những thiệt hại nặng nề, ước tính lên đến 25 tỷ đồng.

✓ Quan hệ Mỹ - Việt có vẻ không nhích lên bao nhiêu trong mùa hè vừa qua. Ngoại trưởng Warren Christopher cuối cùng đã bãi bỏ ý định ghé thăm Việt Nam nhân dịp sang dự một hội nghị do ASEAN tổ chức, vì sức ép của một số tổ chức cựu quân nhân.

✓ Ngày 20.7, Hội đồng GATT đã chấp nhận Việt Nam là quan sát viên bên cạnh định chế thương mại quốc tế này. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Lương, đại sứ Việt Nam bên cạnh các tổ chức quốc tế tại Genève, Việt Nam mong muốn được trở thành thành viên chính thức của GATT hoặc của Tổ chức thương mại thế giới, sẽ kế tục GATT từ năm tới.

✓ Ngày 17.8, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh đã ra lệnh gỡ bỏ các ăng ten parabol ở thành phố trong vòng một tuần lễ ! Theo thông báo, lệnh này nhằm ngăn chặn tình trạng thiếu kỷ cương trong việc nhập và buôn thông tin.

✓ Hà Nội đã xác nhận tin nhà sư Thích Giác Nguyên bị bắt ngày 7.8 ở Trà Vinh. Theo người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, nhà sư bị bắt về những "tội hình sự" chứ không dính gì đến chuyện tôn giáo. Theo những người đối lập, ông bị bắt vì phản đối chính sách ngược đãi tôn giáo của chính quyền. Trước đó, theo một số nguồn tin không được xác nhận, một nhà sư khác, trụ trì chùa Ngọc Phát ở Vĩnh Long đã tự thiêu để đòi tự do tín ngưỡng.

✓ Giám mục Phạm Đình Tụng, nguyên giám mục địa phận Bắc Ninh, đã được toàn thánh La Mã phong làm tổng giám mục giáo phận Hà Nội, thay cho Hồng y Trịnh Văn Căn qua đời năm 1990.

✓ Ngày 22.8, nhà văn Dương Thu Hương đã sang Pháp theo lời mời của Hội nhà văn Pháp (Société des gens de lettres). Tác giả *Tiểu thuyết vô đề* dự định gặp giới nhà văn, những dịch giả và giới điện ảnh (chị đã hoàn thành một kịch bản phim phỏng theo tác phẩm *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của nhà văn Nguyễn Minh Châu).

✓ Thủ tướng Võ Văn Kiệt vừa ra chỉ thị khuyến nghị cán bộ phải biết ít nhất một ngoại ngữ, *ưu tiên là tiếng Anh*.

✓ Theo một điều tra của chính phủ nơi 91.700 gia đình, thu nhập trung bình hàng năm ở Việt Nam hiện nay tương đương với 132 đôla/dầu người (242 đôla ở thành phố và 103đôla ở nông thôn) – chú ý đây không phải là con số thu nhập quốc dân/dầu người (GDP per capita) thường được đưa ra trong các thống kê kinh tế.

Duy Tân (tiếp theo trang 1)

Nhưng một điểm quan trọng được tất cả chia sẻ, là sự thay đổi đối tượng cần được truyền đạt nhận thức về yêu cầu hiện đại hoá ấy. Duy Tân hội chưa thoát ra chế độ quân chủ (điểm này đã bị Phan Châu Trinh cực lực chỉ trích ; tám năm sau, Việt Nam Quang phục hội, tiếp nối Duy Tân, mới đề ra chủ trương “Muốn cho ích lợi nước nhà, Ất là dân chủ cộng hoà mới xong”), tầm nhìn và kiến thức về thế giới của từng lãnh tụ Duy Tân có thể có những chỗ chưa được sâu rộng như nơi Nguyễn Trường Tộ, song những “Lưu cầu huyết lệ tân thư” (viết năm 1903, trong đó Phan Bội Châu nêu những chủ trương “Khai dân trí, chấn dân khí, thực nhân tài”, khác với Phan Châu Trinh ở điểm cuối : “hậu dân sinh”), “Văn minh tân học sách” (Đông Kinh nghĩa thực, 1907), “Á tế Á ca” (khuyết danh, 1905-06), “Hải ngoại huyết thư” (Phan Bội Châu, 1906), “Tỉnh quốc hồn ca” (Phan Châu Trinh, 1907), v.v... không còn là những bản *trần từ* gửi lên nhà vua (còn đó), lên các quan đại thần (cũng còn đó), mà đã là những *lời kêu gọi*, những *bản hiệu triệu* gửi thẳng đến nhân dân. Những buổi hội họp bí mật, những cuộc diễn thuyết được tổ chức “trên khắp Đông Dương”, như một bản báo cáo của toàn quyền Klobukowsky năm 1909 đã thừa nhận. Sau này, phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu (1925), để tang Phan Châu Trinh (1926) vang động cả nước là những hệ quả của các cuộc vận động thời đó.

Cuộc đấu tranh giành độc lập từ nay không thể chỉ mang tính cách “*bình Tây, sát tả*” hay tính cách “*Cần vương*” của những Trương Định, Phan Đình Phùng..., mà bao gồm từ việc tuyển thanh niên xuất dương du học (phong trào *Đông du*), mở trường dạy học, cổ động nền giáo dục mới, lấy chữ quốc ngữ thay cho chữ Hán, Nôm, lấy các môn “Công pháp, Tây Sử, Luật lệ, hội diễn, địa đồ, toán pháp v.v...” thay cho cái học từ chương, hủ lậu cũ (**Đông Kinh nghĩa thực**), viết báo, tổ chức kinh doanh (Triệu Dương thương điếm ở Nghệ An, Liên Thành công ty ở Phan Thiết), tổ chức biểu tình (phong trào “*xin sưu*” chống thuế năm 1908), tới cả việc tưởng như rất nhỏ như phong trào cắt “*búi tóc cũ hành*”

Phen này cắt tóc đi tu

Tụng kinh Độc Lập ở chùa Duy Tân ! (Nguyễn Quyền)

Những cuộc vận động ấy chưa đủ để lật đổ chế độ thực dân. Hội Duy Tân mới ra đời được 4 năm, phong trào Đông Du vừa nhóm, trường Đông Kinh Nghĩa Thục mới mở được hơn một năm, một đợt khủng bố, bắt bớ của thực dân sau vụ chống thuế và vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Thành năm 1908 đã làm cho phong trào hầu như tan rã. Các linh tụ bị bắt đầy ra Côn Đảo (Phan Châu Trinh, Nguyễn Hầm, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can, Đặng Văn Bá v.v...), thậm chí bị đem ra xử tử hình (Trần Quý Cáp), chỉ trừ Phan Bội Châu đang ở Nhật là thoát.

Nhưng lửa đã bén vào than.

Những búi tóc cắt ngắn sẽ không được để lại, và giữa những đổi thay về kinh tế, xã hội dưới chế độ thực dân, những

nếp sống mới, những ý tưởng mới sẽ dần dần thăng thế. Chỉ mười mấy năm sau, nàng Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách đã có thể cùng chàng Đạm Thuỷ tắm biển Đồ Sơn ! Rồi những nhân vật của **Tự Lực văn đoàn** – những cô thiếu nữ “tân thời” dám cả gan vứt bỏ những ràng buộc của lối nghi phong kiến để chạy theo tiếng gọi của tình yêu, làm say đắm cả một tầng lớp thanh niên mới – đã chuẩn bị môi trường, khiến cho chỉ ít lâu sau các khái niệm *tự do, hạnh phúc* đã tìm được chỗ đứng rất tự nhiên (bên cạnh *độc lập*) trong tiêu ngữ của nhà nước Việt Nam mới, ngay sau khi giành được chính quyền.

Những bài diễn thuyết, bài ca cổ động, “học sách” dù không được phép in sẽ vẫn tiếp tục truyền miệng, sống trong tâm tư của người dân mảnh đất nước. Những ý tưởng của Phan Châu Trinh, thiểu số trong giới nhà nho yêu nước lúc ấy, về sự cần thiết lật đổ chế độ quân chủ thay bằng dân chủ, phá vỡ trật tự phong kiến cũ, coi hiện đại hoá xã hội và đất nước là việc phải làm trước khi lật đổ chế độ thực dân, tuy không thuyết phục được ngay Phan Bội Châu, sẽ dần dần thẩm trong mọi tầng lớp nhân dân, làm nền cho những phong trào kế tiếp (tuy về sau, các phong trào kháng chiến sẽ đặt hai nhiệm vụ này đồng thời chứ không coi nhiệm vụ hiện đại hoá là phải làm trước. Sự phân biệt – và phân liệt – những người yêu nước nằm trong phương cách hiện đại hoá ra sao).

Trong các chương trình vận động của Duy Tân, một điểm đặc biệt có ảnh hưởng sâu xa nhất có lẽ là cuộc vận động dùng chữ Quốc ngữ thay cho chữ Nho. Chữ quốc ngữ tuy được thực dân sử dụng chính thức từ 30 năm trước tại “Nam Kỳ”, song không lan được rộng rãi trong dân chúng vì bị sĩ phu yêu nước tẩy chay, nay đã đổi vị trí, trở thành vũ khí lợi hại của cuộc vận động khai dân trí trên con đường đấu tranh mới. Nhà cầm quyền thực dân cũng sẽ phải tính tới điều này với chính sách mở trường học “Pháp-Việt đề huề”, và với việc sử dụng những Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, lấp vào chỗ trống của văn chương Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thục vừa bị cấm đoán (xin xem Nguyễn Văn Trung và Mai Ngọc Liệu, “**Chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc**”, nhà xuất bản Nam Sơn, Sài Gòn 1.1975). Tác dụng khách quan của Phạm Quỳnh và Nam Phong tạp chí đối với sự phát triển nền văn học Việt Nam đương đại, bằng quốc ngữ, là như thế nào, câu hỏi cần được nêu ra, song có thể nào chỉ một chiều xưng tụng “*đức văn sĩ giả dối*” kia (mượn chữ của Ngô Đức Kế) mà quên rằng Trần Quí Cáp, tác giả những lời khuyên đồng bào

(...)

Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tính trước dân ta,
Sách Âu, Mỹ, sách Chi-na,
Chữ kia nghĩa nọ dịch ra tỏ tường.
Nông công cổ trăm đường cung thế,
Hợp bằng nhau thì dễ toan lo.
Á, Âu chung lại một lò,
Đức nên tư cách mới cho rằng người...
(1906)

đã bị triều đình Huế xử chém 2 năm sau lời kêu gọi đó, một lời kêu gọi được ghi hàng đầu trong 6 chương trình của **Văn minh tân học sách**, 9 năm trước khi Nam Phong được cho ra đời ?

Chương trình thứ sáu của **Văn minh tân học sách**, “*mở tờ báo*”, tuy không thực hiện được ngay nhưng cũng sẽ được

thực dân chú trọng và đáp ứng (!) một cách đặc biệt, với Đông Dương tạp chí (ra đời tháng 5.1913) và Nam Phong tạp chí, tháng 7.1917 (không kể những tờ bằng tiếng Pháp và vài tờ tiếng Việt có ảnh hưởng ít hơn, ở trong Nam). Song, từ những năm 1920, đã có những tờ báo hợp pháp hoặc bất hợp pháp của những người Duy Tân cũ từ Côn Đảo trở về (như Ngô Đức Kế với tờ **Hữu Thanh**, 1921, Huỳnh Thúc Kháng với tờ **Tiếng Dân**, 1927), hoặc của lớp trẻ hơn như **La Cloche félée** (Nguyễn An Ninh, 1923-1926), **L'Annam** (Phan Văn Trường, 1926-1928), **Thanh Niên** (Nguyễn Ái Quốc, 1925-1928) v.v..

Về một khía cạnh khác, ít được chú ý hơn, ảnh hưởng của các ý tưởng *duy tân* có lẽ cũng không nhỏ. Tuy chưa nhiều và tất cả không để lại một dấu ấn thật đậm trong lịch sử, ngay từ đó đã có những thanh niên Việt Nam đầu tiên dấn thân vào con đường học hỏi khoa học, kỹ thuật, kinh tế, trong hoài bão mà “**Á tế Á ca**” đã nêu ra :

... *Nền tân học kíp nên dựng trước*
... *Mọi nghề cùng ghé địa cầu một vai...*

Phan Bội Châu niêm biểu có ghi lại trường hợp của một vài thanh niên Đông du gắng công học khoa học kỹ thuật ở Nhật Bản, nhưng phải đợi đến những năm 1920-30 mới xuất hiện những tên tuổi Việt Nam đầu tiên gắn với các địa hạt này của “*Nền tân học*”, những Nguy Như Công-Tum, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Xiển, Hoàng Xuân Hãn v.v....

*

Cuộc đổi đời sẽ còn cần nhiều thời gian, trải nhiều thử thách (và, không phải luôn luôn để đạt tới những cái hay hòn, đẹp hơn cái cũ, nhưng đó lại là chuyện khác!). Với những phương tiện cai trị tinh vi và sắt đá, trên nền tảng một dân tộc chưa thoát khỏi rất nhiều lạc hậu của nhiều thế kỷ phong kiến trì trệ, chế độ thuộc địa còn tiếp tục ngự trị khá lâu sau khi Duy Tân bị dẹp. Nhưng, dưới nhiều hình thức, với những nỗ lực của nhiều thế hệ nối tiếp nhau, đất nước và dân tộc Việt Nam đã bước chân vào *một cuộc trường chinh không đảo ngược được*. Sự tiếp xúc với văn minh Tây Âu, dù trong ngót một thế kỷ trong thế đứng của một kẻ bị trị, và trải qua một cuộc chiến tranh khốc liệt 30 năm (không thể quên, sự tiếp xúc với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, với những ý tưởng về công bằng xã hội, về đấu tranh giai cấp, cũng nằm trong trào lưu Âu hoá đó, trên cùng một bình diện với sự tiếp thu những khái niệm về dân chủ, tự do, nghị viện v.v...), đã làm thay đổi bộ mặt xã hội Việt Nam một cách khá toàn diện và sâu sắc. Về kinh tế và đời sống vật chất, với sự hình thành những trung tâm đô thị và mạng lưới giao thông mới; Về vị trí của cá nhân trong xã hội như đã đề cập; Về thể chế chính trị (từ “quốc gia” đến “cộng sản”); Về chữ viết và học thuật, và về nhiều khía cạnh khác. Hắn là trong những đổi thay đó, có những nét chung của thời đại, của một thế giới ngày càng thu hẹp, những tương đồng của nhiều dân tộc châu Á và những nét đặc thù Việt Nam. Điều đó, các nhà sử học, xã hội học, văn nghệ sĩ, triết gia... đã và còn tiếp tục nghiên cứu. Hắn là có những giá trị cũ bị rơi rớt oan uổng, mà các thế hệ hiện nay và sắp tới cần tìm lại và gìn giữ, có những cái “mới” thực ra chẳng tốt đẹp gì, những cái mới “dởm” hoặc tốt với người mà ta chưa tiêu hoá nổi. Và có những giá trị đã được khẳng định chung của nhân loại, nhưng chưa được thừa

nhận ở Việt Nam, chưa tìm được chỗ đứng vững chắc trong xã hội Việt Nam. Cuộc đấu tranh khốc liệt giành độc lập và trào lưu thế giới cũng đã dẫn đến những thử nghiệm đau thương về tổ chức xã hội, về kinh tế chính trị, tuy nhiều lần phải điều chỉnh nhưng vẫn còn quá xa vời những mục tiêu “tự do, hạnh phúc” được đề ra ngay từ những ngày đầu tiên sau cuộc Cách mạng tháng 8.1945. Song dù sao, thế giới bên ngoài của người Việt đã rộng mở, góp phần củng cố và điều kiện hoá những thay đổi bên trong. Không chỉ còn là “thiên triều” phương bắc hay một vài “lân quốc” bên hông (mong rằng nó cũng không chỉ được thay thế bằng bất cứ một “mẫu quốc” nào khác, dù với rất nhiều thiện tâm “khai hoá”!). Từ cuộc Đông Du lần đầu tiên dẫn các vị tiền bối vượt biển đến Nhật Bản, tiếp theo là các chuyến đi Pháp tìm đường cứu nước của Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh), người Việt đã đi tới, có mặt trên khắp năm châu. Các giáo huấn của Khổng, Mạnh, của Phật, Lão không còn độc chiếm tư duy của người trí thức. Khởi đầu từ sự tiếp xúc của các nho sĩ yêu nước đầu thế kỷ với những Mạnh Đức Tư Cửu, Lư Thoa v.v..., người Việt Nam hôm nay đã có thể học hỏi nhiều nguồn tư tưởng triết học, khoa học khác nhau trên thế giới – và có những người đạt tới mức hiểu biết, sáng tạo cao –, đã đủ sức, trong nhiều lĩnh vực, tự giải quyết các vấn đề kinh tế, kỹ thuật đặt ra trong một cuộc sống hoàn toàn khác với cuộc sống yên tĩnh sau luỹ tre xanh của nhiều thế kỷ trước.

Dĩ nhiên những thay đổi kể trên đã không dễ dàng – cùng với sức ý của xã hội nói chung, sự phản kháng của các nho sĩ bảo thủ mà phe Duy Tân gọi là hủ lậu nho sê còn kéo dài –. Song, công cuộc Âu hoá một xã hội cả hàng ngàn năm Khổng Mạnh ấy liệu có mau như thế nếu như nó chỉ là một chính sách được chính quyền thực dân đề ra và ra sức thực hiện, trong khi linh hồn của cuộc kháng chiến vẫn cứ là một sự cố thủ, “bảo tồn nòi giống” trong một tinh lặng “ngàn năm văn hiến”?

Và cũng dĩ nhiên, tất cả những đổi thay đó không thể được “tính sổ” vào cuộc vận động Duy Tân quá ngắn ngủi (nói theo kiểu Nguyễn Huy Thiệp, có những kết quả của một cuộc “cưỡng dâm”!). Nhưng, ngoài cái lôgic nội tại của sự khai thác thuộc địa (dẫn tới việc xây dựng một số hạ tầng cơ sở, thành lập một số trường học), ngoài những thiện chí của một bộ phận người Pháp, có thể nào quên sức ép có ý thức của xã hội Việt Nam vào cuộc hiện đại hoá đất nước, khởi đi từ những Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các thế hệ đồng chí tiếp theo?

*

Ngày hôm nay, một nước Việt Nam độc lập, thống nhất đã lại hình thành sau hơn một thế kỷ bị nước ngoài chiếm đóng. Tiếng súng, tiếng bom đã lắng im, và trong những ngày hè vừa qua đã nhường chỗ cho tiếng reo hò, cổ vũ của một cơn sốt bóng đá trong chừng mực nào đó chứng minh có một nước Việt Nam bình thường (tất nhiên là bên cạnh nhiều biểu hiện bình thường khác), đã “bình thường hoá” quan hệ với cộng đồng quốc tế. Nhưng đó chỉ là một dấu ngoặc nhỏ, có tính chất xả hơi trong một thế giới đầy biến động, và chắc chẳng mấy ai tự bằng lòng chỉ với những biểu hiện bình thường ấy. Nhiều điều cũng “bình thường” của một xã hội

mới vẫn còn thiếu vắng. Về đời sống vật chất đã hẵn, mà sự xây dựng các cơ sở vật chất hiện đại, điện, nước, giao thông v.v..., đòi hỏi nhiều thời gian, tiền của, nhiều sức lực, tim óc. Nhưng cả về những điều kiện sống tinh thần của một xã hội công dân mới – không thể thiếu nếu muốn vận động người dân mang hết tài sức mình đóng góp cho cuộc xây dựng kinh tế –, như sự tôn trọng các quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do di lại, hội họp, tín ngưỡng, tôn trọng thiểu số, tôn trọng quyền lập đảng chính trị v.v..., dù chính quyền hiện nay chính thức coi mình như người nối nghiệp của nhiều thế hệ chiến sĩ cách mạng đã từng xả thân tranh đấu cho các quyền tự do ấy! Có cần nhắc lại là tất cả các quyền tự do nói trên đều đã được Nguyễn Ái Quốc, trong lớp hậu bối đầu tiên của các nho sĩ Duy Tân, nêu trong bản yêu sách trình trước hội nghị Versailles của các cường quốc thắng trận thế chiến thứ nhất, năm 1919? Nói chung hơn, một thiếu vắng lớn đối với một xã hội bình thường trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21: một nền luật pháp tôn trọng những quyền cơ bản của công dân, với một chính quyền tôn trọng pháp luật đó, được hỗ trợ bởi một bộ máy hành chính hoạt động hữu hiệu... Về bản thân xã hội, do chiến tranh lâu năm cũng có, do đời sống vật chất nghèo nàn cũng có, nhưng cũng do các chính sách giáo điều về văn hoá, giáo dục v.v..., mà sức khoẻ và trình độ học vấn, hiểu biết, ý thức xã hội của người dân hiển nhiên còn khá xa những chuẩn mực của thời đại, ngay cả so với những nước chung quanh mới phát triển.

Cuộc hội nhập vào thế giới hiện đại, dù trong một vị trí khiêm tốn, đòi hỏi một xã hội có trình độ tri thức và văn hoá không nhỏ. Đòi hỏi quốc gia đã giành được độc lập vươn lên, gánh vác những trách nhiệm của mình, như giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, giáo dục, môi trường v.v... Tất nhiên không phải trong một thế cô lập, khép kín, song cuối cùng thì trách nhiệm vẫn là do mình nắm trong tay, chế độ hay hay dở, kinh tế, văn hoá tốt hay xấu chẳng trách ai được. Những người cầm quyền lại càng không thể trách ai khi quyền hành không được chia sẻ, khi người dân không được tự do phát biểu những ý kiến của mình, trên những phương tiện họ được tự do lập ra (như phong trào Duy Tân đã đề xướng).

Duy tân, do đó nếu không còn mục tiêu tìm đường giải phóng dân tộc khỏi một thế lực thống trị ngoại bang, vẫn là một đòi hỏi cấp bách để vượt qua nhiều ràng buộc và hủ lậu của quá khứ vẫn tồn tại trong từng bộ phận hoặc toàn thể đất nước và dân tộc. Để vượt qua những chướng ngại ngăn cản việc tìm ra không phải là những giải pháp maul nhiệm mà là những giải pháp được đa số nhìn nhận là là hữu hiệu nhất, thích hợp nhất đối với các vấn đề hiện nay của đất nước. Và để đủ nhân lực có bắn lãnh thực hiện các giải pháp đó...

Thế giới thay đổi càng nhanh, công cuộc *duy tân* đất nước càng phức tạp và luôn luôn đầy những dang dở, bất trắc, với những bước đi quá đà và những bước lùi đáng tiếc. Song điều đó không còn thuộc phạm vi trách nhiệm của các nhà nho đã đưa đất nước vào bước ngoặt Âu hoá và tiếp xúc với thế giới hiện đại 90 năm trước...

Hoà Văn
8.1994

Nguyễn Quang

DÂN CHỦ : 5 NĂM SAU

(tiếp theo kỳ trước)

Những mâu thuẫn nói ở bài trước không có nghĩa rằng các nguyên tắc của dân chủ là một mồi bòng bong rối rắm. Ngược lại, có những nguyên tắc một khi được trình bày, phát huy và thực hành, kết hợp thành những tổng thể hết sức nhất quán (*cohérents*), tạo ra thế mạnh của chế độ dân chủ đại nghị. Chẳng hạn như tập hợp 4 nguyên tắc : chính đáng – đầu phiếu phổ thông – luân phiên cầm quyền – đa nguyên (*légitimité – suffrage universel – alternance – pluralisme*). Không phải hoàn toàn ngẫu hứng mà chúng tôi lọc ra 4 nguyên tắc đó, mà dưới đây, chúng tôi muốn xem xét cùng bạn đọc¹.

Tính chính đáng và đầu phiếu phổ thông

Không một hệ thống chính trị nào có thể tránh né vấn đề *tính chính đáng* (*légitimité*). Xét cho cùng, bất luận chính thể nào cũng bắt nguồn từ một hành động cướp quyền : không nói gì tới những triều đại quân chủ xây dựng trên quyền lực của kẻ mạnh (có triều đại vẫn trường cửu như ở Maroc, có triều đại đang tiếp tinh truyền ngôi như ở Bắc Triều Tiên), cũng không nói cả tới những cuộc đảo chánh như kiểu *putsch*, *pronunciamento*, tất cả các chính thể dân chủ hiện đại – dân chủ thật hay dân chủ giả, “tư sản” hay “nhân dân” – đã chẳng khai sinh trong những cuộc cách mạng hay chiến tranh giải phóng đó sao ? nghĩa là do bạo lực mà giành chính quyền ? Cố nhiên, không có vấn đề đánh đồng đảo chánh với cách mạng, cũng không thể bỏ chung vào một rọ Fidel Castro và Augusto Pinochet, song cần phải nhấn mạnh rằng sự chính đáng của một chính thể là một trong những vấn đề đáng được đặt ra. Ngoại trừ những thời kỳ lịch sử hào hùng là lúc mà những khát vọng dân tộc, sự hưởng ứng của nhân dân và cao trào cách mạng đồng nhất thành một khối – cũng đừng nên quên rằng lịch sử thường được người chiến thắng viết (lại) – ai có thể tự nhận mình là chính đáng ? Chính ở câu hỏi này mà ta có thể phân biệt chế độ dân chủ với các chế độ khác – bất luận đó là chế độ quân chủ cực quyền, độc tài quân phiệt hay chuyên chính vô sản.

Trong một chính thể dân chủ, theo định nghĩa, sự chính đáng là do nhân dân. Còn chế độ độc tài thì sao ? Không cần bàn tới những chế độ của những băng đảng *mafia* (kiểu Duvalier ở Haiti, kiểu Noriega ở Panama), ta hãy xét các nền chuyên chính được xây dựng trên nền tảng của một hệ tư tưởng (*idéologie*). Đại để có hai loại : những chế độ cực quyền (vương quyền hay thần quyền) nhân danh mệnh trời và những chế độ toàn trị (phátxít hay leninist²) nhân danh nhân dân. Do đó khi nói tới chủ quyền của nhân dân, cũng phải nói cụ thể, chính xác. Trong khi chế độ dân chủ chấp

nhận để nhân dân phán quyết về sự chính đáng của mình thông qua đầu phiếu phổ thông, thì các chế độ chuyên chính mặc nhiên hoặc hiển minh khẳng định tính chính đáng của mình xuất phát từ một *sứ mệnh* : các giáo chủ Hồi giáo *ayatollah* hay hậu duệ của Mahomet thì nhân danh *thượng đế*, còn đội ngũ tiên phong của giai cấp vô sản thì mang trên vai *sứ mệnh lịch sử* của mình. Theo quan niệm dân chủ, chính nghĩa thuộc về nhân dân, và chỉ thuộc về nhân dân, tính chính đáng của một chính quyền là do nhân dân uỷ nhiệm. Theo quan niệm phátxít hay leninist, chính quyền có tính chất *messianique*, ngôn ngữ tôn giáo thường gọi là *cứu thế*, song theo nghĩa từ nguyên, *messianique* là gánh vác một *mission*, nghĩa là gánh vác *sứ mệnh*. Chính quyền toàn trị thực hiện *sứ mệnh* của mình “vì lợi ích của nhân dân”, nhưng tính chính đáng của nó dẫn xuất từ *sứ mệnh*, không phải từ *nhân dân*. Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam không nói gì khác khi ông khẳng định chắc nịch như đinh đóng cột : « *Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và cả dân tộc. Đảng chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì tự do hạnh phúc của nhân dân. Đảng đang tiếp tục đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Như vậy thì đảng để làm gì ?* ».³

Luân phiên và đa nguyên

Chính quyền dân chủ, sau mỗi nhiệm kỳ, phải chịu sự chi phối của một số cơ chế nhất định : mỗi lần như vậy, sự chính đáng của nó được đặt lại, nghĩa là bị phế truất hay tái nhiệm. Còn chính quyền leninist không cần gì tới những cơ chế ấy, vì không ai có quyền đặt lại vấn đề về tính chính đáng của nó. Thành ra khi nào có sự ly khai giữa chính quyền và nhân dân, thì không đặt ra vấn đề giải thể chính quyền. Nói đúng như Bertolt Brecht, lúc đó chỉ còn cách... giải tán nhân dân.

Tất nhiên, trong các chế độ gọi là dân chủ nhân dân (trong hai từ *dân chủ* và *nhân dân*, thừa một từ), cũng có những cơ quan dân cử, cũng có bỏ phiếu, cũng có cải tổ nội các đấy. Nhưng, sòng phẳng mà nói, đó chỉ là những biện pháp hình thức không bao giờ đặt lại tính chính đáng của chính quyền. Khác biệt cơ bản giữa bỏ phiếu hình thức và bầu cử thật sự dân chủ, có cần nhắc lại chăng, là quyền thưởng phạt của lá phiếu, là khả năng cho về vườn những đại diện dân cử đã làm hỏng việc hay làm không nên việc. Một nhân tố cốt yếu của đời sống dân chủ, do đó, là sự *thay phiên cầm quyền*. Đây không phải là một điều đương nhiên, ngay tại những nước có một nền dân chủ *không đến nỗi nào* : ở Italia, Nhật Bản, Mexico, có đảng nắm quyền liên tục suốt nửa thế kỷ hay hơn nữa. Thoạt trông cũng chẳng khác gì tình trạng các nước độc đảng. Ta có thể nghĩ tình trạng một đảng cầm quyền quá lâu là nguy hại cho dân chủ (xem phần dưới đây) song việc này không mâu thuẫn với nguyên tắc dân chủ. Điều quan yếu trong luật chơi dân chủ là trong chế độ, có quy định khả năng (khả năng chứ không bắt buộc) thay phiên cầm quyền để bảo đảm chính quyền bắt nguồn từ ý chí của nhân dân, và không có kết quả của cuộc đầu phiếu nào là vĩnh cửu cả.

Để có khả năng thay phiên cầm quyền, tất yếu phải có sự *đa nguyên*, mà một hệ luận là chế độ *đa đảng* (không có

nhiều đảng thì lấy gì mà thay thế ? Lenin đã chẳng từng chỉ rõ rằng không có tổ chức chặt chẽ, không thể có hy vọng giành chính quyền đó sao ?). Đó là điều hiển nhiên, tưởng không cần nhấn mạnh làm gì. Song câu hỏi “đa đảng để làm gì ?” vẫn được lồng tiếng đặt ra, nên nhấn mạnh cũng chưa thừa. Và nói kiểu toán học, theo lối chứng minh bằng phản chứng : *không đa đảng thì không thể có đa nguyên ; không đa nguyên thì không có khả năng thay phiên cầm quyền ; không có khả năng thay phiên cầm quyền, thì người dân không có quyền phán quyết ; dân không có quyền phán quyết thì không có tính chính đáng ; không chính đáng thì không có dân chủ*. Vậy thôi.

Tham nhũng và xơ cứng

Có đầu phiếu phổ thông, ắt có sự thay phiên. Song ngược lại, sự thay phiên cầm quyền không nhất thiết có nghĩa là dân chủ : về mặt lý thuyết mà nói, rất có thể tưởng tượng ra một kịch bản chính trị theo đó hai đảng độc tài ăn ý nhau, thay phiên cầm quyền, một đảng *vô đưa*, một đảng *vô đưa*. Nhưng đó là chuyện thuần giả tưởng, trong thực tế, ta có thể nói gần như chính xác rằng đầu phiếu dân chủ và thay phiên gắn chặt với nhau, cho dù đầu phiếu phổ thông nằm trong phạm trù nguyên tắc, còn sự thay phiên lại thuộc về phạm trù thực tiễn.

Bất luận thế nào, ở đâu không có sự thay đổi đảng cầm quyền, ở đó bầu cử cuối cùng cũng mất hẳn ý nghĩa. Ở trên, chúng tôi đã nêu ra thí dụ những chính đảng dân chủ lớn mạnh — Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo DC ở Italia, Đảng Tự do — Dân chủ ở Nhật Bản, Đảng Cách mạng — Định chế (cái tên mâu thuẫn làm sao) PRI ở Mexico — đã bị quyền lực làm xói mòn thê thảm. Trong tất cả mấy trường hợp đó, hai căn bệnh trầm kha : *tham nhũng và xơ cứng*.

1) Tham nhũng :

Vẫn đề rõ ràng không phải là phẩm chất những cá nhân hay cơ cấu tổ chức. Một khi quyền bính nằm mãi trong vòng một tổ chức, thì sớm muộn chính trị sẽ biến chất : tham vọng chính trị trở thành chủ nghĩa cơ hội, công tác phục vụ nhà nước trở thành quan lộ, việc nước biến thành việc nhà, thành *apphe*. Không phải ngẫu nhiên mà các đảng cầm quyền ở Pháp, Italia, España, Nhật Bản... đều vấp ngã hay bị lật nhào vì những vụ *apphe*, đút lót, *xicăngđan* tài chính. Cũng nên nói cho rõ : tham nhũng không phải là căn bệnh di truyền của các chính đảng mà của chính quyền. Bằng chứng là các đảng không cầm quyền bao giờ cũng được độ tín nhiệm cao về đạo đức⁴. Họ cũng dễ trong sạch vì chẳng mấy đời giới *apphe* lại phải bỏ tiền ra mua chuộc một đảng đối lập. Mua chuộc có thể cho là một cách đầu tư, một loại đầu tư chỉ mang lại lãi suất trong môi trường chính quyền, là nơi mà qua mốc ngoặc, buôn thầm bán thề, người ta có thể lợi dụng các kẽ hở pháp luật hoặc phá rào luật lệ. Thời gian tạo điều kiện cho một hiện tượng thê thảm : ban đầu là dân cử và cử tri ; dần dần trở thành chính khách và khách hàng ; cuối cùng là “*bồ bịch và bỉp bợm*” (*les copains et les coquins*)⁴... Ngày nào không có khả năng thay phiên cầm quyền, thì mọi cơ chế kiểm soát hay điều chỉnh đều vô hiệu. Ngay các ngân hàng cũng phải thực hiện nguyên tắc này theo lối của họ : họ thường kỳ chuyển vị các giám đốc và nhân viên làm việc ở các chi nhánh để ngăn ngừa những quan hệ mốc ngoặc với khách hàng. Ngân hàng mà còn phải làm như vậy, thử hỏi

một chính quyền sẽ ra sao nếu nó không chấp nhận nguyên tắc luân phiên ? Ngạn ngữ nói không ngoa : “ *Quyền lực làm hư con người ; quyền lực tuyệt đối làm hư một cách tuyệt đối* ”.

2) Xơ cứng :

Dân tộc học và sinh học cho ta biết tác hại của các cuộc hôn nhân đồng huyết thống vì làm nghèo gia sản các gen. Nếu ta cho rằng có sự tương đồng nào đó giữa *cơ thể* và *đoàn thể*, thì khó có thể trông chờ ở khả năng tự đổi mới của những cơ chế như là Viện hàn lâm Pháp hay là các chính đảng “ tiền phong ” độc chiếm quyền bính, vì đó là những đoàn thể tự tái sinh bằng cái cách mà tôi xin mạn phép gọi là *cấy clon (clonage)*, nghĩa là tăng trưởng bằng cách cấy những tế bào giống nhau nguyên si. Tất nhiên nói như vậy cũng hơi ngoa : họ chỉ chọn lựa những thành viên *xứng đáng* thôi (*cooptation*). Khi một đảng chính trị lên nắm quyền, nó có xu hướng cắt đặt vào các vị trí chỉ đạo những người theo đúng đường lối của nó : điều đó không những bình thường mà bắt buộc vì theo tập quán dân chủ, không có việc lôi kéo người vào đảng (*débauchage*). Thành thử nếu không có sự thay phiên sau một thời gian, lập tức cầm quyền trở thành độc quyền, đảng trở thành một nhà nước trong nhà nước, và các *đảng – nhà nước* ấy thâm nhập vào mọi guồng máy xã hội (Mexico, Singapore...). Bề ngoài vẫn ra dáng dân chủ, những chính đảng ấy vận hành theo kiểu toàn trị như hệt (mặc dầu khôn khéo hơn) các đảng cầm quyền trong các chế độ độc đảng. Đó là những trường hợp thái cực. “ Bình thường ” hơn, bất cứ một chính đảng nào cầm quyền quá lâu cũng mang những hội chứng của “ hôn phối đồng huyết thống về tư tưởng ” : rập khuôn (*conformisme*), trì trệ, l้า cẩm, nếu không tham nhũng (đây là giả sử thê, trong thực tế chưa có đảng nào thoát khỏi) thì cũng trở nên xơ cứng, tê liệt, bất lực... Nói thế có vẻ ngoa ngôn, song ta thử nhớ lại ngày tàn mới đây của Đảng Xã hội Pháp (PS) : chỉ sau 10 năm cầm quyền mà PS đã bị ruỗng nát tối mức khoanh tay ngồi đợi ngày thất cử, và tới ngày thất cử (mùa xuân 1993), rồi nhiều tháng sau, vẫn chưa thoát khỏi trạng thái bàng hoàng, mê mẩn. Sự thất bại của các đảng chính quyền trở thành phổ biến trong những năm gần đây : cầm quyền chưa đầy 10 năm, PS Pháp mất đi một nửa số cử tri ; Đảng Bảo thủ bên Anh (lên cầm quyền từ lâu hơn) xem ra cũng sẽ chịu chung số phận ; Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo Italia (49 tuổi đời) bị các vụ *xicăngđan* và Berlusconi nghiền nát ; và kiên trۇng là Đảng Cộng sản Liên Xô đã tạ thế vào tuổi 74, do con virus biến thái mang tên Gorbachev. Giờ chót, Đảng PRI (65 năm cầm quyền) vẫn giữ được chính quyền ở Mexico là nhờ bầu cử gian lận (cũng như trong cuộc bầu cử năm 1988)... Danh sách kể trên chắc còn nhiều thiếu sót.

Đối lập là một liệu pháp

Danh sách đó không phải là một danh sách cáo phó, ngược lại. Ngoại trừ trường hợp ĐCS Liên Xô và đảng PRI Mexico, nó là bằng chứng về sức sống của chế độ dân chủ : trong chế độ dân chủ, bệnh xơ cứng và tham nhũng có một phương pháp trị liệu quen biết và cũng đã được định chế hoá, đó là liệu pháp đối lập (*cure d'opposition*) nghĩa là cho nghỉ cầm quyền, tập làm đối lập trong ít nhất một nhiệm kỳ. Các nước mới xây dựng dân chủ ở Đông Âu cũng vừa cung cấp

thêm những bằng chứng về sức sống đó : họ đã nhanh chóng quán triệt và áp dụng nguyên tắc thay phiên. Thật vậy, trong một thời gian thật ngắn (khiến cho hiện tượng này càng có ý nghĩa), thông qua tổng tuyển cử, các Đảng Cộng sản cũ đã trở lại nắm chính quyền ở Litva (*Lituanie*), Ba Lan, Hung (xem khung ở góc dưới)... Tỷ lệ 10 % phiếu bầu cũng là một con số có ý nghĩa tượng trưng : năm 1989, đảng PSH (tức là Đảng Cộng sản cũ của Hung) lúc đó đang cầm quyền được 10 % ; năm 1994 này, đảng bảo thủ cầm quyền (Diễn đàn Dân chủ) cũng chỉ được 10 % phiếu ; và theo các cuộc thăm dò dư luận Ba Lan, thì 10 % cũng sẽ là số phiếu dành cho Lech Walesa trong một cuộc bầu cử tổng thống. Cả một sự đảo lộn ! Có người giả bộ ngạc nhiên, thậm chí tá hỏa : “ *Chí nguy ! Cộng sản trở lại chính quyền !* ”. Vậy mà không phải vậy. Quá trình chính trị của các nước kể trên có khá nhiều điểm tương đồng, nên ta có thể thử đưa ra một phân tích toàn bộ⁵.

Trước hết là một nhận xét sơ bộ có tính chất cơ bản : không phải là những đảng cộng sản trở lại nắm quyền, mà đó là những đảng mang danh hiệu “ xã hội ” hay “ dân chủ phái tả ”. Người ta đã hiểu cuộn khá nhiều về sự thay tên đổi lý lịch của các đảng cộng sản mà quên khuấy rằng một trong những bất đồng cơ bản giữa những người cộng sản và xã hội dân chủ (như ở Đại hội Tours năm 1920) là phủ nhận hay chấp nhận các quy tắc “ dân chủ tư sản ”. Trong trường hợp khả quan nhất, việc thay đổi tên đảng có thể hiểu như biểu hiện quyết tâm đi theo chủ nghĩa xã hội dân chủ, chứ không phải chỉ đơn thuần là một sự thay đổi bảng hiệu. Xác nhận giả thuyết này là thái độ của Đảng Xã hội Hung, trong lúc ô

thế đổi lập, đã bỏ phiếu tán thành các đạo luật tư hữu hoá, và nay lên cầm quyền, mặc dầu có đa số tuyệt đối ở quốc hội, vẫn chia sẻ quyền bính với Đảng Tự do. Một tấm gương rất hay về chủ trương “ thoả hiệp lịch sử ” (*compromis historique* : chủ trương mà lãnh tụ cộng sản Italia, ông Enrico Berlinguer, muốn thực hiện từ những năm 1970, song Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo kiên quyết từ chối). Ngoài ra, ở Ba Lan cũng như ở Hung, các chính phủ mới đều cam kết sẽ tiếp tục đường lối cải tổ của các chính phủ trước, đặc biệt là tự do hoá nền kinh tế, nhờ đó đã giảm bớt kịch tính của sự thay đổi chính quyền.

Trong khi các đảng cộng sản cũ tạo ra được cho mình hình ảnh ôn hoà, thực tế và tài năng, thì phái hữu cầm quyền lại rơi vào thái cực trái nghịch : tài tử, kiêu căng, không tôn trọng các quy tắc dân chủ. Theo Mihaly Bihari, nhà chính trị học người Hung, đảng Diễn đàn Dân chủ “ không quen thực hành dân chủ ”, lại “ nhìn ai cũng thấy địch ”, đối xử với dân “ như thầy đồi với trò ”... Gần ngày bầu cử, họ đã không ngần ngại biến đài phát thanh và đài truyền hình thành những công cụ tuyên truyền thô bạo, bằng những phương pháp y hệt chế độ cũ (hàng loạt nhà báo cứng đầu đã bị thanh trừng, sau một cuộc “ điều tra đạo lý ”). Chính cách hành xử ấy dường như đã bị cử tri trừng phạt nghiêm khắc.

Tất nhiên người ta có thể bàn về tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế vào kết quả cuộc bầu phiếu. Chắc hẳn là các nhân tố như chuyển tiếp kinh tế kéo dài quá lâu, những biện pháp tự do quá mức về kinh tế, sự thõi ơ của chính quyền phái hữu đối với khía cạnh xã hội của kinh tế thị trường... đã tạo điều kiện cho các đảng cựu cộng sản hái lượm được lá phiếu của những người bị hiện tại bỏ quên cũng như của những người nuối tiếc quá khứ. Nhưng phân tích cụ thể thành phần cử tri đã dồn phiếu cho họ mới thấy rằng đó không đơn thuần chỉ là liên hợp những phần tử đã bị chủ nghĩa tự do kinh tế làm cho thất vọng. Theo hãng thăm dò dư luận Ipsos-Hung chẳng hạn : « *Không phải nhờ phiếu những người thất nghiệp mà Đảng Xã hội Hung thắng cử. Thực ra đảng này đã giành được tỷ lệ phiếu cao nhất trong thành phần có bằng cấp, trí thức, cán bộ và cả trong giới doanh nhân ; ngược lại, họ được ít phiếu trong giới công nhân, tinh lẻ và người thất nghiệp* ». Ý nghĩa cuộc bầu cử trước hết là chính trị : với một sự bình thản và trình độ trưởng thành thật đáng kinh ngạc, cử tri của các nước mới thiết lập chế độ dân chủ đã giải nhiệm những chính phủ mà họ không còn tin cậy. Ở Pháp, dưới nền Cộng hoà thứ V, phải mất hai mươi ba năm trời, cử tri Pháp mới phát hiện ra nguyên tắc luân phiên chính quyền ! [còn một kỳ]

NGUYỄN QUANG
(Kiến Văn biên dịch)

¹ Những nhận định chung tất nhiên không có gì mới mẻ (xin đọc bài *Didactique et Démocratie*, Đoàn Kết tháng 1-1991). Cái mới là những bằng chứng và thí dụ do thời sự cung cấp.

² Đó là hai phát minh của thế kỷ 20 sắt máu.

³ Bài nói của Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị cán bộ do Ban bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 3.3.1994 (*Điễn Đàn số 32*, tháng 7-1994).

⁴ Người ta dễ quên rằng các thành ngữ “ *Nhà nước – UDR* ” và “ *nền Cộng hoà của bồ bịch và bịa bợm* ” đã ra đời trong thời gian 23 năm phái hữu cầm quyền (1958-1981) ở Pháp.

⁵ Trường hợp đặc biệt của nước Hung, xin tìm đọc những chi tiết cụ thể trong bài phỏng vấn Agota Gueulette, *Budapest 1994* (*Điễn Đàn số 32*, tháng 7-1994).

Chính quyền ở Đông Âu 5 năm sau

Các đảng cựu cộng sản đã thắng cử tại 3 nước :

Litva (*Lituanie*) : trong cuộc bầu cử ngày 25.10 và 15.11.92, Đảng Dân chủ Lao động Litua (CS cũ) của Algirdas Brazauskas đã giành được 73 trên số 141 ghế đại biểu quốc hội.

Ba Lan : ngày 19.09.93, Liên minh phái tả dân chủ (CS cũ) và Đảng nông dân (vệ tinh cũ của DCS) chiếm 171 và 132 ghế trong tổng số 460.

Hung : ngày 8 và 29.05.1994, Đảng Xã hội (gồm cựu đảng viên cộng sản cải lương) chiếm 209 ghế trong tổng số 386.

Các đảng cộng sản cũ giữ vị trí mạnh tại các nước :

Slovakia : Đảng phái tả dân chủ (cựu CS) về nhì với 29 ghế đại biểu trên tổng số 150 trong cuộc bầu cử ngày 5-6.06.1992. Trong cuộc bầu cử sắp tới (ngày 30.09.94), có khả năng được nhiều phiếu hơn.

Bulgaria : với 106 ghế (trên 240), Đảng xã hội (CS cũ) trở thành chính đảng số 1, sau khi đảng đối phương tách đôi.

Albania : Đảng Xã hội (CS cũ) thất cử trong cuộc bầu quốc hội ngày 22.03.92 ; nhưng trong cuộc bầu cử thị xã tháng 7.92, ĐXH giành được 41 % phiếu bầu.

Rumania : Đảng cộng sản đã bị giải tán nhưng nhiều cán bộ đảng viên tham gia đảng của tổng thống Iliescu (Đảng dân chủ xã hội).

Nước Đông Âu duy nhất ra ngoài xu thế nói trên là **Cộng hoà Tiệp** : chính phủ nằm trong tay đảng bảo thủ của thủ tướng Vaclav Klaus. Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử 5-6.06.92, Khối phái tả (CS cũ) cũng đã giành được 35 ghế (trên 200), đứng hàng thứ nhì.

Hệ thống y tế và phát triển

IV. Vài ý kiến xây dựng một hệ y tế cho Việt Nam

b.s. bùi mộng hùng

Suốt nhiều năm dài y tế và giáo dục bị bỏ rơi. Hệ quả ta được chứng kiến nhẫn tiền là tình trạng tiêu điều của giáo dục và y tế nước ta hiện nay (xem phần III, D.Đ. số 32, 7. 1994). Đến mức mà những nhà quan sát tư bản phải lên tiếng nhắc nhở. Muốn phát triển bền lâu phải đầu tư cho con người. Mà hai khoản chính là đầu tư cho giáo dục và y tế. Ý kiến nhóm tác giả Viện Phát Triển Quốc Tế Harvard (HIDD, Harvard Institute For International Development) trong bài **Cải Cách Kinh Tế Tại Việt Nam : Làm Thế Nào Để Thành Công ?** : “ ... Chính phủ phải hành động theo cách khác và đóng vai trò khác hơn so với trước đây trong hệ thống cũ. (...) Chính phủ (...) sẽ phải hoạt động tích cực hơn nhằm đảm bảo cho hệ thống y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng vật chất, quản lý và pháp lý được thoả đáng ”. Cũng như đề nghị của Ngân hàng Thế giới : “ Phải cải tiến sao cho người dân tiếp nhận được dễ dàng hơn các phương tiện chăm sóc sức khoẻ đúng đắn, để bảo vệ cho dân chúng được mạnh khoẻ có sức mà sản xuất chống lại nghèo khó. Cho tới nay đường như chính phủ Việt Nam chưa xem khu vực xã hội như là một bộ phận hữu cơ trong chiến lược giảm nghèo, mà chỉ như một đòi hỏi xã hội riêng biệt. (The World Bank, Viet Nam Transition to the Market, Việt Nam Chuyển tiếp qua Kinh tế Thị trường, 9.1993, tr. 218)

Đó mới kẽ cái nhìn thực dụng, xem y tế, giáo dục như những điều kiện thiết yếu cho phát triển bền lâu. Chưa nói gì tới kích thước đạo lý, phát triển kinh tế mà để cho sức khoẻ đa số nhân dân điêu tàn, con em không được giáo dục, học hành thì là phát triển cho ai ?

Yêu cầu và câu thúc của một hệ y tế cho Việt Nam

Đầu tư cho y tế như vậy là yêu cầu không tránh né được.

1 Trên đất nước Việt Nam, nhìn từ góc độ thực dụng – bảo vệ sức khoẻ để con người có sức làm ăn phát triển đất nước – hay nhìn từ góc độ đạo lý – không thể bỏ mặc những con người, đã trên 30 năm hy sinh xương máu cho sự nghiệp độc lập và thống nhất, đang cật lực lao động làm giàu cho đất nước, lâm vào tật bệnh mà không biện pháp phòng chống, không thuốc thang chạy chữa – hai cái nhìn từ hai hướng khác nhau đều qui về một mối : sức khoẻ cho mọi người. Nghĩa là cho người dân, vừa thoát khỏi những trái buộc giáo điều liền đầu tắt mặt tối làm ra cõm ăn, áo mặc, ra cửa cải xuất khẩu, cho kinh tế phát triển.

Phần lớn – 80% – sinh sống ở nông thôn*. Phương tiện giao thông lạc hậu, đi lại chậm chạp khó khăn. Y tế muộn tối người dân bắt buộc phải đi đến tận nông thôn. Và đặt nặng chăm sóc sức khoẻ ban đầu (soins de santé primaire).

Một mạng lưới y tế cơ sở trải rộng như vậy sẽ chỉ có danh mà không thực nếu tuyến làng, xã không được hỗ trợ bởi bệnh viện đa khoa cấp huyện, nhân viên lành nghề, trang bị đầy đủ phương tiện chẩn đoán và điều trị cùng phương tiện chuyên chở

* Tổng số dân đô thị trong cả nước là 13 triệu người. Con số đó đánh lầm ra thành 113 triệu, lớn hơn dân số Việt Nam, trong phần III, D.Đ Số 32, 7.94, tr. 24 ! Xin bạn đọc thứ lỗi.

cấp cứu từ tuyến làng xã về huyện, từ bệnh viện huyện lên các trung tâm y tế cấp cao hơn.

2 Y tế điều trị và y tế dự phòng phải nắm chặt tay nhau cùng tiến. Một ví dụ cụ thể cho ý này sáng tỏ :

Viện Tim khánh thành tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng giêng 1992 là một bước tiến lớn trong điều trị bệnh tim mạch. Nhịp độ phẫu thuật 3 trường hợp một ngày trong năm 1993, sẽ đạt 4 ca mổ mỗi ngày năm 1994, là rất cao đối với một nước đang phát triển. Ở Angeri, cũng do êkip g. s. Alain Carpentier, bệnh viện Broussais, Paris chủ trì giúp đỡ như ở Việt Nam, trung tâm phẫu thuật tim khó khăn lăm mới giũ được nhịp độ mổ 1 trường hợp/ngày.

Trong năm 1993, 750 bệnh nhân được phẫu thuật tại Viện Tim, trong đó 75% là mổ tim mổ. Đó được đau khổ cho bao người bệnh, và cũng tiết kiệm được một số ngoại tệ đáng kể. Ra nước ngoài để điều trị, một trường hợp phẫu thuật tim mổ phải trả từ 150 000 đến 200 000 phrăng (gần 40 000 \$US). Các bác sĩ tại Viện Tim tuy đã có khá dày kinh nghiệm vẫn dè dặt, thận trọng trong phẫu thuật bệnh van (valves) tim – tối nay thay van cho 120 trường hợp –, tỷ suất biến chứng sau khi thay van khá cao vì theo dõi kiểm sát độ đông máu vấp phải nhiều khó khăn (C. Brizard, IMAF (Informations Médicales d'Asie - francophone) số 7, 3 - 4. 1994, tr. 24).

Mà bệnh van tim, biến chứng thấp khớp cấp tính lại là bệnh tim thường gặp nhất tại Việt Nam. Chỉ số mắc bệnh, tùy vùng lên đến từ 6 đến 9% dân số (Trịnh Đỗ Trinh, IMAF, số 7, tr. 3). Cứ 100 người có đến 6 người mắc bệnh...

Dù chỉ có một phần bệnh nhân phải mổ, dân số 70 triệu người, chẳng phải một, mà đến mười Viện Tim, mổ liên tục hết thế hệ này đến thế hệ khác cũng chưa tham vào đâu so với yêu cầu. Nếu không có phòng ngừa hữu hiệu.

Mà ngừa biến chứng của bệnh thấp khớp cấp tính lại tương đối không tốn kém. Chỉ cần một phần chi phí điều hành của một viện tim là đủ để ngừa bệnh hữu hiệu cho cả nước. Tại Pháp, bệnh tim do thấp khớp cấp tính kể như không còn nữa, đa số trường hợp mổ van tim là người nước ngoài đến. Tránh được bao nỗi khổ cực cho bệnh nhân và gia đình, tiết kiệm được bao tốn kém chi phí điều trị cho xã hội, lại có thêm bao người khoẻ mạnh tích cực làm ăn sản xuất. Đó mới đúng ý nghĩa bảo vệ sức khoẻ của y tế.

Phải có Viện Tim. Để săn sóc bệnh nhân. Và buộc cả một mảng lớn y học phải phát triển lên một bức để theo kịp yêu cầu của phẫu thuật tim : Khoa tim mạch phải tiến một bước trong chẩn đoán chính xác, khoa gây mê, khoa hồi sức phải tiếp thu thêm kỹ thuật thích ứng với những trường hợp phẫu thuật đặc biệt nặng này, khoa huyết học phải đáp ứng những yêu cầu rất ngặt của kỹ thuật mổ tim mổ, các khoa xét nghiệm phải cải tiến kỹ thuật và tổ chức để kịp thời cung cấp những thông số chính xác cho chẩn đoán và theo dõi bệnh tình, trước, trong và sau khi mổ...

Nhưng song song phải thực hiện phòng chống biến chứng và bệnh thấp khớp cấp tính. Trong nhiều năm tổ chức Appel có chương trình phòng chống tại nước ta. Tiếc là không được tiếp tục khai triển rộng. Phải chẳng tăm quan trọng chưa được nhà chức trách đánh giá đúng mức?

3 Nước nghèo, tài trợ làm sao ? Cho cả cái mạng lưới y tế cơ sở gồm các trạm trải rộng đến nông thôn và các bệnh viện đa khoa huyện lẫn các trung tâm y tế cấp cao hơn, ở tỉnh, thành phố... Vấn đề này sẽ bàn tới trong một đoạn sau.

Bảo đảm sức khoẻ miễn phí cho mọi người vượt xa khả năng hiện nay của ta. Thực tế buộc phải chấp nhận khu vực y tế tư nhân là cần thiết. Và nay đã là hiện thực. Nhưng còn gượng gạo, như thể không làm khác hơn được thì phải chịu vậy.

Qui định quyền lợi và nghĩa vụ để cho khu vực tư nhân phát huy được hết tiềm năng của nó, khớp nối hai khu vực tư và công như thế nào cũng là những vấn đề cần thảo luận.

4 Tài trợ, tổ chức hệ y tế, đào tạo thầy thuốc theo những hướng nào... nghĩ cho cùng chỉ là phương tiện. Để thực hiện các ý định, các mục tiêu, nghĩa là những thành tố của một quan niệm y học. Cái quan niệm này là một vấn đề chung của mọi người, cần được thảo luận trao đổi ý kiến rộng rãi. Bài này chỉ khơi mào gợi ý cho cuộc thảo luận này.

Để cho y tế dự phòng làm tròn chức năng của nó

1 Năm 1976, lần về nước đầu tiên sau hàng chục năm ở nước ngoài, một trong những điều ngạc nhiên của kẻ viết bài này là sự vắng mặt bộ trưởng y tế ở thủ đô kéo dài, vì lý do người thủ trưởng đầu bộ phải đích thân đi địa phương chỉ đạo dập tắt một đợt bệnh dịch. Ngạc nhiên với cách làm, tượng trưng cho mối bận tâm của nhà nước. Dịch bệnh xảy ra không là một vấn đề thuần y tế, mà chất chứa ý nghĩa chính trị, cân cân nghiêm về phía chính trị. Chức năng hàng đầu của những số liệu y tế đưa ra chẳng phải là để phản ánh thực trạng tình hình sức khoẻ nhân dân. Rốt cuộc, chính ta cũng không biết thực trạng này là đâu.

Hoà bình đã trở lại trên toàn thể đất nước gần hai mươi năm nay. Yêu cầu khác với thời chiến. Đã có nhiều đổi thay. Tuy nhiên cỗ tật của số liệu chưa biến đổi được bao nhiêu. “*Cần nhấn mạnh rằng các thống kê y tế của chính phủ phổ biến hay cung cấp cho các tổ chức quốc tế phải được xét một cách thận trọng.*” (The World Bank, t.l.d.d. tr. 161) Đã đến lúc phải xét lại thống kê y tế một cách toàn diện, từ phương pháp, phương tiện thiết bị, đến quan niệm tổ chức. Để cho số liệu phản ánh được hiện tình, trung thực và chính xác. Làm cứ liệu tin cậy được cho các chương trình y tế, làm mốc đánh giá kết quả thực hiện các chương trình này.

2 Tình hình y tế Việt Nam còn mang tính cách của nước chậm tiến. Bệnh truyền nhiễm, tiêu chảy, nhiễm trùng đường hô hấp, sốt xuất huyết, suy dinh dưỡng là những nhân tố nguy hại nhất.

Xin lấy ví dụ bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp của trẻ em. Chương trình ARI (Acute Respiratory Infections, nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp) được Tổ chức Y tế Thế giới (OMS) và Tổ chức Nhi đồng Thế giới (UNICEF) tài trợ toàn bộ từ 10 năm nay, mỗi năm 400 000 đến 500 000 \$US. Mục tiêu : giảm con số 22 000 trẻ em chết do viêm phổi mỗi năm ở Việt Nam. Chiến lược : phát hiện và đưa kịp thời trẻ mắc bệnh đến cơ sở y tế, tạo điều kiện căn bản để chữa khỏi bệnh. Bằng cách i) huấn luyện cán bộ y tế ở địa phương biết chẩn đoán và điều trị, ii) cung cấp đúng thuốc để chữa và iii) giáo dục kiến thức cho các bà mẹ. Với số tiền tương đối khiêm tốn nói trên, tới cuối năm 1993 chương trình đã bảo vệ được 48% tổng số trẻ dưới 5 tuổi ở Việt Nam. Trẻ em còn chưa được bảo vệ, ngoài những tỉnh miền núi, ở Tây Ninh, Bình Thuận, Phú Yên, Bắc Thái. Lý do chính : các cấp lãnh đạo địa phương chưa nhận thức đầy đủ và quyết tâm thực hiện. Muốn cho đến năm 2000 toàn thể trẻ em dưới 5 tuổi nước ta được bảo vệ, chỉ cần nhà nước chịu phụ chi thêm vào viện trợ quốc tế 650 triệu đồng/năm (65 000 \$US).

Một số tiền kinh phí nhỏ nhoi để tránh cho trẻ chết oan, như phần lớn 18% trẻ nhiễm khuẩn đường hô hấp chết tại nhà hiện nay (theo g.s. Nguyễn Đình Hường, **Lao Động** 28.4.94). Và qua đó thấy tầm quan trọng của các chương trình tương tự, phòng chống bệnh tiêu chảy, suy dinh dưỡng, v.v...

Tuy nhiên, không nên vì còn bệnh nhiễm trùng mà bỏ rơi các chứng bệnh xã hội của nước phát triển, đã và đang thành vấn đề ngày càng thêm nghiêm trọng cho ta. Điều tra năm 1960 trên 10 000 người, cho thấy chỉ số mắc bệnh huyết áp cao

là 1%. Ba mươi năm sau, điều tra trên 48 000 người, chỉ số lên 11,3%. Gấp mười trước đây. Hệ quả là các bệnh tim do thiếu máu cục bộ, nhồi máu cơ tim, xưa rất hiếm nay gặp hàng ngày tại các khoa tim mạch và nội khoa, ở trung ương cũng như ở địa phương. “... các bệnh tim nói trên còn thêm nặng vì phần lớn phát hiện chậm, quá thời kỳ tối ưu chữa lành được bằng được liệu hay phẫu thuật. Hậu quả là tỉ số tử vong cao đến 5% và một số lớn người tàn phế : suy tim nan y, loạn nhịp tim bất trị, tai biến mạch máu não làm bại liệt nửa người, v.v... Các bệnh viện, các viện điều dưỡng tràn ngập bệnh nhân này” (Trịnh Đỗ Trinh, t.l.d.d.)

Trường hợp bệnh nhân mắc ung thư cũng tương tự. Hầu như bị bỏ rơi. Hai phương tiện chính điều trị ung thư tại một nước nghèo là phẫu thuật và trị liệu bằng tia phóng xạ. Thế nhưng một số lớn bác sĩ, nhất là ở tỉnh, mổ bệnh nhân ung thư mà thiếu tri thức tối thiểu về nguyên tắc phẫu thuật ung thư ; còn trị liệu bằng tia thì phó mặc cho các vị đầu ngành gõ rối với các tổ chức nhân đạo quốc tế được tới đâu hay tới đó. Chưa có chương trình giáo dục, phòng ngừa và phát hiện bệnh sớm. Bệnh nhân đến viện vào thời kỳ quá trễ. Mất đi những khả năng trị lành rất cao, đến 70-80% bệnh ung thư, ngày nay. Hàng năm cả trăm ngàn người chết.

Cần phải có những chương trình phòng chống các bệnh đã thành vấn đề xã hội cho ta : cao huyết áp, sơ vữa động mạch, ung thư v.v..., mà thuốc lá là yếu tố gây bệnh. Phòng bệnh bao giờ cũng hơn đợi bệnh phát mới trị. Tốn kém chẳng là bao so với gánh nặng cho gia đình, cho xã hội khi mắc bệnh. Chưa kể những đau đớn, dần vặt tránh cho người bệnh, cho thân nhân.

3 Về nhận định tình hình, lập chương trình phòng chống, y tế dự phòng của ta chưa cung ứng được cứ liệu chính xác về hiện trạng các bệnh xã hội mà như đã nói trên. Và thiếu hẳn dữ kiện về những yếu tố đặc thù bệnh ở nước ta. Lấy ví dụ cụ thể, như thái độ tình dục của các lứa tuổi, một dữ kiện quan trọng để phòng chống có hiệu quả bệnh SIDA (AIDS). Như các nhân tố gây bệnh cao huyết áp vùng Á Đông – tai biến mạch máu não nhiều hơn Tây phương, trong khi tai biến nhồi máu cơ tim lại hiếm thấy hơn – có gì khác với những điều tìm thấy ở các nước phương Tây ? v.v...

Đã vậy, hoạt động lại bó hẹp trong khuôn vệ sinh dịch tễ, y tế cơ sở. Thiếu hẳn điều hợp hành động với các bệnh viện cấp huyện, các trung tâm y tế cấp tỉnh, cấp trung ương, với trường đại học, với bác sĩ hành nghề tư nhân.

Chính phòng khám bệnh, tại bệnh viện, tại phòng mạch tư là những nơi mà người bệnh và thân nhân của họ tiếp thu dễ dàng nhất các nguyên tắc phòng bệnh, cách ăn uống, vệ sinh đời sống... Bệnh tim mạch tại một số nước Tây phương đang giảm chính là nhờ làm theo hướng này.

Dĩ nhiên, thầy thuốc và nhân viên bệnh viện phải được đào tạo theo tinh thần phòng bệnh. Và nơi khám bệnh tại bệnh viện, đặc biệt là phòng ngoại chẩn, cũng phải được tổ chức thích nghi với chức năng này.

Có hành động thống nhất, điều hợp tổ chức, kiểm soát, đánh giá, đào tạo, nghiên cứu từ trung ương, qua các trung tâm y tế, trường đại học cho đến mạng lưới y tế cơ sở, hiệu quả mới cao, mới giảm bớt phí tổn. Một số chương trình cần được thống nhất ở cấp liên bộ, như nước sạch cho mọi người.

Tham quan nước ngoài, nhiều vị trách nhiệm chỉ thấy phương tiện ta lạc hậu, dao cùn kéo lụt. Nhưng cũng có cái nhìn sâu sắc hơn, như b.s. Trần Thị Mộng Hiệp sau hai chuyến thực tập tại Pháp, đáp câu hỏi báo Phụ Nữ TPHCM (6.4.94) : “*Qua thời gian làm việc tại bệnh viện Louis Mourier, tôi thấy hệ thống săn sóc sức khoẻ và các bệnh viện của họ có một mối liên hệ rất chặt chẽ. Tất cả các trẻ em đều có sổ theo dõi sức khoẻ từ lúc mới sinh ra do Phòng chăm sóc bảo vệ Bà mẹ và*

Trẻ em (PMI, Protection Maternelle et Infantile) quản lý. Quyển sổ này rất quan trọng đối với việc chẩn bệnh của các bác sĩ điều trị tại bệnh viện vì nó ghi lại chi tiết đầy đủ về quá trình sức khoẻ, biểu đồ tăng cân... của mỗi đứa trẻ (chứ không sơ sài như sổ sức khoẻ ở trẻ em ta). Bệnh viện cũng có mối liên hệ thường xuyên với bác sĩ tại gia và bác sĩ địa phương, khu vực. Từ đó, việc săn sóc sức khoẻ ban đầu mới được thực hiện triệt để. Vấn đề điều trị tại nhà ở Pháp đối với những người bệnh mãn tính cũng là một cách chữa trị tốt giúp bệnh nhân đỡ tốn kinh phí và thời gian nằm viện đồng thời tạo tâm lý tốt cho bệnh nhân khi nằm tại nhà với sự theo dõi, điều trị của một tốp bác sĩ, y tá được quản lý bởi một bệnh viện. Đây là cách làm trong tầm tay ngành y của ta vì hiện nay lực lượng bác sĩ trẻ chưa có việc làm của ta rất đông, vấn đề là ta phải biết cách tổ chức và quản lý như thế nào thôi."

Vâng. Ta thiếu tổ chức. Thiếu phương tiện? Có tiền mua có ngay. Trái lại, tổ chức là công trình dài hơi. Phải nhận diện ra những yêu cầu chính, ý thức tổ chức là cần thiết, phải có ý chí và quyết tâm, quan niệm được tổ chức ra sao, rồi còn phải thể nghiệm, lâu ngày chày tháng mới thành hình được một tổ chức đáp ứng cho điều kiện cụ thể của ta. Nhưng khi đó mới thoát cái nạn luộm thuộm trong tổ chức mà nếu tiếp tục thì dù cho trong tay có phương tiện tối tân cũng bất lực.

Để cho người bệnh được chăm sóc khi đau ốm

Chỉ trong vòng ít năm qua, hệ y tế trong nước đã và đang chuyển nét, ngày càng hao hao bộ mặt hệ của miền Nam trước 1975. Một hệ dành cho kẻ có tiền, ưu tiên cho thành thị.

1 Người nghèo cõm ghe bè bạn tới cửa không dễ gì được vào bệnh viện, vào rồi chưa chắc được nhanh chóng điều trị. Một chuyện thật trong muôn vàn : tháng 4.1993, chị B.T. Kim Liên, hai vợ chồng là giáo viên ở Càn Long, Trà Vinh làm thủ tục nhập viện Trung tâm ung bướu TPHCM để mổ khối u ung thư vú. Nhà nghèo không đủ tiền nằm giường riêng, mà giường miễn phí thì đông nghẹt, hai vợ chồng chị Liên kéo nhau ra sống trong khuôn viên bệnh viện như hàng trăm bệnh nhân nghèo khác, chầu chực hai tháng trời. Trong khi đó chị phải đóng hầu hết các khoản tạm ứng chi phí cho ca mổ và phần lớn tiền thuốc theo toa bác sĩ. Bệnh viện giải thích, nếu chị thuộc diện miễn phí sẽ hoàn lại số tiền lúc xuất viện. Nghèo mới được miễn phí, nhưng thân mang bệnh, phải chạy vạy ra tiền đóng cho đủ trước đã ...

Mỗi bệnh viện có hai cổng : cổng khám bệnh thông thường và cổng dành cho trường hợp cấp cứu không thu tạm ứng. Song vẫn "nên" đóng cho chắc. Bệnh viện Bình dân, 100 000 đồng, Viện Tai-Mũi-Họng, 200 000, Trung tâm ung bướu từ 150 000 đến 300 000 (Thanh Niên 3.5.94).

Thủ tục hành chánh cần được giản tiện hoá, cho bệnh viện không là một thành trì, người dân không dễ dàng qua cửa.

2 Bộ trưởng y tế Nguyễn Trọng Nhân có lần than rằng "hàng chục năm nay đội ngũ bác sĩ trẻ chưa có ai giỏi..." (Lao Động 1.3.94) Không biết nhận định này đúng đến mức nào. Chỉ biết rằng muốn có tay nghề giỏi phải có đào tạo, trong thời sinh viên và liên tục sau khi ra trường, bằng học hỏi và trau dồi trong hành nghề. Nhưng còn phải có điều kiện tối thiểu để hành nghề. Một bác sĩ trẻ ở Viện Tim nói với nhà báo (Tuổi Trẻ 1.3.94) : " Chúng tôi có thể mổ những em bé sơ sinh nhưng nếu không có bác sĩ rất giỏi ở khâu hồi sức thì em bé sẽ chết. Ngược lại có người hồi sức rất giỏi, nhưng nếu phẫu thuật viên yếu thì cũng thất bại." Và có thể thêm nếu không có bác sĩ nội tim mạch chẩn đoán chính xác, nếu thiếu chuyên gia xét nghiệm giỏi, y tá lành nghề, thiếu trang thiết bị... Ngày nay một cá nhân thầy thuốc xuất sắc không đủ để giải quyết tốt cho người bệnh. Mà cần cả một êkip đồng bộ có tinh thần đồng đội liên hợp nhiều khoa.

Khâu tuyển chọn vì thế thêm quan trọng. Thực tế hiện nay là nhiều sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, do không "quen biết" phải chịu cảnh thất nghiệp, trong khi không ít người trình độ thua kém do "chạy vạy" được nhận vào bệnh viện lớn.

Chưa có chính sách tuyển chọn theo tiêu chuẩn tài năng thích ứng với chức vụ – như thi tuyển công khai – thì khó tạo được những êkip lành nghề. Và sẽ không giữ được người bỏ công sức ra trau chuốt tay nghề, nếu không có chính sách khuyến khích : i) tạo điều kiện trau dồi không ngừng và trao đổi với đồng nghiệp nước ngoài ii) trả lương đủ sống cho có thể đem hết tâm trí vào nghề nghiệp iii) hình dung ra được tiền đồ chức nghiệp. Hiện nay bỏ hết tâm trí vào nghề nghiệp thì hàng ngày chật vật với đồng lương khốn nạn, con đường tương lai lại mịt mù. Tiêu chuẩn dùng người, thăng chức trong chế độ hiện hành chẳng phải là khả năng và tinh thần chức nghiệp.

3 Hệ thống y tế cơ sở nông thôn có danh nhưng chưa có thực chất (xem phần III, d.d.). Tiếng thì ta không đến nỗi thiếu bác sĩ, nhưng con số 1 bác sĩ / 2439 người dân là trên giấy tờ. Thực tế, chẳng nói làm gì miền núi xa xôi hiểm trở, ngay đến đồng bằng sông Cửu Long trù phú cũng trống vắng bác sĩ. Trong khi hàng trăm bác sĩ ở thành phố không có việc làm, nông thôn tìm đủ con mắt không ra.

Nhà chức trách kêu gọi "các bác sĩ trẻ cần có những hi sinh nhất định để đến các vùng xa." Hi sinh, có thể chấp nhận. Nhưng trong điều kiện nào, thời hạn là bao lâu. Đi nông thôn để lãnh lương chết đói, thực tế là mất quyền trở về, đường tiến thủ bế tắc vì có qui định chỉ cho người đang công tác ở bệnh viện mới được học theo chuyên khoa... Chưa kể chẳng may rơi vào vùng lanh chúa cường hào ác bá ngụ tri, lấy gì đảm bảo cho con người chân ướt chân ráo từ xa tới không bị áp bức. Để hiểu là đa số bác sĩ mới ra trường thà thất nghiệp chứ không nhận đi xa thành phố.

Để ra khỏi tình trạng này nên có những biện pháp : i) Ưu tiên cho các bác sĩ chấp nhận công tác ở xa, về huyện, về xã, sau một thời gian nhất định được quyền đi học thêm chuyên khoa hay thuyên chuyển về ; ii) Xét lại chính sách buộc phải là cán bộ nhà nước mới được mở phòng mạch tư. Đã chấp nhận khu vực y tế tư nhân thì phải cho bác sĩ đã tốt nghiệp quyền được mở phòng mạch riêng ở mọi nơi.

Khi mạng lưới y tế tư phát triển tới nông thôn, gánh nặng được chia sot, khu vực công có thể thu hẹp lại, dành sức tập trung đầu tư thuốc men, trang thiết bị cho những nơi thực sự có nhu cầu. Song song giảm bớt nhân viên, tăng năng suất hiện rất thấp – điều tra tại ba tỉnh cho thấy rằng ở nông thôn trung bình 5 nhân viên của cơ sở y tế chỉ xem bệnh mỗi ngày được cho 6 người (The World bank, t.l.d.d, tr. 164) – để có thể trả lương thích đáng cho người làm công tác y tế.

4 Chấp nhận khu vực tư nhân như một thành phần hữu cơ của hệ y tế có nghĩa là người hành nghề tư cũng như công có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Nghĩa vụ với bệnh nhân, đặt quyền lợi của người bệnh lên trên hết, nghĩa vụ với đồng nghiệp, với pháp luật. Cần có thiết chế đủ uy lực – y sĩ đoàn, nha sĩ đoàn, được sĩ đoàn, do người trong nghề tín nhiệm bầu ra – cầm cân nảy mực, thảo ra bộ quy chế hành nghề, cứu xét và trừng phạt vi phạm quy chế.

Có vậy mới ngăn được những nếp không hay trong nghề y trước 1975 ở miền Nam, hiện đang trở lại : xem thường sức khoẻ bệnh nhân, ví dụ dùng chất có hại đã bị cấm, như silicone để sửa sắc đẹp, làm hư hoại diện mạo thân chủ ; thiếu lương tâm nghề nghiệp, như biến toa cho người bị lao mua thuốc bừa bãi, mặc cho người bệnh dùng thuốc trụ sinh không liên tục, vi trùng lao lòn thuốc, bệnh trở nặng và khó trị hơn. Trong khi biết rằng săn sóc với phác đồ chuyên khoa và được trạm y tế theo dõi, đã ít tổn kém cho người bệnh mà khả năng lành bệnh rất

cao. Cùng những thói như quảng cáo thiếu liêm sỉ. Thói biến đơn thuốc giá thật đắt nhưng không cần thiết, tạo thói quen lạm dụng thuốc men vô ý thức, v.v...

5 Đối với một nước nghèo, đạt hiệu quả cao nhất với được liệu ít tốn kém nhất, phải là một phương châm thầm nhuần phong cách của người thầy thuốc ngay từ khi còn là sinh viên. Và biết giáo dục người bệnh trong tinh thần đó.

Muốn được vậy, trước hết chính quyền cũng phải có một chính sách dược liệu thuận hướng :

i) Xây dựng công nghiệp dược phẩm. Nên hay không sản xuất tại trong nước những loại thuốc nào là vấn đề tế nhị phải được đắn đo thảo luận. Nhưng có những dược phẩm rõ ràng là phải đầu tư làm ra tại chỗ. Thật khó hiểu khi một nước 70 triệu dân không xây dựng được nhà máy sản xuất dịch truyền – là nước trong đó chỉ có một dum muối – công nghiệp hiện đại. Để cứ làm theo lối thủ công, giá thành đã đắt lại không đạt tiêu chuẩn an toàn cho bệnh nhân. Số lượng cần mỗi năm cho cả nước là 10 - 20 triệu lít, bỏ tiền ra nhập những chai dịch truyền là một phí phạm vô cùng phi lý.

ii) có chính sách nhất quán, ký hợp đồng với các công ty dược phẩm để được cung cấp số lớn với giá rẻ.

iii) ưu tiên mua thuốc đồng chủng loại (générique) nghĩa là những dược liệu mà bằng sáng chế đã hết thời hạn đặc quyền, phương thức bào chế rơi vào sở hữu công cộng, công ty dược phẩm nào cũng có quyền sử dụng, giá rẻ mà chất lượng không khác gì thuốc đặc chế. Khi Natroxen, thuốc chống viêm rất thông dụng ở Hoa Kỳ vào lĩnh vực công cộng giá từ 48 \$US tụt xuống còn 8 \$. Nhiều nước có chính sách khuyến khích dùng thuốc đồng chủng loại, tại Đức loại này chiếm 34% dược phẩm trong đơn thuốc. Chính sách đúng đắn có khả năng giảm hơn một phần ba tài khoản mua thuốc ngoại của một nước nghèo.

Phương thức tài trợ cho hệ y tế

Nước ta đang phát triển. Hệ y tế phải được phát triển theo khả năng và nhịp độ phát triển kinh tế và xã hội. Đó là một quá trình dài hơi, vì vậy cần có dự án từng bước xây dựng dần nên một hệ đồng bộ về nhân sự, về trang thiết bị. Như vậy cần biết trước khá chính xác về ngân sách dự trù cho mỗi năm.

Để tài trợ cho y tế, có nước dựa vào hệ bảo hiểm, có nước dùng sắc thuế. Phương thức nào, căn bản cũng là trích từ tài sản của nhân dân. Vấn đề là chọn lựa cách làm gọn nhẹ, ít phí tổn quản lý nhất trong điều kiện cụ thể ta.

Nhân dân ta còn nghèo, đa số sống ở nông thôn, đóng góp cho y tế chưa là bao. Lập một bộ máy riêng để quản lý là tiêu hao hết một phần thu nhập. Những nước như Canada (xem phần I, D.D. số 30, 5.94), Đan Mạch tài trợ y tế bằng thuế là chính, mà hệ y tế của họ chẳng kém nếu không trội hơn các nước chủ yếu dùng hệ bảo hiểm. Ta có thể nghiên cứu qui định một tỷ lệ thuế dành cho y tế đánh trên thu nhập của các lao động, cán bộ, công nhân, thương gia, nông dân. Bù lại – ngoài các dịch vụ sức khoẻ ban đầu dĩ nhiên là miễn phí – mọi người đều được hưởng một số dịch vụ y tế không phải trả tiền. Các dịch vụ này cần được nghiên cứu cho thích ứng với yêu cầu cơ bản, thích nghi với khả năng ngân sách y tế và tăng dần theo sức đóng góp của nhân dân khi kinh tế phát triển hơn.

Nguyên tắc là có sự tương trợ giữa mọi người, đóng góp của mỗi người nhiều hay ít tùy theo thu nhập của mình. Cách làm này tương đối đơn giản, bởi được phí tổn quản lý, giấy tờ phiền hà. Không gì ngăn cản có bảo hiểm y tế cho các dịch vụ y tế ngoài các dịch vụ cơ bản miễn phí. Và cũng có thể để cho khu vực tự nhân kinh doanh khâu bảo hiểm y tế phụ trội này.

Trong tình trạng kinh tế nước ta đóng góp của người lao động chắc chắn không đủ, cần bổ sung chi phí y tế bằng một số

sắc thuế khác, chọn sao cho không cản trở phát triển kinh tế.

Cho một nền y học mở, ra xã hội và về tương lai

1 Cái nhìn khuôn hẹp y tế “như một đòi hỏi xã hội riêng biệt.” quên mất rằng y tế là một sinh hoạt xã hội toàn diện. Chỉ xin nêu lên một khía cạnh, y tế và công nghiệp.

Y tế một nước 70 triệu dân là phản ảnh của nền công nghệ của cả nước. Ngược lại sinh hoạt y tế kích thích và đòi hỏi sự phát triển của công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp dược phẩm và công nghiệp sinh y (biomédicale). Làm giàu cho đất nước, tạo công ăn việc làm cho người dân. Với điều kiện là có chính sách thích nghi : Biết tập trung xây dựng một công nghiệp dược đáp ứng cho xu hướng phát triển cả khu vực Đông Nam Á, không đầu tư vựa vặt như hiện nay, chạy theo cái lợi nhỏ bé và nhất thời riêng cho ai ai. Biết khuyến khích ngành công nghiệp sinh y, bảo quản, lắp ráp, sản xuất máy móc, chất phản ứng mà yêu cầu mỗi ngày mỗi tăng. Chỉ riêng một cái máy chụp cắt lớp (scanner) mỗi tuần phải tiêu tu, hàng tháng cần đại tu, thường khi phải triệu kỹ sư từ Xingapo hay Nhật Bản, Âu châu, mỗi chuyến trả cho họ hàng chục ngàn đôla, đủ cho thấy rằng cách nhìn y tế như một động cơ thúc đẩy công nghiệp có tầm quan trọng của nó.

2 Quan niệm y học như một ốc đảo của riêng ngành y không sao giải quyết được các vấn đề phức tạp sức khoẻ con người đặt ra. Vì thế y học thế giới mở rộng về hướng các khoa học tự nhiên, khoa học xã hội... Các nhà giảng huấn, nghiên cứu y học thường được đào tạo theo cả hai hệ : bác sĩ y khoa và tiến sĩ khoa học. Bản thân áp dụng được các khái niệm, cách đề cập vấn đề và phương pháp đặc thù của khoa học tự nhiên hay xã hội để giải quyết vấn đề thực tiễn mà còn giúp cho tầm nhìn rộng, cộng tác hiệu quả hơn với các nhà khoa học khác ngành.

Trường y dược có đặt trong khuôn khổ viện đại học mới tiện đường trao đổi, cộng tác với các ngành khoa học khác. Và cần có nhân viên giảng huấn và nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội và tự nhiên. Dĩ nhiên phải đổi xử với họ và bảo đảm lộ trình chúc nghiệp bình đẳng với giáo chúc ngành y mới mong thu hút được người thực tài.

Có vậy, mới có cơ sở vững chắc cho y học tương lai. Mở đường cho một cái nhìn con người toàn diện. Khi đó quan hệ thầy thuốc và con bệnh có cơ cận nhân tình hơn. Một điểm cần lưu tâm hiện nay là đời sống trở lại bình thường, không thể chỉ chú ý duy nhất đến cái đau thể xác. Có cái đau nào, dù điểm xuất phát là thân xác mà không tác động đến tinh thần. Nước Pháp dân số hơn 50 triệu, có trên 10 000 bác sĩ, chuyên gia về tâm lý và tâm thần. Đến cả nước ta chưa được đến 300. Không phải vì người Pháp điên, mà vì ta chưa chú ý đến khía cạnh tâm thần, đến con người toàn diện. Mà đây sẽ là đòi hỏi ngày càng cao khi đời sống thực sự bình thường.

Có vậy mới đưa y học của ta thực sự hoà nhập y học thế giới. Biết đề cập giải quyết những vấn đề y tế cụ thể của ta với phương pháp nghiêm túc, có khả năng góp phần vào kiến thức chung của nhân loại. Mà ngày nay, nghiên cứu nghiêm túc thường phải kết hợp y học với nhiều ngành như toán, hoá, lý, dân số học, xã hội học, ... tùy theo vấn đề và góc cạnh đề cập, nghiên cứu lâm sàng lại càng cần thiết sự kết hợp này.

*

* *

Một hệ y tế chỉ có ý nghĩa khi đặt trong một dự phỏng tổng quát cho tương lai dân tộc. Mục đích bài này là khơi vấn đề, trong chờ đợi một dự phỏng chung, mỗi người dân có thể tìm thấy chỗ đứng, chỗ góp ý, góp sức của mình.

b.s. bùi mộng hùng (8.94)

PHÙNG QUÁN

Lời bài tập thơ

PHÙNG CUNG

Phùng Cung xuất thân là người viết văn xuôi, sở trường truyện ngắn. Anh viết truyện ngắn từ hồi còn ở chiến khu Việt Bắc.

Sau ngày hòa bình lập lại, truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*¹, với bức minh họa tuyệt đẹp của họa sĩ Bùi Xuân Phái, đã làm xôn xao làng văn ngày đó. Chính bắt đầu từ cái truyện ngắn này anh mang vào thân cái nghiệp văn, ở anh cũng đáng coi là nghiệp chướng.

Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng “ ngựa, voi ”, chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan¹ khắc nghiệt bảo lưu cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt. Một đời lính đi đây đi đó khắp các làng quê, qua lại đến ngàn lần các giòng sông lớn, nhỏ, trong đêm, nhưng đọc anh tôi mới cảm nhận được hết cung bậc tiếng gọi đò trong đêm, “ *tiếng gọi đò cảng chỉ ngang sông* ”. Tôi đã trăm lần nghe tiếng chuông chùa chiêu mộ làng bên này cánh đồng, tiếng chuông nhà thờ làng bên kia cánh đồng cùng một lúc với gọi tín đồ tụng kinh hay ngầm nguyện, nhưng đến khi đọc anh, tôi mới biết ngay cả trong tiếng chuông cũng ẩn biết bao nhiêu chuyện tranh chấp của các làng quê Việt Nam, “ *hai tiếng chuông Ian rộng giữa cánh đồng huých nhau để giành địa phận* ”.

Sau mười hai năm cách ly đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lê “ *tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán* ”. Rồi yên phận hẩm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay tròn làm nghề dập đinh, phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhὸn, dí sắt, mùi mõ rán... vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cặn, viết một từ gì đó lên mặt bàn...

Tôi thường đạp xe từ Nghi Tàm lên phố Mai Hắc Đế thăm anh, khi mang cho con giếc, con trôi vừa câu trộm được, khi mò rau muống nước cấy ở vệ hồ. Một lần tôi hỏi :

- Anh vừa viết từ gì lên mặt bàn thế ?
- Mình viết chữ “ *quất* ” để thay chữ “ *rót* ” trong trường hợp nói việc pha trà pha đi pha lại mãi đến kiệt chất trà : “ *Quất mãi nước sôi trà đau nát bã* ”. Anh còn

nêu những tiếng dân gian mà ta cần trân trọng. Dân gian không nói “ hoa đậu ván ” mà nói “ *gươm đậu ván* ”, không nói “ hoa đỗ tương ” mà nói “ *đom đóm đỗ tương* ”. Anh ca ngợi tiếng nói dân gian ngôn ngữ chất thơ.

Tôi đề nghị :

- Anh làm thơ cho vui đi. Theo tôi **đa** anh là văn xuôi nhưng **xương, máu** của anh là thơ.

Anh trầm ngâm một lát rồi nói nhẹ tay dè đặt :

- Để mình cân nhắc xem có nên mạo muội.

Anh khiêm tốn đó thôi. Vài hôm sau anh đưa tôi đọc bài thơ đầu lòng nhan đề *Bèo* :

*Lệnh đèn muôn dặm nước non
Đặt vào ao cạn vẫn còn lệnh đèn*

Tôi sững sốt kêu : “ *Trời ! Anh mới chơi có một búa mà chưởng lực đã cao !* ”. Anh cười nói : “ *Nếu thế thật thì cũng chưa đáng mừng với. Vấn đề là phải chơi trăm búa mà cõi mình thì chỉ ba búa Trinh Giảo Kim đã hết hoi* ”. Ấy thế mà rồi cứ kỉm rỉm trong thăm lặng, anh chơi liên tục hai, ba trăm búa.

Đọc thơ anh, có bài chỉ vài ba câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp đến xao xuyến tận đáy lòng — những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà không thấy. Từ trước đến nay tôi chỉ thấy nắng là nắng, bây giờ tôi biết có “ *nắng phơi rơm* ”, “ *nắng bồ cau* ”, “ *nắng ngả tương* ”, “ *nắng Âu Cơ* ”. Và mưa có “ *trên sông láy thấy mưa mòi* ”, “ *mái rạ trở mình mưa hơi thở* ”, “ *vườn sau mưa cỏ cây dậy mùi giòng giồng* ”. Và màu trời có “ *khát muốn chết một ngum trời da bát* ”, “ *xanh cánh cháu* ”, “ *xanh kép, xanh dòn* ”, “ *xanh rau khúc* ”. Và màu tím có “ *hoa chuối tiêu làm lũi tím Tam Giang* ”, “ *ruột quả sung xanh tím mãi thuở hàn vi* ”. Và những thứ tưởng như trừu tượng bỗng được thơ anh biến thành có ảnh, có hình, có hồn, “ *tiếng tù và bết gió* ”, “ *tiếng sáo diều hót gió ven sông* ”. Đến cả mũi rǎi cũng làm rung động trái tim người, “ *tiếng đứt ruột một thời mũi rǎi* ”. Đến con giun cũng trở thành tác phẩm nghệ thuật huy hoàng của Hoá công khi được rọi sáng trăng thu, “ *bên gốc hoàng tinh con giun đất mạ vàng* ”.

*

Mới đây, Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam quyết định trích quỹ sáng tác của Hội làm món quà tặng sáu hội viên (trong đó có tôi) đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong ba mươi năm qua : Hội in cho mỗi người một tập thơ bao cấp, tác giả tự chọn những bài vừa ý trong thơ mình, dày từ hai trăm trang trở lại. Năm anh bạn đang dựng bản thảo. Tôi cả đời chưa bao giờ được in riêng một tập thơ càng hăm hở chuẩn bị. Và bản thảo đã chuẩn bị xong, chỉ còn mang đến nộp. Trước khi nộp, tôi đem đến anh Cung để tranh thủ một vài nhận xét. Nhân dịp này, tôi đã đợi đọc lại tập thơ tích luỹ của anh. Đọc xong lòng hăm hở của tôi chùng lại. Tôi không còn muốn in thơ nữa. Tôi tự nhủ : in làm gì khi chưa có cặp mắt biết nhìn như Phùng Cung :

*Cuối trời trăng mới
Trái gác chín ngập ngừng*

Thấy tôi chán nản, anh Cung động viên khéo :

– Thời cơ chế thị trường, dư luận khách hàng mới là khuôn vàng thước ngọc. Hãy cứ cho ra rồi lắng nghe dư luận.

Trái với tình thế của tôi có điều kiện in mà còn đắn đo, tình thế của anh Cung lại là muốn in mà không có điều kiện.

Như mọi người đã thấy, ngày nay ở nước ta xuất bản thơ là việc khó lăm. Bạn muốn in thơ ? Xin mời ! Cứ việc bỏ tiền ra mà in. Nhà xuất bản chỉ có thể tham gia bằng cách chịu một phần trách nhiệm về nội dung và đứng ra xin giấy phép xuất bản với điều kiện bạn trả tiền lệ phí. Một nhà thơ nghèo rớt mùng tơi như Phùng Cung, năm nay đã sáu mươi nhăm tuổi, có lẽ đến lúc “*chọn đất sạch dọn mình vào vĩnh viễn*” cũng không hy vọng thơ mình được người đọc thường thức qua những dòng chữ in. Hằng tháng chỉ với mâm cơm gia đình “*bốn mùa rong ruổi chốn rau dưa*” cộng thêm vài chục nghìn tiền điện, dăm nghìn tiền nước, chị Thoa vợ anh cũng đã phải tất tả chạy giật nóng quanh bà con lối xóm. Thơ anh dành năm chờ...

Nhưng tôi quyết tâm in bằng được thơ anh. Tôi sẽ đi khắp Trung, Nam, Bắc đọc thơ rong, thơ anh, và quyên góp tiền. Tôi ước tính muốn đủ tiền để in hai trăm bài thơ ngắn, tôi sẽ phải đi đọc thơ và quyên tiền mất từ hai đến ba năm trong khi đó bao nhiêu chuyện có thể xảy ra làm cho công việc thêm phức tạp ? Quá trình phấn đấu hẳn phải chia thành nhiều đợt đi, về...

Nhưng tôi đã gặp một chuyện bất ngờ.

Một hôm, trong bữa cơm gia đình có anh Nguyễn Hữu Đang dự, tôi nói :

– Em sắp đi xa, vắng nhà chừng khoảng một năm. Anh nhớ luôn đến nhà em ăn cơm với vợ em cho vui.

– Chú có công chuyện gì mà phải đi xa nhà lâu thế ?

– Em đi đọc thơ rong, quyên góp tiền để in cho anh Phùng Cung tập thơ. Cả một đời gian khổ vì cái nghiệp bút mực, anh ấy chỉ có một ước vọng được in một tập thơ để tặng bạn hữu và góp mặt với đời trước khi

*Men về thung cũ
Quì dưới chân quê
Trăm sự cúi đầu
Xin quê rộng lượng
Chút thổ phan bò xéo cuối thôn*²

– Tôi gặp chú Cung luôn, sao không thấy chú ấy nói chuyện này với tôi ? Anh nhìn tôi trân trân hỏi.

– Anh Cung không nói, em cho là anh ấy nghĩ có nói anh cũng chẳng giúp được gì, chỉ làm anh thêm bận tâm.

– Tập thơ chú Cung đâu, chú đưa tôi xem.

Anh Đang giương mục kính, đọc chăm chú hết tập thơ. Anh gật gù mái đầu tóc hói ngắn, nói : « Tôi không ngờ thơ chú Cung khá thế. Theo tôi còn khá hơn văn xuôi chú ấy. Bây giờ thế này chú Quán nhé. Chú không phải đi đâu hết. Tôi sẽ cho chú Cung tiền để in tập thơ ». Tôi tròn tròn mắt : « Thơ không rẻ như bèo đâu anh ơi. Một tập thơ vài trăm trang với hình thức chỉ xoàng xoàng thôi, anh có biết phải mất bao nhiêu tiền không ? Từ hai triệu đến hai triệu rưỡi đấy ! ». Tôi tưởng anh phải tái mặt, tung hứng trước số tiền mà tôi thông báo. Anh vẫn bình tĩnh lật lật những trang thơ, đọc lại một vài bài vừa rồi

chưa đọc kỹ rồi chậm rãi nói : « Tôi sẽ cho chú Cung dư tiền để in dù có tổn như chú vừa nói ». Không để tôi hỏi anh lấy đâu ra tiền, anh giải thích luôn :

– Tôi cho chú ấy dùng tất cả số tiền tôi dè sén từng đồng, dành dụm được trong hai mươi năm qua, nhất là từ bốn năm trở lại đây tôi có lương hưu, lại được những anh chị em cùng hoạt động hồi Mặt trận dân chủ, Hội truyền bá quốc ngữ, Hội văn hóa cứu quốc, các đội tuyên truyền xung phong chống Pháp, ngành Bình dân học vụ cùng những bạn bè xa gần, biết tôi còn sống và nghèo khổ, kẻ ít người nhiều họ gửi tiền đến giúp đỡ. Ngoài những khoản chi tiêu cần thiết hằng tháng, còn lại bao nhiêu tôi gửi tất cả vào quỹ tiết kiệm ngân hàng phòng xa phải dựng túp lều khi không còn ai cho ở nhờ, phòng xa lúc ốm nặng kéo dài, phòng xa cả lúc chết nữa. Nhờ vậy mà số tiền tiết kiệm của tôi đến hôm nay đã lên đến bốn triệu đồng. Số tiết kiệm đây...

Anh cởi áo trấn thủ, móc túi áo bộ đội cũ mặc bên trong, lấy ra cuốn sổ bọc trong ba lần giấy nhựa bóng, chằng ngang đọc bốn dây cao su. Anh đặt sổ trước mặt tôi và bảo :

– Chú giữ lấy. Tôi sẽ làm giấy ủy quyền cho chú rút tiền ra sử dụng. Nếu số tiền này chưa đủ, tôi sẽ về quê đòi vài tạ thóc cho vay, bán đi rồi gửi thêm tiền lên cho chú. Tôi yêu cầu tập thơ phải in thật đẹp, mà đẹp giản dị thanh nhã chứ không rườm rà, loè loẹt như nhiều tập thơ đang bày bán.

Không hiểu sao nghe anh nói tim tôi hồi hộp và cổ tôi như nghẹn ngào. Tôi được quen biết anh đã trên ba mươi năm, nhưng cho mãi hôm ấy tôi mới thật hiểu anh là người thế nào. Nguyễn Hữu Đang là người nếu chỉ dùng cho bản thân thì một trăm đồng ba quả khế chua để gói đầu (thay chanh mà anh sợ đất) cũng tiếc tiền, bất đắc dĩ mới phải mua. Nhưng nếu là việc nghĩa hiệp thì sẵn sàng san sẻ đến đồng tiền cuối cùng.

Và nửa thế kỷ đã trôi qua, hôm nay tôi mới vỡ lê ra một điều : Ngày đó, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã không chọn ai khác mà chọn chính anh, Nguyễn Hữu Đang, làm Trưởng ban Tổ chức ngày đại lễ của Tổ quốc : Mồng Hai tháng Chín năm Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm¹.

Tôi muốn thay mặt Phùng Cung, chép tặng anh bài thơ *Trà*, bằng chữ đại tự :

*Quất mai nước sôi,
Trà đau nát bã
Không đổi giọng Tân Cương.*

PHÙNG QUÁN

☞ Bài này là *Lời cuối sách* viết cho tập thơ Phùng Cung (nhà xuất bản Văn Hoá đang in). Tất cả những chữ *in nghiêng* đều là văn xuôi, thơ của Phùng Cung.

¹ Truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh* đăng trên báo Nhân Văn (1956). Tập truyện ngắn mang tên *Dạ Ký* chưa bao giờ được xuất bản. Phùng Cung bị tù đầy 12 năm.

² Xem bài của *Phùng Quán tìm thăm Nguyễn Hữu Đang* (Diễn đàn số 25, tháng 12.1993).

Khi đàn ông viết về đàn bà...

Đoàn Cảnh Thi

“ Ne jetez pas la pierre à la femme adultère, je suis derrière ” [Xin đừng ném đá vào người đàn bà ngoại tình, có tôi ở đằng sau]

Georges Brassens

Kể về một người phụ nữ tài hoa bị chính những kẻ đã làm tình với cô giết hại, **Gió đại**¹ dường như đặt ra câu hỏi : *thế nào là đàn bà trong thế giới đàn ông ?* Thật vậy, trong cái thế giới đầy nam tính của làng Diêm lúc đó, thế giới của chiến tranh, bạo lực, chính trị và tôn giáo, quan hệ giữa Diệu Nương, ngẫu nhiên trở thành người đàn bà duy nhất ở đây, và những người đối mặt với cô, những đại diện của “ chính quyền mới ”, trước hết là mối quan hệ giữa những kẻ khác giới tính. Quan hệ trong đó làm tình biến thành mối trao đổi độc nhất, hoàn toàn có tính vật chất, một bên trao thân và một bên trao hàng “ *Diệu Nương nhận quà cáp và ngủ với tất cả* ” (tr.42). Ngoài ra không còn mối giao tiếp nào khác, bởi họ chỉ nhìn Diệu Nương mà không bao giờ gặp ánh mắt cô, bởi họ ngủ với Diệu Nương mà không bao giờ nhìn thấy thân thể cô, và bởi Diệu Nương ngỏ niềm ao ước mà không ai muốn tiếp lời cô, trừ Tuấn. Nghiệt ngã hơn nữa, thế giới đó không có chỗ cho cô. Mặc dù bất đồng về tư tưởng, nhà thờ và quân đội cuối cùng đã hợp nhau lại để quyết định cái chết của cô. Cái chết mở đầu và kết thúc câu chuyện. Cái chết được gọi đi gọi lại trong **Gió đại**. “ *Nhiều tháng, và chừng nhiều năm trời rồi trôi qua, Diệu Nương, cô gái ấy đã bị bắn chết từ những bao giờ* ” (tr.36). “ *Giờ đây, Diệu Nương đã chết. Nhưng trên đồng cỏ...* ” (tr.39). Cứ như thế cái chết chính là lẽ sống của Diệu Nương vậy.

*

Nhưng có lẽ đó không phải là một chủ đề mới, chủ đề về người phụ nữ bất hạnh. Eva, người đàn bà đầu tiên của nhân loại, vừa xuất hiện đã chẳng bị coi là nguồn gốc mọi đau khổ của đàn ông đó sao ? Cái mới của **Gió đại** là trong cách đặt vấn đề, cốt lõi ở đây là **cái nhìn**, mà tôi tạm gọi là *người đàn bà trong con mắt đàn ông*. Không phải ngẫu nhiên mà người kể chuyện của **Gió đại**, kẻ xung “ *tôi* ”, lại là một nhân vật nam, người thuật lại những điều mà anh chứng kiến về cuộc đời của Diệu Nương, và hơn nữa, ghi lại những mẩu chuyện về cô do những người đàn ông khác kể lại.

Khi Diệu Nương xuất hiện lần đầu trong truyện, theo cách dàn cảnh của **Gió đại**, kẻ làm người đọc chú ý nhất, kỳ lạ thay không phải là Diệu Nương, người đàn bà hát, mà

¹ *Điển Đàn* số 12 hoặc *Hợp Lưu* số 11. Những lời dẫn trong bài này là trích ở *Điển Đàn*.

chính là những người đang nghe cô hát : “ *các pháo thủ đang làm công tác chuẩn bị chiến đấu trong ngày đều bất giác ngừng hết việc lại. Các trinh sát viên rời mắt khỏi bầu trời, dõi ống nhòm về phía làng (...) Đứng trên nóc hầm thông tin, đại đội trưởng và chính trị viên chuyền nhau chiếc ống nhòm...* ” (tr.37). Trong khi người đàn bà chỉ là một cái gì vô cùng mỏng manh “ *thấp thoáng (...) một bóng ma (...) có thể bỗng chốc tan biến trong huyền bí* ” (tr.37), thì những người đàn ông đứng đó, trong tư thế của kẻ có quyền nhìn, có quyền nghe và có quyền phán xét. Và Diệu Nương được nhìn như thế nào ? Luôn từ xa, lúc đầu là qua ống nhòm, cuối cùng là qua mũi súng, trong con mắt của những kẻ coi cô như “ *người của phía bên kia* ”. Cũng theo cách dàn cảnh này của **Gió đại**, âm thanh lôi cuốn người đọc nhiều nhất không phải là tiếng hát của Diệu Nương mà chính là những lời bình phẩm về cô, nhất là cuộc đối thoại giữa đại đội trưởng và chính trị viên :

« — Rong chơi ! — Chính trị viên buông ống nhòm, nhăn mặt — Không bắt cái đồ đĩ ấy câm miệng lại thì cả đại đội sẽ bị nó hoppers hết hồn vía. Rồi khởi đưa đám đầu theo nó để rong chơi.
— Nhưng làm sao cấm được ? — Đại đội trưởng nhún vai.
— Cấm ! vì đó là nhạc vàng phản chiến, là nguy ca.
— Đây là Trịnh Công Sơn.
— Cũng thế thôi. Mà làm sao cứ đúng giờ này là nó lên giọng nỉ non, hay nó làm ám hiệu ? Hay nó toan rủ rê, ve vãn lính mình bỏ trận địa để xuống ngủ với nó rồi sinh bệnh, mất sức chiến đấu ? Có phải nó toan thế không ?... » (tr.37)

Không thể nào không đọc được ở đây sự kháng cự yếu ớt của đại đội trưởng, người dường như muốn bênh vực Diệu Nương, và đặc biệt là cái nhìn bệnh hoạn, méo mó bởi nghề nghiệp, tư tưởng và thành kiến, ngộ nhận của nhân vật chính trị viên. Đó là một cái **nhìn-mà-không-thấy**. Xung quanh Diệu Nương là một chuỗi những “ *lời đồn thổi* ”, những “ *lời dè bỉu* ”, những “ *chi tiết hoang đường* ”, những “ *người ta bảo* ”, “ *người ta nói* ”. Cả hai phương tiện bộc lộ tình cảm và khát vọng của cô, tấm thân với giọng hát, đều lần lượt là mục tiêu của sự phá huỷ. Giữa cô và họ bao giờ cũng tồn tại một khoảng cách. Khoảng cách giữa bên này sông và bên kia sông, giữa kẻ hát và người nghe. Khoảng cách đó là màn đêm, “ *trong lều tối đen* ”, chia hai kẻ làm tình. Khoảng cách đó là cái chết, sự im lặng vĩnh viễn của Diệu Nương.

*

Cái nhìn hay nhất, đặc biệt nhất, của **Gió đại**, theo tôi, thuộc về nhân vật người kể chuyện, kẻ xung “ *tôi* ”. Phải thú thực rằng đây là một nhân vật kỳ lạ. Anh xuất hiện khá muộn trong tác phẩm, hơn nữa một cách mờ nhạt. Chữ “ *tôi* ” chỉ có mặt vài ba lần trong cả câu chuyện, thường lẫn với những từ đi kèm khác như “ *chúng tôi* ”, “ *đại đội tôi* ”. Kém cả Cù, cả Tuấn hay nhân vật chính trị viên, đại đội trưởng, anh không có lấy một cái tên, hay một chức vị. Bóc cái vỏ ngoài đó, tôi đề nghị đi tìm vai trò thực sự của nhân vật này trong tác phẩm, đi tìm ý nghĩa của chữ “ *tôi* ” trong **Gió đại**.

Trước hết xin đặt một câu hỏi : sự có mặt của nhân vật này trong **Gió đại** có thực sự cần thiết không ? Hay rõ hơn : **Gió đại** sẽ được đọc như thế nào nếu ta thay chữ “ *tôi* ” bằng

một tên riêng, “ x ” chẳng hạn, hoặc đi xa hơn nữa, nếu ta xoá hẳn chữ “ tôi ” ? Như thế từ câu : « *Riêng tôi, mà có lẽ chẳng riêng tôi, không ai coi cái nết lăng chạ của Diệu Nương là hư đốn hay đồi bại gì sất* » (tr.42), ta sẽ có hai câu : « *Riêng x, mà có lẽ chẳng riêng x, không ai coi cái nết lăng chạ của Diệu Nương là hư đốn hay đồi bại gì sất* » và « *Không ai coi cái nết lăng chạ của Diệu Nương là hư đốn hay đồi bại gì sất* ». Câu trả lời đã rõ : trong cả hai trường hợp, ***Gió đại*** sẽ mất hẳn độ lôi cuốn, sức thuyết phục, và nhất là vị nồng nàn da diết yêu thương của nó. Vì với từ “ tôi ”, đó là lời của kẻ đã tận mắt chứng kiến cuộc đời của Diệu Nương và không bao giờ nguôi nhô về cô “ *nhiều năm qua rồi (...) Bất thần ký ức tôi mơ màng mường tượng ra trước mặt hình bóng của Diệu Nương, khi Diệu Nương một mình đi trên đường vắng, dáng đi mềm mại dung đưa toàn thân, hay là khi cô thẩn thờ ngồi lặng bên sông, hay là khi...* ” (tr.42), lời của kẻ đã từng sống với cô “ *những giây phút chưa từng được hưởng ở quê nhà ngoài kia* ” (tr.42), lời của kẻ đã tham gia ám hại cô “ *tôi gạt chốt khẩu AK vào nắc liên thanh...* ” (tr.44), và cuối cùng lời của kẻ đang hối hận, đang tinh ngộ “ *chúng tôi đã bắn chết những người báo trước hoà bình* ” (tr.44).

Nếu có một nhân vật nào trong ***Gió đại*** đã từng trải qua một chuyển biến rõ rệt nhất về chất, thì đó chính là người kể chuyện. Nếu không thì làm sao giải thích được sự khác nhau giữa cái “ tôi ” nhỏ bé của người lính năm nào với cái “ tôi ” mạnh mẽ, sinh động của người kể chuyện, toát ra trong từng câu, từng chữ của ***Gió đại*** ? Nếu không thì làm sao hiểu nổi sự đối lập giữa cái “ tôi ” dường như không dám đứng một mình “ *riêng tôi, mà có lẽ chẳng riêng tôi* ” của “ *hồi đó* ”, với cái “ tôi ” độc lập, dạn dĩ của “ *giờ đây* ” ? Còn đâu nữa cái “ tôi ” hèn hạ của kẻ đã không dám bảo vệ người phụ nữ yếu đuối, cái “ tôi ” “ *diên khùng* ” (tr.44) của kẻ đã nhả đạn vào người con gái không vũ khí tự vệ ? Chỉ còn lại đây một cái “ tôi ” của người kể chuyện, cái “ tôi ” biết suy nghĩ “ *giờ đây ngẫm lại...* ” (tr.43), cái “ tôi ” biết tự giễu mình “ *tôi có vinh dự tham gia...* ” (tr.44), và nhất là cái “ tôi ” **biết nhìn**. Thật vậy, nhân vật này quả có một khả năng quan sát kỳ diệu. Cảnh đầu tiên của ***Gió đại*** chứng minh điều đó. Trước hết đó là một cái nhìn bao quát, nhìn vào “ *trong làng* ”, nhìn qua “ *bên sông* ”, nhìn lên “ *nóc hầm* ”. Hơn nữa, dường như cái nhìn đó có thể đọc được những gì mắt thường không thấy, thấu được nội tâm con người ta, cảm được những âm vang của giọng ca Diệu Nương trong tâm hồn người nghe : “ *Trong cõi lòng ủ ê của linh mục thoáng rợn luồng cảm giác như dòng điện* ” (tr.36), “ *...bọn trẻ con hát với theo Diệu Nương. Người lớn ai nấy sững sờ* ” (tr.37), hay “ *...người lính đón nhận tiếng hát với cái rùng mình nhẹ nhẹ. Giai điệu của bài ca như dụng khẽ vào tim anh* ” (tr.37). Cái nhìn đó, chỉ thấy ở những bậc uyên thâm.

Tất cả ở một chữ “ tôi ”. Chữ “ tôi ” đã biến ***Gió đại*** từ câu chuyện về một người đàn bà thành câu chuyện của một người đàn ông.

Chặng đường đi từ cái nồng nỗi đến độ chín chắn, từ nỗi ngu muội đến sự thăng hoa, chặng đường đó dường như đồng nghĩa với hành trình của người đàn ông đi tìm người đàn bà đã tồn tại hay cũng có thể không bao giờ tồn tại. Đó cũng là

một chủ đề trong truyện ngắn ***Con gái thuỷ thần*** của Nguyễn Huy Thiệp. “ *Tôi cứ đi... Phía trước mặt tôi còn biết bao điều bất ngờ chờ đợi. Nàng là ai ? Con gái thuỷ thần ? Nàng ở đâu ? Con gái thuỷ thần ? Là tình chi ? Con gái thuỷ thần ? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...* ”². Chặng đường đó phải được đọc trong ***Gió đại*** như một bi kịch, bi kịch của người đàn ông chỉ có thể hiểu được người đàn bà sau khi đã quá muộn, nhưng cũng nên được coi như một chiến thắng, chiến thắng của quá khứ, của ngôn từ. Câu chuyện đã chẳng được thuật lại sau khi biết bao lần người kể nó muốn quên đi “ *chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ quên đi...* ” đó sao ? Và để đi đến tận cùng của chặng đường đó, lòng nhân từ dường như chưa đủ. Cả Cù và vị tu sĩ đều trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào cái chết của Diệu Nương sau khi đã cứu giúp cô. Chỉ có nghệ thuật, ở đây là âm nhạc, mới đủ sức tách Tuấn ra khỏi thế giới nam tính đó để đưa anh lại gần người phụ nữ cô đơn. Nghệ thuật, bởi đó cũng là con đường ngắn nhất đi từ cái ác đến cái thiện, từ lòng thù hận đến sự cảm thông. Chỉ giọng hát của Diệu Nương, giọng hát mà vẻ đẹp của nó không thể nào không gợi lên truyền thuyết về chàng Trương Chi ngày trước, mới có khả năng xoá đi trong khoảnh khắc sự đối lập, ở kia là hai giai cấp, ở đây là hai chiến tuyến, “ *...như thế nghẹn ngào, Diệu Nương dừng lại lấy hơi rồi hát tiếp. Ở giữa khối tù một người chợt cất cao giọng. Rồi một người khác nối theo. Rồi nhiều người. Giọng hát của Diệu Nương như lướt một cái hôn dài trên môi tất cả. Đoàn tù biến thành đàn đồng ca. Những giọng đàn ông chung nhau một bè trăm át tiếng chân bước. Đội áp giải không bắt tù phải im tiếng. Những ngọn lê chúc cả xuống* ” (tr.39).

*

Gió đại phải chăng không là một lời giải đáp cho câu hỏi đã bao lần đặt ra trong ***Nỗi buồn chiến tranh*** : Viết chiến tranh như thế nào ? Viết chiến tranh là viết về người đàn bà, kẻ không trực tiếp tham gia nhưng lại là nạn nhân đau khổ nhất của nó, hơn nữa, là thủ đặt mình trong số phận của những người phụ nữ, không phải kiểu “ *hiền thực, trung hậu đảm đang nơi quê xa miền bắc* ” hay “ *các chị em giàu truyền thống cách mạng trong vùng hậu cứ* ” (tr.39), mà những người như Phương, như Diệu Nương, những người con gái “ *lạc loài* ”, những ngọn “ *gió đại* ”.

Nếu như hơn một trăm năm trước đây Flaubert đã từng thốt lên : “ *Bà Bovary chính là tôi* ”, nếu như người đọc đã có thể cảm được lời thú nhận của tác giả ***Nỗi buồn chiến tranh*** : “ *Phương chính là tôi* ”, cũng xin đọc ở đây trong ***Gió đại***, sự hoá thân của Bảo Ninh không phải trong “ *tôi* ”, nhân vật người kể chuyện, mà chính trong Diệu Nương, người con gái đã bị giết oan và đang được giải oan.

Ngược dòng không gian và thời gian đi tìm người đàn bà đã chết, trả lại cho phụ nữ vai trò hướng đạo trong nghệ thuật và tình yêu, trả lại cho phụ nữ bí mật của phụ nữ, đó là... khi đàn ông viết về đàn bà.

Paris, tháng 5.1994

ĐOÀN CẨM THI

² Nguyễn Huy Thiệp, ***Con gái thuỷ thần***, tập truyện, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 1993.

Những tác phẩm mới nhất của Nguyễn Khai : *con người và computer*

Cùng với tranh sơn dầu và sơn mài vẫn được tiếp tục thực hiện như trong không khí từ nhiều năm về trước, trong khoảng một hai năm gần đây Nguyễn Khai thực hiện một loạt tranh mới, cũng có thể nói là đáng chú ý vì kỹ thuật mới mẻ. Kết hợp với kỹ thuật khắc gỗ, thạch bản, khắc bản kẽm, khắc phim, rồi in bằng máy quay tay trên giấy, đôi lúc là trên bột giấy đặc biệt, đòi hỏi nhiều thời gian, vừa là tranh mà cũng vừa là những bảng khắc nổi, khắc chìm (*haut-relief, bas-relief*), thỉnh thoảng còn dát thêm đôi chút vàng bạc ở những điểm cần nhấn mạnh để tạo sự nổi bật. Sống giữa một thời mà nghệ thuật rất gần với kỹ thuật và cơ khí, những không gian mới của nghệ thuật đòi hỏi không những chỉ là tư tưởng mà còn nhiều thứ khác nữa của kỹ thuật và kỹ nghệ, nỗ lực tìm kiếm này của Nguyễn Khai cũng rất đáng tán thưởng. Điều đáng kể là với một cách làm việc và những phương tiện hoàn toàn khác trước đây, anh vẫn tiếp tục hít thở, chuyển động và sống với thế giới mộng tưởng của mình như từ bao nhiêu năm trước, các giấc mơ đầy thi vị cứ tiếp tục nối nhau trên một đường chỉ đỏ xuyên suốt từ hơn 30 năm qua. Những tranh này dù thực hiện rất công phu, và có thể in thành nhiều bản, in bao nhiêu bản cũng được, anh chỉ in một bản duy nhất, nên đã đặt cho chúng một cái tên giản dị : *monoprint*, tranh độc bản.

Giai đoạn nghiên cứu và thực hiện những độc bản mà Nguyễn Khai đã có dịp bày trong một vài cuộc triển lãm vừa qua, thực sự ra mới chỉ là những chuẩn bị, có thể xem đó là những thăm dò, mò mẫm tìm kiếm, tạo tiền đề cho những khám phá mới. Phòng tranh mới nhất của Nguyễn Khai mở cửa ở trụ sở *Việt Báo Kinh Tế* từ 11.3 tới 26.3.94 với một chủ đề chung *Con Người và Computer* là một thành quả rất đặc sắc, cũng có thể nói là khá rộng rã khi người nghệ sĩ tài hoa này mở rộng cách nhìn của mình vào thế giới hiện đại.

Bao trùm lên toàn thể phòng tranh một không khí rất mới, chúng ta có thể gọi nó là một sắc diện nào đó của trào lưu nghệ thuật hậu hiện đại (*post-modernisme*). Anh pha trộn nhiều kiểu cách, nhưng chủ yếu là cách biểu lộ của loại hình nghệ thuật Pop Art, vẫn còn là khá mồi mẻ và chưa quen thuộc lắm với nghệ sĩ Việt Nam (*). Nhưng không phải là Nguyễn Khai đã rời bỏ hoàn toàn tất cả những nền tảng trước đây, bởi vì anh chỉ vận dụng phương thức biểu lộ mới, nhưng vẫn xây dựng thế giới của mình trên cách nhìn quen thuộc của nghệ thuật siêu thực, lập thể và trừu tượng. Nguyễn Khai sử dụng những nguyên liệu mới trông rất buồn cười, để làm nền tảng xây dựng thế giới của mình, đó là những *chip điện tử*. Trên báo *Người Việt Thế Giới* số vừa ra mắt có mấy dòng

giới thiệu về cuộc triển lãm này, đã nhận xét nhẹ nhàng và khá đúng : “ *Con người, với computer, đang viết những trang sử mới cho văn minh nhân loại. Đã tới lúc những chất liệu hội họa có thể... kết hôn với những chip điện tử* ”. Cứ như vậy, có lẽ rồi Nguyên Khai sẽ sử dụng bất kỳ chất liệu nào, vật thể gì, miễn là có thể được và phù hợp, để tiếp tục triển khai thế giới của mình.

Phòng triển lãm mở ra một thế giới mới, với nhiều nỗ lực tìm kiếm mới đầy năng động sáng tạo. Hầu hết các tác phẩm đều là *mixed media*, thực hiện bằng nhiều chất liệu khác nhau pha trộn lại, những sợi và mảng kim loại, đinh kẽm, sơn dầu, vải bố, gỗ, acrylic, đặc biệt chủ yếu là những *chip điện tử*. Những chip điện tử ấy được vận dụng, sắp xếp khéo léo trên các tấm tranh ; có tấm thì chỉ cần vài mảnh nhỏ ấy để tạo thành một điểm trung tâm thu hút toàn bộ ; có tấm thì dường như toàn bộ được dàn trải toàn bằng chất liệu này, chỉ thêm thắt vào những mảng sơn dầu hoặc acrylic để tạo sự hoà hợp tổng thể. Không khí ấy trên những tác phẩm của Nguyên Khai rõ ràng bao hàm sự ghi nhận về một thế giới mới trên đường tiến tới tương lai. Văn minh nhân loại đang biến đổi dữ dội và chưa biết đi về đâu dưới áp lực và sự thống trị của cuộc cách mạng điện tử đang diễn biến. Những chip điện tử nhỏ bằng phân vuông ấy ngày nay đang chế ngự cuộc sống loài người, khắp nơi và khắp nơi, trong bất cứ lanh vực nào. Từ giáo dục đến truyền thông, từ kinh tế đến sinh học. Từ an ninh xã hội đến hàng hoá tiêu dùng. Từ kỹ nghệ đến giải trí. Từ đường phố đến sinh hoạt trong từng mỗi căn phòng. *Chip điện tử*, bộ óc tinh vi của hệ thống computer đang điều khiển mọi vận hành của nhân loại. Ở đây, người họa sĩ rất mực tài hoa được chúng ta yêu mến suốt hơn ba mươi năm qua, không những chỉ mô tả mà ít nhiều còn có tính tiên báo bằng những cảm nhận nghệ thuật vô cùng tinh vi về một thế giới mới, một nhân loại mới đang bước đi và sẽ tới.

Anh dựng lại hình bóng *Bà Mẹ Đất*, nền tảng của mọi sự sống. Nhưng ở đây, Nữ Thần Địa Mẫu, sức sống uyên nguyên của sự kết hợp, nuôi dưỡng và tái tạo, không mang cái dáng vẻ xù xì, thô kệch của bà mẹ phồn thực xưa nay, như hình bóng chúng ta vẫn thường thấy, từ những dấu vết tiên khởi từ thời đồ đá cho đến những tác phẩm hiện đại nhất của ngày hôm nay. *Bà Mẹ Đất* (Mother Earth) của Nguyên Khai thực hết sức thanh tú, tròn đầy, dày chất thơ và mơ mộng. Nhiều nguyên liệu pha trộn nơi tác phẩm tạo bức tranh thành một công trình đắp nổi của điêu khắc, mở ra một thế giới của không gian ba chiều. Bà mẹ thanh nhã ấy của muôn loài cũng đang chuyển biến ; trái đất và cuộc sống của nhân loại đang thay đổi dữ dội, đang âm ỉ cháy để rồi sẽ dựng nên một nhân loại mới trong một tương lai gần gũi. Có gì khác biệt giữa linh cảm, mơ mộng và thực tại ? Có gì khác biệt giữa giấc mộng của nghệ thuật và giấc mộng của lịch sử ? Có nhiều giấc mộng chung như không tưởng thì chính lại là rất thực. Ở đây, thực ra không phải chỉ là linh cảm và tiên báo, mà hẳn cũng đã bắt nguồn từ tính biện chứng trên tấm nền thực tại. Chỉ có điều là những ghi nhận qua những tàn số cảm tính đã được trau chuốt trở lại trong một vẻ thanh nhã, thơ mộng cổ hưu của Nguyên Khai ; cách nhìn ấy hẳn là khó mà thay đổi.

Cũng trong cách nhìn ấy, Nguyên Khai đã vẽ nên bộ mặt của một thế giới đã hoàn toàn biến đổi dưới sức chi phối của computer. Anh sắp xếp những *chip điện tử* ti vi lên mặt tranh,

chiếm đến gần 2/3 tấm tranh, nhưng thế giới ấy hoàn toàn phi nhân tính ; ở bên trên thế giới ti vi ấy vẫn còn hai khuôn mặt kiều diễm quen thuộc của Nguyên Khai. Chân dung hai thiếu nữ ấy dường như đã đứng vững, mặc dù vẫn mềm mại, mộng ảo và đầy nữ tính, trên đài bệ vững chãi của cái thế giới mới siêu diện tử. Bức tranh ấy Nguyên Khai gọi là *Khu Vực Mới* (New Area). Cùng cách tạo hình và ý tưởng ấy, Nguyên Khai càng đi xa hơn nữa, anh dựng một thế giới hoàn toàn mới mẻ với tầng tầng lớp lốp chồng chất lên nhau những con mắt và trí óc điện tử. Không còn thấy bóng dáng con người đâu nữa, vì con người đã hoàn toàn bị khống chế và chìm lấp trong thế giới siêu kỹ thuật cực kỳ tinh vi ấy. Nhưng may thay, Nguyên Khai đã phóng chiếu chân dung con người theo một kiểu cách kỳ lạ hơn, bí ẩn hơn : anh dựng hình bóng Chúa Giê-Su với khuôn mặt bằng đồng, một vòng hào quang bằng aluminium và hai tay bằng gỗ bị đóng đinh lên trên thế giới ấy. Bức *Cứu Rỗi* (Salvation) là một cách giải quyết rất nhạy bén, thông minh và sâu sắc cái hoà nhịp thiết yếu giữa nhu cầu tâm linh và thế giới bên ngoài. Thế giới càng văn minh, kỹ thuật càng tinh vi, khoa học càng tiến sâu vào những bến bờ mới lạ, khao khát tâm linh về một sự cứu rỗi mới, có lẽ càng sâu thẳm hơn nhiều. Khi đứng trước tác phẩm này, tôi tưởng tượng đến những thành phố hiện đại của thế kỷ 21, và nếu các nhà kiến trúc sử dụng ý tưởng ấy để mô hình hoá và quy hoạch những thiết kế mới, mỗi chip điện tử trên tranh ấy sẽ trở nên một con đường, một công viên, một chiếc cầu, một tòa building lớn ; mỗi chấm nhỏ li ti trên ấy là chiếc xe của chúng ta đang vun vút chuyển động, và bên trên toàn thể công trình kiến trúc vĩ đại ấy, hình bóng dáng cứu rỗi của một nhân loại mới vẫn hiện ra như một thành phần chủ yếu của cấu trúc. Ý tưởng ấy của Nguyên Khai không phải chỉ là một giấc mộng không tưởng, mà có vẻ như đó là khuôn mặt mới của thế giới sẽ được dựng nên.

Tất cả các tác phẩm của Nguyên Khai trong phòng triển lãm này đều mang chung một tính cách, và đều đã được lý giải dưới lăng kính của cái đẹp rất tài tình. Có vài tấm tranh sử dụng cách tạo hình của nhiều năm trước, của thời Sài Gòn trước 1975, và ở đây anh vừa giữ được cái tài hoa cũ, mà không những thế còn nâng cái phong nhã lên ở một mức cao hơn. Ví dụ ở các bức *Thành Phố Sau Thế Kỷ* (City After The Century) và *Những Cái Bóng Bí Ẩn* (Mysterious Shadows), đó là cách tạo hình lập thể pha trộn chất siêu thực cực kỳ thơ mộng. Những vệt màu đỏ sắc cạnh đã trầm xuống để nói về một thế giới đang bốc cháy rồi sẽ được phục sinh. Hay những vệt màu xanh biếc ngả sậm trầm buồn, để mô tả những căn nhà đang được dựng lên, của một thành phố đang được lặng chiểu mặt trời xanh, và cánh chim xanh đập cánh.

Ở các tấm tranh *Ánh Sáng* (Light), *Thời Gian và Tiến Bộ* (Time and Progress), *Năng Lượng Mặt Trời* (Solar Energy), *Cánh Hoa Nở* (Open Flower), *Não Bộ Điện Tử CPU*... là cách bố cục trừu tượng rất chặt chẽ ; Nguyên Khai đặt thêm vào đó những mảng chất liệu khác, ví dụ những mảnh vải, những khối gỗ được đục đẽo, khắc chạm, những mảnh *kil* loại lắp lánh theo kiểu Pop Art. Cái đặc sắc là tất cả đều hòa hợp trong một sự hoà điệu tuyệt hảo. Trước bức *Ánh Sáng*, trong cách nhìn mang đầy chất thơ và thần thoại, thi sĩ Trần Dạ Từ cho rằng, “ Như cầu vòng bảy sắc, màu sắc, vật thể, cái đẹp...tất cả đều là con trai con gái của ánh sáng. Họa sĩ,

người thể hiện cái đẹp, bước ra từ cầu vòng. Khi thể hiện Con Người và Computer, Nguyên Khai không hề quên điều này”. Cách nhìn ấy tưởng như là đi quá xa đối với cảm hứng từ bức tranh đưa lại, và đúng là đã xa phần nào khi nhìn tấm tranh để phân tích, nhưng xét cho tận kỳ kỵ, để dụng đến bản chất của vấn đề thì có lẽ cũng không có gì sai lầm. Nhưng trước và sau hết, cần nói ngay : đây là một bức tranh rất đẹp, sự hoà hợp của màu sắc, đường nét, hình thể, đặc biệt là ánh sáng của riêng thế giới ấy thì phải nói là tuyệt vời. Thực ít khi chúng ta có một bức tranh đẹp như vậy.

Nguyên Khai là một trong những họa sĩ định cư ở Mỹ sau 1975, vẫn tiếp tục làm việc, có nhiều nghiên cứu và tìm tòi. Phòng tranh với những tác phẩm mới nhất này đã không làm chúng ta thất vọng. Nhưng trên xứ sở rộng lớn và mênh mông này, mặc dù thực sự đây cũng là đất đai của cơ hội, những nghệ sĩ của chúng ta hầu như đã chìm nghỉm vô tăm. Có lẽ để thành công, ngoài tài năng, nghệ sĩ cũng phải bắt được vận may. Tôi cầu chúc Nguyên Khai, một ngày nào đó, sẽ được ngọn lửa của cơ may dẫn đến chỗ ngồi ở những nhà bảo tàng nghệ thuật hiện đại. Đó là hy vọng, giấc mơ và cũng là lời chúc phúc của tôi.

Huỳnh Hữu Uý
(*Nam California*)

(*) Có lẽ chúng ta cũng nên nhớ lại đôi chút về một kinh nghiệm rất đặc biệt của Pop Art với họa sĩ Andy Warhol, với những đồ vật hết sức tầm thường, thông tục, đôi lúc đầy cả vẻ bê rạc nữa, là hình ảnh những đồng đô la Mỹ, những lon xúp với nhãn hiệu Campbell, những chiếc nơ, chai Coca-cola xám, chân dung tự họa, chân dung các minh tinh màn ảnh, các nghệ sĩ trình diễn như Marilyn Monroe, Liza Minnelli, chân dung các lãnh tụ lùng lẫy. Andy Warhol thực hiện rất dễ dàng, ông chỉ chụp lại bằng ống kính polaroid, rồi mô tả lên chỗ cần thiết mà ông thích. Một số tác phẩm ấy hiện đang được trưng lưu giữ ở Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại thành phố New York (*Museum of Modern Art*, thường gọi tắt là MOMA) và Bảo Tàng Nghệ Thuật Mỹ Whitney (*Whitney Museum of American Art*) cũng ở New York. Và mới đây, một kinh nghiệm khác nữa về Pop Art do nữ họa sĩ Phấn Nguyễn Barker mang đến từ một vùng biển quanh thuộc Hawaii thực đầy cảm xúc. Sau 25 năm lưu lạc ở nước ngoài, với những thỏi thúc nội tâm thực hết sức đặc biệt, chị trở về đất nước cũ với một tình yêu sâu sắc về nguồn cội. Từ chuyến trở về đó, chị đã tìm được thế giới tâm linh thực sự của mình, hoà nhập trong tiếng gọi của quê nhà, và cũng ở đó đã nảy nở những hạt giống mới của nghệ thuật, đưa đến một thời kỳ hoàn toàn mới, chị vượt qua hẳn giai đoạn ẩn tu và trừu tượng trước đây. Cuối tháng hai vừa qua, tôi thực hết sức thích thú và xúc động khi chia sẻ với những công trình của Phấn Nguyễn Barker ở Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ (Câu Lạc Bộ VAALA) qua các slides hình chiếu, cùng những phát biểu chân thực mà rất sâu sắc của tác giả. Loạt tác phẩm mới hoàn toàn sử dụng những chất liệu mới, thô sơ nhưng thực tài tình, là những đoạn cây, dây cột, những tấm vải xô gai, những tấm phên đất (thực sự thì không phải phên đất mà là một loại sợi vải xay nhuyễn pha trộn với hoá chất được nghiên cứu công phu, với ý kiến đóng góp của các chuyên gia bảo tàng, để tránh bị biến chất, đổi màu qua thời gian). Phấn Nguyễn Barker đã dựng một thế giới rất thực, sống động, mà lại có nội dung của những ẩn ngữ, đó là những bàn thờ tâm linh của dân tộc, hình ảnh quê nhà nghèo nàn nhưng thân thiết và thiêng liêng. Đó là những bức vách đất, với khung cửa sổ và những tấm vải tang trắng. Để tang trong một trạng thái trầm lắng và tinh lọc. Thực hết sức kỳ diệu : một thứ nghệ thuật quái gở rất Mỹ, rất hiện đại, thì lại nói được rất nhiều về đất nước quê tổ. Hai kinh nghiệm Pop Art của Andy Warhol và Phấn Nguyễn Barker cũng là những chiếc chìa khoá giúp chúng ta tiến vào dễ dàng hơn với Pop-Art-Con-Người-Và-Computer của Nguyên Khai.

đọc sách **đọc sách** **đọc sách** **đọc sách** **đọc sách** **đọc sách**

Nho giáo, sức cản hay động cơ phát triển ?

Nguyễn Thắng đọc “**Đến hiện đại từ truyền thống**”
(Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX -07),
G. S. Trần Đình Hượu, Hà Nội 1994, 250 trang.

Trong thời buổi nực nồng lời ba hoa lòn lõi thật hiếm khi được nghe giọng nói nho nhã, chẳng khác của một hiền giả phương Đông ngày xưa. Ôn tồn nhắc nhở một sự thật muôn thuở của thân phận làm người : “ Con người bị điều kiện hoá trong môi trường xã hội, trong ý thức hệ truyền thống, ra sức vươn lên phía trước, có khi tưởng mình đã hết nợ với quá khứ lại đẩy bánh xe lịch sử trượt vào rãnh mòn của quá khứ ! ” Để đặt cùi chỏ vấn đề truyền thống – mà Nho giáo chiếm địa vị chi phối suốt hàng nghìn năm – trong bước con người Việt Nam đi vào hiện đại. Đúng lúc. Biết bao người “ ... tự coi là rũ sạch ảnh hưởng Nho giáo, lén án Nho giáo kịch liệt, nhưng vẫn sống vẫn nghĩ rất “ Nho ” . Trong một thực tế như vậy, Nho giáo không chỉ là còn mà tư tưởng từ ngoài vào cũng bị Nho hoá ... ” (tr.3, *Lời Tựa*) (chữ đậm do N.T. nhấn mạnh).

Nhận diện ra cốt lõi, nêu vấn đề cần phải nêu. Một điểm son.

Điểm son khác là tính trung thực của người trí thức. Toát ra suốt trên hai trăm trang sách. Điều mà người đọc đã cảm thấy ngay từ *Lời Tựa*. Tập **Đến hiện đại từ truyền thống** gồm những bài viết trong nhiều năm, không liên tục và không theo một kế hoạch dự định từ trước, hầu hết là những bài tham luận trong những cuộc hội thảo khác nhau. Thời điểm viết cách nhau rất xa. “ Hai mươi năm là một thời gian dài, cuộc sống đã có nhiều đổi thay. Song, tôi chủ trương in lại nguyên văn như khi viết ban đầu, không sửa chữa để giữ tính lịch sử của hoàn cảnh đặt vấn đề và tư tưởng người viết. ” (tr.9)

Tham vọng tác giả thật khiêm tốn. “ Những bài được lựa chọn đưa vào tập sách (...) chỉ có ý nghĩa là tiêu vè, có ý nghĩa đặt vấn đề. ” (*Lời Tựa*, tr.8) Cái khiêm tốn của con người nghiêm túc, tránh được cách đe dọa vấn đề thô thiển : “ Giữa những năm 80, có nhiều cuộc hội thảo bàn về chiến lược phát triển, về đặc sắc văn hoá dân tộc. Mỗi quan tâm lớn là xây dựng kinh tế, dân chủ hoá xã hội và xây dựng con người mới. Truyền thống được chú ý nhiều hơn trước, nhưng trong cách hình dung công việc xây dựng xã hội và con người vẫn là tìm một mô hình lí tưởng và tìm cách áp đặt nó vào thực tế. Truyền thống cũng được hình dung là những mặt hay, mặt dở để phát huy hay khắc phục. Mà mặt hay thì nhiều hơn mặt dở. Nó mất đi tính sinh động thực tế bám vào những thiết chế xã hội, những con người, tác động vào phong tục tập quán, vào tâm lí xã hội, nói tóm lại là không dễ tự do lấy bỏ, lựa chọn. ” (*Lời Tựa*, tr.4).

Khiêm tốn mà nêu lên những vấn đề thiết thân cho tiền đồ dân tộc : đặc điểm và vai trò của Nho giáo và Nho học ở Việt Nam trước thực tế phát triển thời cận - hiện đại ; con người Việt Nam với truyền thống văn hoá Nho giáo ; vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc ; truyền thống nho giáo và dân chủ ; “ làng - họ ” trong quá khứ và hiện tại ; gia đình truyền thống

Việt Nam với ảnh hưởng Nho giáo, v.v...

Không thể và có lẽ cũng chẳng nên tóm tắt ngắn ngủi những nhận định sâu sắc, những ý kiến đúng đắn và xây dựng rút ra từ các suy luận, tìm tòi nghiêm chỉnh. Xin đơn cử chủ trương sau đây : “ Vào những năm 1986, 1988, sự thành công của Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Đài Loan và Trung Hoa lục địa thu hút sự chú ý của nhiều người.... Tôi đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu xã hội hoá trong tiến trình hiện đại hoá. (...) Xã hội hoá là phá vỡ cơ chế xã hội chỉ tập trung vào hai khâu nhà nước và gia đình. Nhà nước chỉ huy và ban phát, gia đình thành hộ dân cư để đóng góp cho làng cho nước. Con người do đó là của cộng đồng, không có nhân cách độc lập, có sở để xây dựng chế độ dân chủ. Trên cơ sở con người cộng đồng để ra chủ nghĩa tập thể, còn trên cơ sở những con người xã hội có nhân cách độc lập là sự hợp tác tự nguyện để hình thành những tổ chức tự quản. (...) Xã hội hoá hay khuyến khích hợp tác, hay mở rộng mạng lưới các hội, xã tự nguyện, tự quản cũng là tránh hai chủ nghĩa cực đoan là chủ nghĩa cá nhân của chủ nghĩa tư bản phương Tây và chủ nghĩa tập thể của chủ nghĩa xã hội phương Đông. ” (*Lời Tựa* tr. 5) Và để bạn đọc tự phát hiện lấy các điều lý thú trong quyển sách phong phú này. Chỉ xin nêu lên vài điểm riêng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đưa vào ta hầu như không gặp một phản kháng nào từ phía các hệ tư tưởng truyền thống : “ Nho giáo là một học thuyết quan tâm đến con người, cuộc sống, quan tâm cứu thế, xây dựng xã hội lí tưởng, chủ trương con người sống có trách nhiệm, vì nghĩa, vì đời, nên để hoan nghênh một học thuyết khác với chủ trương đấu tranh cải thiện đời sống chính trị, cải tạo xã hội, xây dựng xã hội lí tưởng, mà lí tưởng cộng sản, theo cách nhìn của các nhà Nho thì lại rất giống với lí tưởng Đại đồng của thánh hiền. Thực ra, trong tài liệu tuyên truyền những năm 1926 - 1930, người ta dùng chữ thế giới đại đồng để chỉ xã hội cộng sản. ” (tr. 89) Nhưng chủ nghĩa Mác bị tinh thần Nho giáo sờ lược hoá “ thành một thứ lí tưởng của những chính nhân quân tử tiên tri tiên giác. Nội dung triết học, khoa học bị tước bỏ hoặc giải thích tuỳ tiện theo kiểu Nho giáo ”. Nhận xét sâu sắc.

Người đọc chỉ tiếc là không thấy tác giả đặt cho tương xứng với tầm quan trọng của nó một mặt khác của vấn đề, ngay cả trong bài **Vài điểm xuất phát cho công cuộc mở rộng dân chủ trong xã hội ta**. Một vấn đề mà cách đây gần 30 năm đã làm cho Etienne Balazs thao thức những năm cuối đời của ông ta. Về cái Balazs gọi là “ bộ máy quan liêu thiên triều ” (la bureaucratie céleste) mà ta cũng sao chép được gần như nguyên bản.

Suốt hơn hai nghìn năm, từ 221 trước công nguyên cho tới nay, của thế kỷ thứ 20 này đã trường cửu tồn tại ở Trung Quốc một tầng lớp quan lại - nho gia, số lượng tương đối không bao nhưng nắm quyền hành thực tế. Với một bộ máy - bộ máy nào cũng đặt sự tồn tại của nó lên trên số phận con người - nhà nước do chính tầng lớp đó tạo nên, thống trị và kiểm soát hầu hết mọi mặt của đời sống.

Nhà nước là bộ máy, bộ máy là tầng lớp quan lại - nhà nho. Họ thế nào, nhà nước thế nào : tôn ti trật tự, độc đoán, già trưởng và chuyên chế. Một nhà nước toàn trị, nếu ta hiểu toàn trị là nhà nước trực tiếp trị mọi sinh hoạt xã hội, từng con người. Hầu như không một lĩnh vực nào thoát khỏi quy định chính thức : thương mại, khai thác khoáng sản, xây dựng, lễ nghi, ca nhạc, học đường, toàn thể đời sống công cộng và phần lớn đời riêng tư...

Quyền lực của tầng lớp tinh hoa chủ nghĩa trong xã hội này là do chức năng của họ mà ra : lãnh đạo, điều hành, kiểm

soát mọi công việc sản xuất của các tầng lớp khác trong xã hội. Không chuyên sâu một địa hạt nào, nghề của họ là cai trị. Cai trị, chỉ thế thôi.

Qua bộ máy, quyền lực tầng lớp quan lại - nhà nho thực tế có nhiều mặt vượt nhau vua. Thiên tử ở trên mọi thần dân thật. Nhưng làm vua là do "mệnh trời", mà lý giải điểm trời và lòng dân để hiểu thiên mệnh ra sao lại là việc của nhà nho. Họ nắm quyền tự tái sản sinh : độc quyền giáo dục trong tay họ. Và quyền ghi lại cho hậu thế các sự kiện lịch sử qua cách nhìn riêng của họ : sử chính thống là họ viết.

Còn nhiều nét toàn trị khác. Không khí nghi kỵ, ngò vực lẫn nhau, không chừa một ai. Người này dò xét người kia, quan cao đến đâu cũng có thể một sờn một chiều mắt chức, bay đầu chỉ vì lời tố cáo từ đâu đâu. Tính cách độc đoán của pháp lý, bị cáo xem như có tội. Quan niệm trách nhiệm tập thể, không một ai không phải sơ sệt. Kể cả các quan lại. Vì, như trong mọi chế độ toàn trị, quyền lợi nhà nước không đếm xỉa con người cá nhân là một vấn đề nguyên tắc.

Một đặc điểm của con người trong bộ máy nhà nước quan liêu này tưởng cũng nên nhắc qua : trốn tránh trách nhiệm. Phương châm của các quan duòng như "Miễn là được vô sự !" Rủi chuyện xảy ra không tránh được thì đổ lên đầu cấp dưới.

Những nét thật hao hao bộ mặt xã hội chủ nghĩa hiện thực. Balazs tự hỏi làm sao Trung quốc ngày nay có thể thoát khỏi cái quá khứ này ? (xem *La bureaucratie céleste*, Gallimard, Paris 1968, tr. 33 - 46) Chế độ quan quyền biến tầng thống trị Nho giáo thành một đẳng cấp chức vụ. Nó là một lợi khí che đậm sự cấu kết hữu cơ giữa thành phần quan quyền với lớp địa chủ nông thôn để đàn áp giai cấp thương gia và chế ngự tập đoàn quân sự đứng đầu sau chính quyền nhà vua. Cho đến khi bộ máy cầm quyền trung ương thoái hóa (Minh - Thanh) thì sự cấu kết đó đã cấu tạo nên một giai cấp thống trị mới : địa chủ cường hào (gentry), nền tảng xã hội của chế độ Trung Hoa Dân Quốc. Không thấy g.s. Trần Đình Huệ đặt vấn đề này cho Việt Nam ta, mặc dù về mặt này ta gần, rất gần Trung quốc.

Phải chăng vì tác giả theo phân kỳ lịch sử của Trung quốc bao gồm vào thời kỳ "phong kiến" tất cả thời gian từ sau thời kỳ chiếm hữu nô lệ (xem như là một định đê tuy rằng niên đại thì mỗi sứ gia mỗi khác) cho đến năm 1949. (bản thân Marx thì xếp phong thức sản xuất châu Á ra riêng) Mà coi nhẹ tầm quan trọng của "bộ máy quan liêu thiên triều". Hay vì bế quan toả cảng, người làm nghiên cứu không được tiếp cận rộng rãi học thuật thế giới ? Hay ở vào tình thế các nhà nho xưa - Đỗ Phủ đời Đường nói chuyện thời sự thì mượn thể khúc ca đời Hán, dùng điển đời Hán - nhiều chuyện biết mà để bụng ?

Hay khuôn khổ quyển sách do ban chủ nhiệm "Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX - 07" chủ trì và xuất bản không cho phép đào sâu vấn đề. Đề tài đã được tác giả đề cập ở những bài đăng nơi khác chăng ?

Chân thành mà nói thì sách nhanh nhản những nhận định sâu sắc, những ý kiến hay, thế mà xếp sách lại người đọc không khỏi vừa thòm thèm vừa ấm úc.

Phần vì chỉ lướt phớt qua đa số đề tài. Chẳng hạn như vấn đề "làng - họ". Không thấy tác giả đi sâu vào điểm đặc trưng Việt Nam ấy. Trung quốc có làng xã, nhưng chức năng khác với ta nhiều. Họ hàng nối trội, át hẳn quan hệ làng xã.

Việt Nam ta có khác. Làng là cả một thế giới. Trong đó có họ hàng, ảnh hưởng Trung quốc ghép vào. Các họ so kè với nhau để giành về mình từng mẩu quyền lực trong cái thế giới cỏn con đó, từ xa xưa. Họ to thì quyền nhiều, họ nhỏ lép vế hơn. Có giằng co, có kèn cựa, đôi khi gay gắt, nhưng vẫn chung sống

một làng. Ông Lý hất cẳng được ông Bá thì vừa lòng với cái thế trên chân đó thôi. Không tìm cách diệt ông Bá cùng họ hàng phe cánh ông này.

Phải chăng cung cách cư xử đó thành ra nếp xử thế của ta. Không quyết liệt tìm cách loại đối phương. Phải chăng vì thế có khác với Trung quốc, nơi tranh giành quyền lực thất bại thì mất sạch, không bị giết cả đám đã là may. Ở ta, không phải không có chuyện tranh giành quyền thế, nhưng cứ lặng như tờ sau lũy tre xanh. Kẻ thất thế vẫn ngồi đó, vẫn tham gia việc nước việc làng, tuy không phải như lúc thời vận khai hòn... Có thể là một điều hay. Nhưng giá phải trả là không có việc gì quyết định mau chóng và dứt khoát được. Thế và lực chưa phân ngã ngũ, thì việc cấp bách đến đâu cũng ngâm đầy, đợi giải quyết theo lối của ta. Thầm lặng như sau lũy tre làng. Trong cái thế giới vận hành theo tốc độ ánh sáng ngày nay hệ quả lối xử sự như thế là những gì ?

Suy đi ngẫm lại duòng có cái gì mâu thuẫn. Giữa ý niệm nghiên cứu của tác giả – hướng về nhìn Nho giáo một cách cụ thể, không phải trong kinh điển mà trong đời sống, không để yêu cầu thực dụng lèo lái, gö bö tầm nhìn vào những chân trời thiển cận – và khuôn khổ của các cuộc hội thảo, của chương trình nhà nước KX-07. Mục tiêu thường rất là thực dụng, bài vở cũng phải hạn hẹp, nặng về khẳng định có khả năng đem áp dụng vào cụ thể hơn là chú trọng tính cách nghiêm túc trong nhận định, trong lập luận. Chưa kể có khi bị rút ngắn, bỏ bớt...

Giới hạn đó người đọc cảm nhận suốt quyển sách. Hắn cũng vì thế mà đó đây có thể nhặt được những lời, những ý như ở trang 18 "Cái lối đó là tiêu chí để nhận diện tàn dư Nho giáo trong thực tế xã hội ngày nay, là cái cần phải phá bỏ một cách khoa học để thanh toán ảnh hưởng của Nho giáo." Nó phản ánh yêu cầu "phê Khổng" thanh toán Nho giáo, một thời gian dài rất nặng nề ở Trung Quốc và ở ta, hơn là mục tiêu nghiên cứu rất khoáng đạt của bản thân tác giả.

Ta chỉ biết tiếc cho khuôn khổ tinh thần chủ trì sự thực hiện quyển sách, tác giả không trình bày đề tài được thoải mái như với những nhà nghiên cứu khoa học, với mọi ai lưu tâm đến vấn đề. Tiếc cho hướng nghiên cứu của tác giả chưa được khai triển đúng với tầm mức của nó.

Và ta cũng đồng tình mà thở than với tác giả : "Hầu như ta chưa có một cơ sở nghiên cứu nghiêm chỉnh Trung quốc, Nhật Bản, Thái Lan và cả Lào, Campuchia nữa. Ta tự cô lập như thế không phải là tránh được mọi ảnh hưởng để tự quyết định lấy việc của mình. Làm như thế chỉ dẫn đến kết quả là không học được kinh nghiệm hay dở một cách kịp thời ở các nước giống mình ; và hơn thế còn là không hiểu mình để dự kiến, để chuẩn bị cho những tình huống phát sinh đúng theo quy luật chung của cả vùng." (tr. 173)

Khi nào nghiên cứu khoa học không còn bị yêu cầu thực dụng gö bö vào những chân trời thiển cận, khi người nghiên cứu được điều kiện tiếp cận và trao đổi dễ dàng với học thuật thế giới, khi ấy rộng thêm kiến thức mới.

Và khi ấy, quay nhìn lại ta có điều kiện hiểu ta hơn. Có yếu tố để hiểu tại sao văn hoá gần nhau đến thế mà cuối thế kỷ thứ 19 Nhật thì vươn lên nước phát triển hàng đầu thế giới, ta lại mất nước, nô lệ gần một thế kỷ, Trung quốc lận đận lặn hụp trong chậm tiến hàng mấy thập kỷ. Hiểu được trong những điều kiện nào truyền thống – trong đó có truyền thống Nho giáo – trở nên sức cản, và trong những điều kiện nào cũng những truyền thống đó lại thành động cơ cho phát triển ?

Nguyễn Thắng (tháng 7.94)

ngọc khôi

ký thác

Chỉ thế thôi

dùi trăng hoài làm sao được

Nỗi buồn đêm thăm thẳm mười phương

Khi ngâm lại

Đời : bầy hư vọng

Sao vẫn còn nuối tiếc, si mê

Chưa bao giờ sống đủ với quê hương

Đã đi tìm chân trời khác

Chưa bao giờ dành dụm gì cho quê hương

Đã cuộc sống tặng quê người

Chưa bao giờ thấy đủ núi quê hương,

tắm đủ sông đủ biển

Đã tự đến giam mình trong những rừng cao ốc kia.

Chưa bao giờ thương yêu đủ thân sơ

như lòng hằng mong ước

Chưa bao giờ bằng vòng tay nhỏ bé

ôm đủ bạn bè vui

Uống hết ly rượu ngon một thuở

Thâm tạ nhau đã gặp gỡ kiếp này

Cũng chưa bao giờ trao đủ cho em nồng cháy

của thịt da, ngọt mềm trên môi luối

và cuồn cuộn chảy sinh lực anh

Để dành cho nhiều mưu sinh khác

Chưa bao giờ cầm đủ bàn tay, nói "tôi yêu em"

Sợ lời yêu hoá tầm thường

Chưa bao giờ leo núi tìm ra cho em đoá hoa đẹp nhất

Như đồng tiền tượng trưng trả lại

Một cuộc đời và một tuổi trẻ đã hiến dâng cho anh

Chưa bao giờ, chưa bao giờ làm được điều gì

Không bao giờ, không bao giờ làm đủ điều gì

Nhưng chỉ thế thôi

Hái sao hoài làm sao tôi

Hái buồn tôi

gửi khắp mười phương

Tâm vẫn biết :

không còn gì vọng tưởng

Sao vẫn nhiều nuối tiếc và si mê

Ừ, chưa bao giờ chết đủ trên quê hương

Sao đã mượn quê người ký thác ?

Paris

Ngọc Khôi (anh ruột Trần Vũ) vừa cho ra đời tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của anh : **Trong Vườn Chuối** (nhà xuất bản Xuân Thu). Anh đang nằm trong bệnh viện tại Paris, chống trả cơn bệnh hiểm nghèo. **Diễn Đàn** ghi nhận **Ký thác** của anh như một lời tri ân và gửi tới tác giả lời chào cảm mến.

lê thị thắm vân

là em

Này anh,
em không phải nói rằng em yêu anh
em không phải nói rằng em nhớ anh
em không phải nói rằng em cần anh.

Mà em sê,
làm cho anh yêu em
say đắm, nồng nàn
trên từng ngày
còn lại
đời anh
ở trần gian này

California

jirí kolár

không bao giờ có ai

Hãy vạch dưới đất một hình vuông
một hình tròn
một hình tam giác
rồi một hình thang
Đặt vào một trong những hình ấy
một đồ vật vẫn dùng hàng ngày
vào hình thứ nhì một cuốn sách
cuối cùng bước vào hình còn lại
— thủ mươi sáu cách phối hợp khác nhau
mà bốn hình này cho phép
Rồi mở máy phát thanh
cởi quần áo
cột vào mình trần cái đồ vật kia
cuốn sách và cái máy
tẩy sạch các ý nghĩ khỏi đầu óc
ở yên vài giây rồi nói :

— Ta đã yêu em ngay từ phút đầu...

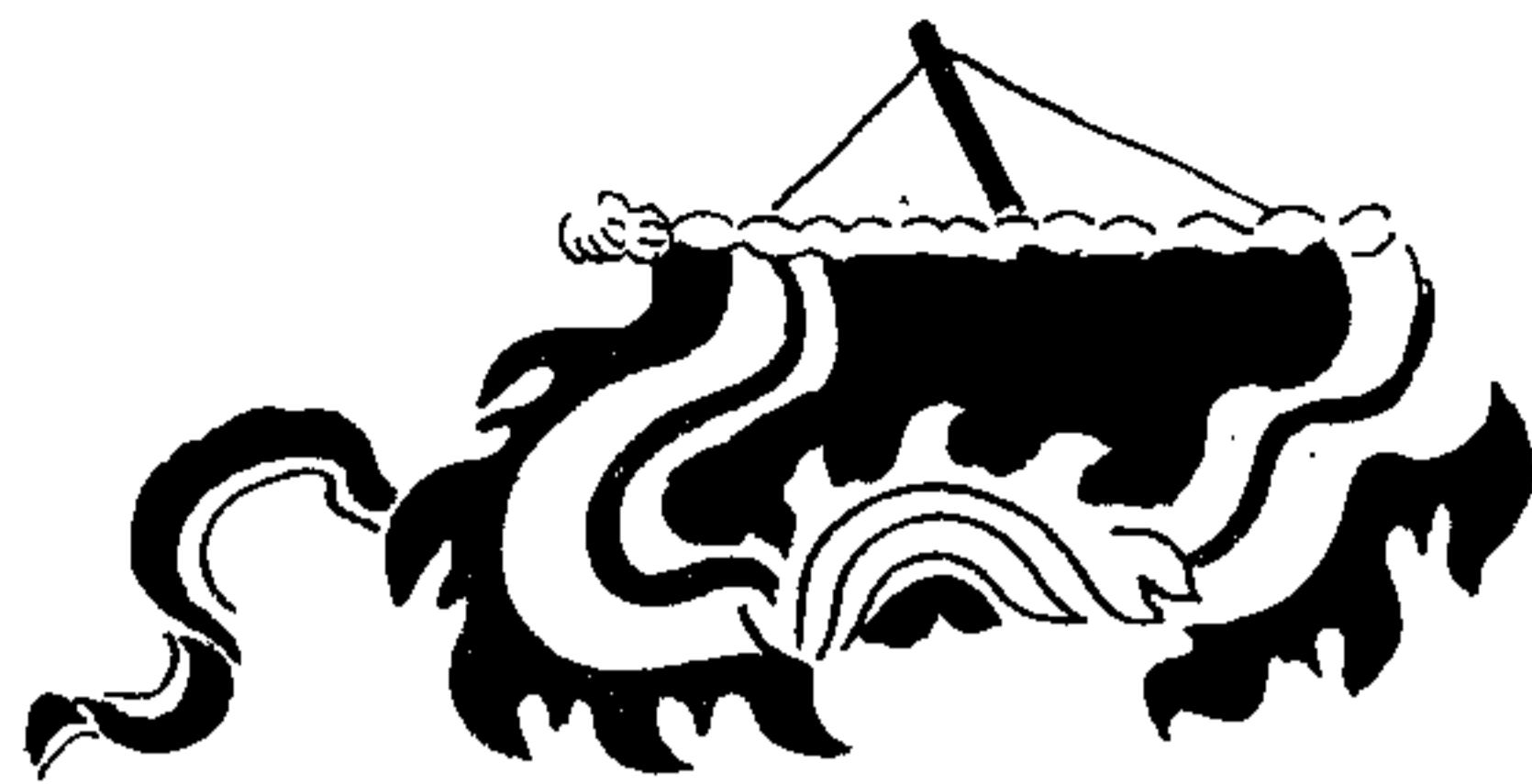
Dỗng tai và đáp lại lúc sau :

— Ta đã ghét em ngay từ phút đầu...

Dỗng tai và tiếp tục lúc sau :

— Không bao giờ có ai yêu em và ghét em như ta.

trích từ tập thơ **CÁCH DÙNG**
bản dịch của Diêm Châu
Nhà xuất bản Trình Bầy, 1994



Điệu Thuyền

truyện ngắn
MIÊNG

Chị bước đi với những bước chân chơi vơi vô hồn. Cũng không phải là lần đầu tiên trong đời hai bàn chân dong đưa chị vào nỗi u mê vô định như vậy, nhưng lần này thì quả thực là chị cứ như một chiếc lá khô để cơn gió mặc tình cuốn đi lơ lửng, ngập ngừng.

Thỉnh thoảng một báy xích lô tấp tới gần, mời cô hai ơi xích lô cô hai. Chị đủ bình tĩnh mỉm cười đáp lễ. Cái mỉm cười của một Điệu Thuyền sắc nước hương trời nhưng chưa bao giờ làm xiêu lòng Lũ Bố — Lũ Bố của chị. A, *Lũ-Bố-của-em!* Chị khụng lại giữa trời Sài Gòn nắng chang chang tháng sáu, một tay đưa lên đầu, vẻ sững sờ như bất chợt vừa khám phá ra điều gì. Chị nhíu mày kêu lên, mắt reo vui :

— Thị ra là tại anh chó ai? Anh đã cướp đi mất tiếng hát của em rồi chó còn tại sao nữa?

Tay tự động buông cái xách ra, chị ngồi bệt xuống đường và bắt đầu làm điệu bộ hát. Không ai nghe gì nhưng cứ nhìn chị trong tư thế đó thì người đi đường quay lại cười, bảo chị điên. Phải, chị điên. Hồi mười sáu tuổi hát văn nghệ cho xã, bạn chị cũng bảo điên hay sao mà chị đóng nhiều màn như vậy, mắt bao nhiêu ngày giờ tập dượt. Nhưng khi khán giả ra về hết, một người đàn ông đứng tuổi chờ chị trước cổng trường, bảo :

— Cháu gái, cháu có giọng ca rất hay. Nếu hoa mở gánh hát, cháu làm đào chánh chịu hông?

Chị tròn mắt nhìn, không nghĩ đến chuyện trả lời. Đó là cái mộng chị vẫn nuôi từ hồi mới biết hát tập tành. Ông ta cười :

— Đừng lo, có cái cháu thiếu tập đợt kỹ thực thôi. Rồi hoa sẽ chỉ thêm cho cháu.

Chị vể mừng rõ khoe với mẹ và cười vang vang. Mẹ bảo :

— Cái con này, cười gì mà cứ như con điên vậy. Bao giờ ống lập gánh hát thiệt hăng hay chó chưa gì mà đã cõn lên.

Ông ta là một nghệ sĩ già về vườn, và nói là làm. Gọi là gánh hát nghe cho nó sang chó chỉ có một ông già ôm cây dòn kìm, một anh kép trẻ cũng chẳng hay ho gì hơn chị, và

ông ta thôi. Tuồng *Con Tấm Con Cám* thì anh kép trẻ phải hoá trang thành con gái để làm đứa em độc ác hành hạ chị. Tuồng *Trầu Cau* thì ông già phải dời thật nhiều phẩn lấp bót các rãnh nhăn nheo làm ông anh hoài công đi tìm người yêu và đứa em trai. Tuồng *Phạm Công Cúc Hoa* thì ông cạo nhẵn râu đóng vai bà mẹ, ngồi bắt chấy cho hai con trên nấm mộ của chính mình. Và tuồng *Thạch Sanh Lý Thông* thì ông cố vẽ cặp mắt đã sụp cho rõ to với vẻ dữ dằn đanh ác, mặc dầu chưa ai biết Lý Thông thật có bộ mặt như thế nào... Bộ bốn nương vào nhau mà sống. Hát hết đình này tới miếu nọ, nào có tổn tiền thuê rạp. Cảnh chiến trường thì bẻ vài nhánh cây dắt lên và cảnh khuê phòng thì dùng tấm chăn của ông già đã mòn rách tự muôn đời. Vậy mà cũng có người coi, cũng được thiền hạ vỗ tay và cuộc đời vẫn tiếp tục. Chị cũng tậu được mấy cái áo lụa nội hoá đủ màu, tạm thay đổi cho các vai chị đóng. Mà nào có ai đòi hỏi chi nhiều!

Họ đi gần hết các xóm làng khắp miền Nam để hát. Cũng vẫn chừng đó tuồng hát đi hát lại. Được một năm thì bạn anh kép trẻ là lính ở Huế về thăm nhà. Mấy hôm đó trời mưa tầm tã, các đường làng lầy lội nên gánh hát tạm nghỉ vì không ai đi xem. Nhưng nếu có khán giả thì diễn viên cũng không có đủ hơi sức đâu mà gào thi với gió. Anh kép trẻ rủ bạn lính đến chơi tán gẫu. Chuyện lính thì có gì để kể ngoài đời sống phong trần của một quân nhân và những trận đánh nhau. Và làm sao một chuyện tày trời như Tết Mậu Thân ở Huế mà một người lính từ đó trở về lại không lấy làm cái tin sốt dẻo nhất. Kể nhiều chuyện xong, anh lính bảo :

— *Du me*, tui có kể tối tháng sau thì cũng hổng tả hết cái ác độc, cái rùng rợn của tụi nó được. Mấy ông bà là nghệ sĩ thì diễn tả mót hết ý chó tui nói thì nhầm nhò gì. Nhai đi nhai lại hoài ba cái tuồng cũ chán thấy mẹ!

Phải! Phải! Hai ông kép hì hục hơn tuần lễ soạn ra một tuồng mới. Ông kép già chỉ vào mặt anh kép trẻ :

— *Thằng sī huan* ngụy ác ôn kia, mày đã tới ngày đèn nợ máu nhân dân rồi.

— Đồ Việt cộng khát máu...

Nhưng ông đâu để anh nói hết lời rủa sả quân miền Bắc, ông bắn anh kép trẻ sĩ quan. Gọi là “sĩ quan” cho cái chết của anh xứng đáng với viên đạn bộ đội mà tiếng nổ là do ông dồn kìm tạo ra, chó trên cổ áo bộ đồ lính anh bạn cho đâu có lon lá gì. Sau đó thì xác chết lăn vào trong, đội lên đầu cái mũ bộ đội đan bằng tre sơn xanh chạy ra, và cùng với người vừa giết mình xăng xá đào hố chôn tập thể hàng loạt người. Đêm đó chị bận nhiều áo, mỗi lần chạy vô là cởi bỏ một lớp rồi chạy ra, như thể một người đàn bà khác đang kêu gào cảnh thân nhân mình bị nạn. Cuối cùng tóc xoã tung, ràn rụa nước mắt, chị chạy hẳn xuống đám khán giả, chạy tuốt ra khỏi cổng đình. Tiếng vỗ tay vang lên nhu sấm :

— Hoan hô! Hoan hô cô Diệu!

Băng đi mấy năm không nghe tin tức gì của anh bạn lính. Đúng một cái, năm bảy hai anh trở về Nam. Cái hàm anh chỉ là lính quèn mà cái mạng anh lại to, to hơn rất nhiều ông tá, ông úy. Trải bao truân chuyên, anh vẫn còn đủ tay chân để chạy về thăm mẹ, thăm bè bạn xóm giềng. Anh lại kể về

mùa hè đỏ lửa, về con đường Quốc lộ số 1 đầy xác người nằm tênh hênh cho ruồi nhặng đậu, về những thân thể nhầy nhụa máu me cố lết từng tấc đường, về những bàn chân còn sống chạy như quỷ ám, về những đứa bé đi lang thang thất thểu như những con ma Hời, về những trẻ sơ sinh ngậm hoài vú mẹ hãy còn dính trên thân thể quánh máu...

Lại một tuồng khác ra đời. Lại những lời danh thép tàn mạt anh kép trẻ sĩ quan nhổ vào mặt ông kép già Việt cộng, và lần này thì anh ta bắn chết ông kép già. Nhưng ông kép già Việt cộng kiên trì với ý chí quyết giải phóng miền Nam, nếu chưa xong thì không chịu chết, ông đòn kìm phải tạo ba tiếng nổ chát chúa, ông mới chịu ngã gục thực sự ! Kết quả là ba năm sau, chính cái anh đạp xe ba gác chở hàng ở xóm, ngày nào vẫn đi xem tuồng say sưa, vẫn vỗ tay hăng hái, bây giờ dắt anh công an khu vực từ Bắc vào, tối cùng tay hai người kép hát.

— Đi, các anh vào trại mà hát với hổng.

Người đúng xem chật ngõ. Ai đó thầm thút nói :

— Ua, họ có làm gì đâu, họ chỉ hát thôi mà ?

Anh công an cười gằn, giọng vẫn đều nhưng rất lạnh :

— Chỉ hát thôi chớ làm nên trò trống gì. An nhàn thế sao không muôn yên, lại hát điệu bậy bạ phỉ báng cách mạng ?

Ngày ấy cũng như bây giờ, chị không khóc. Chị đã khóc quá nhiều trong các tuồng chị đóng. Chị đứng sững, mắt mờ to nhưng hình như không thấy gì, hai tay đưa lên trời rồi hạ xuống, môi mím chặt. Dưới cái nắng chói chang mùa hạ, mắt chị đưa với ánh mặt trời túa dom đóm vì uất, vì bất lực. Nhưng chị chỉ lặng lẽ nhìn theo, quên cả khấn Trời Phật phù hộ cho họ mau về, để đưa con trong bụng chị khi ra đời không những có cha mà còn có ông ngoại nữa.

Chị về quê với mẹ. Ngày qua ngày, túi tiền dành dụm teo đi mà bụng thì căng ra, chị vẫn một mình. Rồi thằng con trai ra đời, chị vẫn một mình, vẫn chờ đợi, chờ đợi mỏi mòn như thiếu phụ Nam Xương. Thằng nhỏ bụ bẫm một hôm nóng sốt, bà bác sĩ trưởng trạm y tế ngoài Bắc vào, bảo nó bị lao. Bà chích cho nó hai ngày hai mũi thuốc, vào hai cái móng da mỏng như giấy quyến. Ba tháng sau chị tê liệt nhận thấy cặp chân con mình cứ teo tóp ngày một ngày hai...

Ông đòn kìm tối tìm chị :

— Diệu à, hay là chú cháu mình ra chợ, tao đòn mày ca kiếm *tiếng*.

Chị không hát nổi. Chị không quen hát một mình. Với lại giọng chị như cứ lạc đi, không ăn nhịp nữa. Chị mua bộ bài ra ngồi kể túp lều người bạn hàng xén ngoài chợ, bói cho người ta. Những ngày mưa gió không hát, ông kép già thường

MIÊNG sống và làm việc (quản thủ thư viện) tại Pháp. Trước 1975, chị sống tại Sài Gòn và đã bắt đầu sáng tác (một tập truyện ngắn đã được xuất bản).

Mấy năm gần đây, truyện ngắn của chị đã xuất hiện trên báo chí Bắc Mỹ (Hợp Lưu, Thế Kỷ 21).

Đây là truyện ngắn đầu tiên đăng trên đất Pháp, Miêng đã dành cho Điện Đàn. Xin cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu với độc giả.

bày chị cách bói :

— Cứ con rô là có *tinh túc*, *tinh dui* hay *buồng* còn tì con gì đi theo. Con bích là cầm chắc trong tay *chiêng* rắc rối *buồng phiềng*. Con chuồng là *tiềng* mồi *dô* hay *sắp dô*. Cứ nói *sắp dô* cho bà con sướng. Họ có nói *dô* rồi thì nói nó còn lấp ló ngoài cửa, chờ *dô* nữa. Còn con cơ thì do chữ Tây mà ra, là con tim, là có *chiêng* yêu đương tình cảm gì đây.

Rồi ông cười khà khà :

— Bói cho ai, tao cứ trông *mặc* mà *bắc* hình *dong*, mù lẩn chắc mẩm hết *chính*. Hồi đó trong đàng, ngay cả ông bà bầu cũng *tinh hoé* tao bói. Mẹ, cái thời *dàng son* thiệt !

Ông truyền cái *thời-dàng-son* đó cho chị nên chị cũng đủ nuôi con qua ngày. Nhưng chẳng bao lâu thì công an lại cấm, bảo chị gieo rắc mê tín dị đoan, nếu còn tiếp tục thì sẽ bắt đi cải tạo, cao rửa cho sạch cái dầu u mê nhớp nhúa đi. Chị đành gởi thằng bé nhờ bà ngoại trông nom, lên Sài Gòn đất rộng mênh mông không ai kiểm soát xuể thì hy vọng có thể sống bằng cái nghề này được...

Chị quỳ xuống trước mặt Lữ Bố. Bàn tay mặt cầm ly rượu với ngón út cong lên như một cánh ngọc lan. Tay chị từ từ nâng ly rượu lên khỏi đầu một chút — cánh tay không được thẳng, phải giữ dáng điệu cái gì cũng cong cong, thật mềm mại, thật đàm bà, thật ấm ờ, thật gợi cảm, thật quyến rũ và thật dài các. Tay trái theo câu hát vẽ thành một nửa vòng tròn, từ dưới đưa lên rồi dừng lại kề bàn tay mặt, trong tư thế dâng rượu bằng cả hai tay, trang trọng, phục tùng. Đôi mắt mà cách hoá trang làm cho thêm to, thêm xếch, thêm tình tứ đầy đưa thì chị liếc xéo Lữ Bố, vừa lắng lờ, vừa âu yếm, vừa ra vẻ e ấp thận thùng.

Bao nhiêu tuồng chị đã diễn rồi, bao nhiêu vai tiểu thư công chúa chị đã thủ rồi, nhưng chỉ có màn này, màn Lữ Bố Hí Diêu Thuyền, là chị ăn ý nhất. Chị đóng vai đó nổi bật, tuyệt vời, cực kỳ thành công và mãn nguyện. Chị sống trong Diêu Thuyền và là Diêu Thuyền, để chuốc rượu nồng cho Lữ Bố. Chị cũng thích tiểu thư My Nương, éo lả trong căn bịnh tương tư để khi gặp Trương Chi thì vỡ mộng và truyền bịnh lại cho chàng chèo đò khổn khổ ấy. Chị cũng thích công chúa My Châu, trong đêm thoát tha chạy với cái áo choàng trắng trong suốt như tơ trời, với mái tóc xổ tung, khi gặp vua cha thì nũng nịu nói dối “*Con tìm phụ vương đi nơi nỗi. Vì sao cha yêu trán hoen sầu ? Phải chăng vì thành xây không...*”. Ô, chị không mê lắm. Chị đã rút hết lông ngỗng trên chiếc áo ngực hàn để đánh dấu đường đi cho Trọng Thủy, nhưng hình như chàng tìm không ra, vì chị không gặp... Chị không gặp anh ấy ở đâu cả, trừ ở Lữ Bố Hí Diêu Thuyền...

Người đi đường bắt đầu để ý chị. Họ dùi chị vào ngồi dưới bóng râm và nói với nhau :

— Tội nghiệp, bây giờ sao lăm người quẫn trí quá !

Chị gật đầu, đưa tay sờ soạng vừa tìm vừa hỏi :

— Bà coi chuyện gì ?

Người ta nhìn nhau ái ngại. Chị nhô rồi, cặp vợ chồng ấy sang trọng và anh chồng thì cực kỳ ít nói. Khi quẻ bài lật ra, chị nhìn họ chăm chú, không biết nói gì. Vì nó lạ quá. Ai tối chị bói bài cũng với một ước mơ giản dị là *đi xa*, coi cho biết

có được tới nơi tới chốn bình yên không. Cứ như một cơn sốt đi. Ai cũng muốn, ai cũng liều, cầm bắng như đánh cá mặng người. Nhiều người cũng vì đi mà sạt nghiệp trống tay. Nhiều người cũng vì đi mà gia đình tan nát. Nhiều người cũng vì đi mà làm mồi cho cá biển. Nhiều người cũng vì đi mà đem thân làm nô lệ xứ người... Rồi họ lọc lừa gạt gãm nhau, tán tận. Ban đầu thì gạt người dưng, rồi tới gạt người quen và cuối cùng thì gạt người thân. Ai vẫn thường nói người Việt Nam ta không có thói quen đi xa, không bao giờ muốn rời khỏi lũy tre làng ?

Nhưng cặp này không coi để đi xa. Chị thấy chung quanh anh có rất nhiều bạn bè, nhưng lúc nào lật ra cũng có con xì bích. Con bích là cầm chắc trong tay chiêng rắc rối buồng phiêng. Chị nói :

— Hôm nay bài không lên. Thôi mời ông bà bùa khác trở lại.

Người ta lại nhìn nhau, lại bàn tán không biết có nên đưa chị đi nhà thương không. Vài người lắc đầu vẻ thương hại, bỏ đi. Cặp vợ chồng sang trọng ấy cũng đi ra. Họ vừa tới cửa, không biết cái gì xui giục, chị bỗng đứng cất giọng :

— Đờn kêu tịch tịch tình tang, Ai đem công chúa lên thang mà dìa !

Lạ ! Chị giật mình vì cái ngân nga của chính giọng mình. Vậy mà bao lâu nay chị cất tiếng không lên ! Hai vợ chồng kia cùng quay lại. Rồi chị theo họ, ông bà bầu một gánh hát lớn ở Sài Gòn. Và từ đó, chị sống đời đời, không thấp thỏm nay tối căn gác này mai đi gác nọ để trốn công an vì mang tội gieo rắc mê tín dị đoan nữa.

Chị tập dượt chăm chỉ, hết lòng. Buổi trình diễn đầu tiên run lập cập từ đầu đến chân bởi chị chỉ quen với bầu không khí thoáng giữa trời ở sân đình sân miếu, với tiếng ồn ào la ó của đám con nít. Bây giờ thì sân khấu thênh thang nhưng kín bưng và khán giả im phắc, nghiêm chỉnh đợi chờ. Khi tấm màn nhung đỏ sẫm trịnh trọng kéo lên, chị khép nhẹ mi, tự nhủ thăm không thể lùi lại phía sau. Trước mặt chị không phải nét mặt thuần hậu lo âu của bà mẹ tiểu thư My Nương, mà là khuôn mặt võ vàng của mẹ già chờ từng ngày những đồng bạc chị gởi về.

My Nương uyển chuyển như sương khói, hờ hững trễ tràng như mây trời, mềm mại tươi thắm như nụ hoa vừa nở, éo lả thoát tha trong chiếc áo lụa màu xanh đến ngồi ở cửa sổ chờ nghe tiếng hát Trương Chi. Cô gái hầu sửa lại cái trâm trên tóc nàng và quạt nhẹ cho nàng — nhẹ tối nỗi cú như thế nếu quạt mạnh hơn sẽ làm bay mất My Nương. Mi nàng hơi sụp xuống, che dấu ánh mắt u buồn như đêm đông. Hai tay nàng mềm nhũn và nuột nà như những cộng bún, e ấp ôm lấy hai vai như thể muôn níu giữ chính mình. Rồi mông lung nhìn qua cửa sổ là đám đông khán giả, nàng cất tiếng than nã nùng, day dắc buồn và truyền cảm đến rợn người... Nếu quả thật nỗi buồn là vẻ đẹp sang cả nhất mà hoá công chỉ dành riêng cho người đàn bà, thì rõ ràng mối u tình của My Nương đã được bộc lộ một cách cực kỳ quý phái, làm não lòng người. Tiếng vỗ tay vang lên sấm nổ. Và từ đó, tai chị quen với những lời ca tụng. Từ đó, mắt chị quen nhìn tên mình viết trên áp phích dán nhan nhản khắp các con đường.

Ông bầu vẫn luôn luôn ít nói. Nếu có dịp mở miệng ra thì anh luôn luôn kèm theo một câu “ *thà chết trẻ hơn sống già vô ích* ”. Và anh có biệt danh là ông “ *thà chết trẻ* ”. Ngoài những lúc đóng tuồng, anh có một cuộc sống khép kín hoàn toàn. Văn hát là anh cùng vợ ra về ngay, có khi đi vội vã với cả phần son hoá trang của Trương Chi hay Lữ Bố. Với chị, anh giữ một khoảng cách đúng mực giữa một người đàn ông và người đàn bà, giữa một nữ diễn viên và ông chủ. Gặp nhau anh chỉ mỉm cười, chào thật ngắn rồi thôi, như thể họ chưa bao giờ quen nhau, chưa bao giờ chị là Diêu Thuyền ngồi trên đùi anh là Lữ Bố. Bà chủ bầu thì lúc nào cũng bắt thiệp, duyên dáng và tốt bụng với tất cả mọi người. Bà quản xuyến hết mọi việc, từ việc trả lương cho diễn viên, người làm, tới việc ra hầu tòa như có lần anh hề làm reo đòi tăng lương không thì anh nghỉ. Bà thản nhiên thay thế màn hề bằng màn tân nhạc. Anh hề mất việc khơi khơi, kiện. Ra toà, bà bầu bình tĩnh và nền nã doan trang như một mệnh phụ, nhìn thẳng vào ông chánh án, mỉm cười :

— Tôi phận đàn bà mà nếu không cứng rắn thì mạnh ai nấy làm reo, làm sao tôi điều khiển nổi một gánh hát cả ba bốn chục người ?

Nhưng rồi một lần, chỉ một lần thôi mà sê đánh dấu trong em trọn đời. Lữ Bố đưa quạt lên che cho quan Tu Đồ không thấy là chàng đang âu yếm hôn Diêu Thuyền. Mắt anh kề sát mặt em, mắt anh mỉm cười. Em hoảng hốt tự hỏi làm sao lại có thể gần nhau đến vậy. Và tâm hồn em như dấn ra, cái kỳ diệu ấy thầm lịm vào người. Em nhắm mắt lại, giữ hoài hình ảnh đôi mắt anh cười thật sát bên em. Mắt anh nói quá chừng làm em bối rối không hiểu hết ngôn ngữ riêng tư của nó — một thứ ngôn ngữ kín đáo, đầm thắm, nồng nàn. Nó reo vui trong mắt anh làm em nín thở, chìm đắm trong nỗi u mê ngàn ngát tuyệt vời. Anh gần em quá, gần em quá chừng. Không gì có thể gần hơn như vậy nữa. Nó vừa làm em sợ, vừa làm em hân hoan vô tả. Một mùi hạnh phúc tinh thuần làm em nao lòng. Hình như trái đất ngừng quay, sao em choáng váng. Hình như vũ trụ ngừng thở, nên em như chết ngôp. Lúc đó em quên hết đất trời. Em cũng quên tuốt hình ảnh tiêu tụy của mẹ vừa nhóm lửa vừa trông chừng thằng cháu ngoại lê lết dưới sàn. Em cũng quên tuốt là nó không bao giờ bước đi được với đôi chân tàn tật.

— Lại làm bộ điệu như đang đóng tuồng. Bà con có nghe cổ hát gì không ? Sao cổ nói thì ra tiếng mà hát thì lại không ra ? Nè cô, cô muốn nói cái gì ?

Em muốn nói cái gì ? Về chuyện gì kia ? Về chuyện cái đêm kinh hoàng người tài xế của anh hốt hải trở lại rạp, báo tin cho cả đoàn biết là anh vừa bị công an bắn hạ ? Họ nói khám phá trong nhà anh chị có vũ khí và truyền đơn chống chính quyền. Chống chính quyền ! Anh ơi, nghe ghê gớm quá. Anh có làm chuyện đó thật sao ? Nhưng anh chống cự làm gì cho họ bắn anh tức tưởi như vậy chớ ?

— Nè cô, nhà cô ở đâu để tui đưa cô về giùm ?

A, chị nhớ ra rồi. Nhà chị ở rạp hát. Nhưng ngay cái đêm hải hùng ấy thì mọi thú đều bị niêm phong. Bà chủ vào tù. Thế là mảnh đời riêng tư của họ đã gắn liền với số phận chung của bao sinh mạng. Đoàn hát tan rã, mỗi người một

nơi, nín thở, nghe ngóng. Đám tang của ông bàu bị cấm tổ chức rình rang, nhưng mấy ông bà nghệ sĩ mà, cứ họ chường mặt ra đường là cả khối người mê hát đi theo. Thành ra thiên hạ vì lòng ái mộ và tò mò đi theo người chết đã đông, đi theo xem người sống còn đông hơn nữa. Có nhiều người sụt sùi. Xe tang cứ nhích từng bước. Nhiều con đường tắt nghẽn. Nhân đám tang này, người ta xầm xì bàn tán về cái chết nữ nghệ sĩ Thanh Nga trước đó không lâu.

Rồi bà bầu một đoàn khác mời chị, đầu tiên là Lữ Bố Hồ Diêu Thuyền. Cũng hay, đời chị lúc nào cũng có người mời đóng tuồng. Hai tay nâng ly rượu lên ngang mày, giọng chị thánh thót ngân nga :

— Trước kính dâng một chén tửu hoàng, xin miễn chấp phận hèn bồ liễu...

Chữ “trước kính” chị lên thật cao, sau đó giọng xuống dần và tới chữ “hoàng” thì phải xuống thật thấp. Chữ “chấp” chị lại lên thật cao để chữ “hèn bồ” xuống thấp rồi giọng lại roron cao lên ở chữ “liễu” với giọng rung rung kéo dài như vô tận.

Nhưng hình như còn tệ hơn mấy hôm được thử với anh kép đoàn này, bởi dù với tất cả diêu luyện hồi giờ, giọng chị vẫn không thoát ra khỏi cổ. Chị chỉ nghe loáng thoảng một vài tiếng đứt quãng. Lữ Bố và Quan Tư Đồ đều trợn mắt nhìn chị, họ che quạt nhíu mày bảo chị hát to lên. Chị lại hát, vận hết sức mình. Họ lại nhăn mặt. Một tiếng huýt sáo. Rồi nhiều tiếng huýt sáo vang lên phía khán giả. Tấm màn nhung bàng hoàng hạ xuống. Tiếng la nho nhỏ, tiếng chân chạy tới gần kéo chị đứng lên. Chỉ còn như là một cái xác, chị ngắn ngoi không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Bởi vì anh oi, người Lữ Bố mới đó không phải là anh. Có cái gì trong em nó chối từ những ve vuốt ấy. Đôi mắt anh ta cũng nhìn sát bên em nhưng không cười, nó câm nín, vô hồn, em không nghe một lời nào và em đừng dung không có một xúc cảm nào.

Nhưng em đâu biết mình đón nhận cái nhìn đó nơi anh lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng ? Vẫn tuồng, trong khi anh ra về với vã hơn mọi ngày thì em vẫn ngồi uể oải bên cánh gà, nhìn mông lung xuống rạp vắng teo. Từng hàng lưng ghế cứ như những tấm bia mộ lạnh lẽo chạy dài, chạy dài ra mãi. Rạp hát thênh thang buồn như nghĩa trang. Em ngồi đó, lặng lẽ nâng niu ánh mắt cười của anh, nó mõi mẻ quá làm em vẫn còn choáng váng, nó thân ái quá làm em lịm người, nó đẹp quá làm em sững sờ. Và anh oi, nó là của anh dành cho em, cho riêng em thôi !

Chợt một nỗi phiền muộn không tên, một nỗi bồn chồn vô cõi, một cảm giác hụt hẫng ngọt ngào xen lẫn với niềm hạnh phúc đứt quãng xâm chiếm em. Em vẫn còn trong bộ áo Diêu Thuyền. Rồi em nghe cái tin khủng khiếp ấy. Vậy em là Diêu Thuyền nhận hạnh phúc và bất hạnh từ anh. Đầu óc em ráo hoảnh, đặc cứng trước hung tin đó. Em không tin vào tai mình, em không tin chú tài xế của anh, em không tin ai cả, nhưng em biết là anh thực sự xa em nghìn trùng. Những quẻ bài sau này em bói một mình cho anh, nghĩ tới anh, em thấy có một chiếc quan tài... Vậy mà trong đầu óc chẳng chịu buồn phiền, chưa bao giờ em có ý nghĩ là một ngày nào đó, trên cõi

đời này lại không còn có anh, và như vậy thì cũng không còn có em nữa — bởi vì làm sao người ta sống mà không có tình yêu tiếp sức ? Thà chết trễ...

Thiên hạ rầm rập chạy tới bên em. Có người la lên giựt tóc mai cho cổ tinh. Ba, chạy đi lấy cho chị hộp cù là. Họ muốn lột quần áo em ra, em ráng thều thào đừng... đừng... đê Diêu... Ô thi Diêu Thuyền diêu bè gì cũng được, mà cũng phải cởi bớt ra ở cổ cho dễ thở chó, hổng thấy đang xỉu hay sao. Em muốn gượng ngồi dậy, muốn nói là em đâu có xỉu. Việc gì mà xỉu ? Chỉ tại trên tóc Diêu Thuyền đủ thứ trâm cài lược đất làm đầu em nặng quá chao đi, chao đi... Anh oi, đầu em nặng quá, nặng quá, em không chịu nổi súc nặng... không chịu nổi...

Không biết sau khi mặc kế liên hoàn của quan Tư Đồ, cuộc đời Lữ Bố ra sao. Còn anh thì đã bỏ em rồi, bỏ em mãi mãi. Anh thật xa, thật xa, xa em quá chừng — nhưng ánh mắt anh ở lại, vẫn còn đó, vẫn theo em ngọt ngào. Nó sẽ theo em hoài hoài, khi em cười hay khi em khóc, trên sân khấu đời cũng như sân khấu tuồng. Ôi kỳ diệu thay là cái cười của mắt !

Bây giờ thì ngồi sát lại em thêm chút nữa đi anh, và nhìn em, và cười với em nữa đi... Đó, như vậy, để em dâng cho Lữ Bố của em một ly rượu nồng. Đây, uống đi anh, uống cho hạnh phúc ngắn ngủi của em, uống cho nỗi buồn trầm mặc của em. Và uống đi anh, cho những giọt yêu đương hiếm muộn như những giọt cam lồ nuôi em bớt khổ ải nhọc nhằn với cuộc đời còn lại ...

Người tò mò đứng xem càng lúc càng đông. Nhiều xe hơi cũng dừng lại làm giao thông bị nghẽn một khúc đường. Chị mỉm cười nhìn mọi người — nụ cười của một Diêu Thuyền sắc nước hương trời. Và chị quỳ xuống, tay phải làm như cầm ly rượu, với ngón út cong lên như cánh ngọc lan, tay trái vẽ một nửa vòng tròn từ dưới đưa lên rồi tựa kề tai mặt. Mắt chị lim dim mơ màng và liếc xéo đưa tình, chị cất tiếng lên — và lạ chưa, người ta nghe giọng chị ngân nga lanh lót, truyền cảm đến rợn người :

— Trước kính dâng một chén tửu hoàng, xin miễn chấp phận hèn bồ liễu...

Bỗng người đứng xem kêu lên :

— Trời ơi Diêu Thuyền chở ai ! Nữ nghệ sĩ Diệu Lan chở ai !

Vài người úa nước mắt :

— Trời cao đất dày ơi, sao cổ lại nên nồng nỗi này trời ?

Và không hẹn, mọi người đồng thanh kêu lên một lượt :

— Diêu Thuyền ! Diêu Thuyền !

Chị nhìn lên ngơ ngác, thức dậy sau một cơn mơ. Nắng Sài Gòn chang chang sáu bỗng tối sầm lại, vài giọt thánh thót rơi, ban đầu còn ngập ngừng rồi bỗng túa ào ra. Nhưng không phải trời mưa. Mà là Diêu Thuyền bật khóc.

MIÊNG

Paris, Juillet 1994